

THÍCH NHẬT TỪ

TỦ SÁCH ĐẠO PHẬT NGÀY NAY



T2

**Chết
đi về đâu**

NXB PHƯƠNG ĐÔNG

CHẾT ĐI VỀ ĐÂU

TỦ SÁCH ĐẠO PHẬT NGÀY NAY

Chủ nhiệm:

TT. Thích Nhật Từ

(ĐT: 0908.153.160; email: thichnhattu@gmail.com)

Tủ sách Đạo Phật Ngày Nay do Thầy Thích Nhật Từ chủ biên bao gồm các Nghi thức tụng niệm thuần Việt và trên 200 đầu sách nghiên cứu và ứng dụng về Phật học, thuộc loại sách gối đầu giường cần thiết cho mọi đối tượng độc giả.

Tủ sách Đạo Phật Ngày Nay đã xuất bản trên 100 CD về Đại tạng kinh Việt Nam và nhiều tác phẩm Phật học dưới dạng MP3. Đây là ấn bản đầu tiên trên thế giới về thể tài này. Tủ sách đã xuất bản hàng trăm sách nói Phật giáo, CD và VCD tân nhạc, cải lương và tiếng thơ Phật giáo. Ngoài ra còn có hàng ngàn VCD pháp thoại của Thầy Thích Nhật Từ và các vị pháp sư khác về nhiều chủ đề từ gia đình, xã hội đến đạo đức và tâm linh.

Quý tác giả, dịch giả muốn xuất bản sách nghiên cứu và ứng dụng Phật học, quý Phật tử muốn ấn tống kinh sách Phật giáo, các đại lý cần nhận sách phát hành, xin vui lòng liên hệ:

© NHÀ SÁCH ĐẠO PHẬT NGÀY NAY

Chùa Giác Ngộ, 92 Nguyễn Chí Thanh, P.3, Q.10, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 3839-4121

www.daophatngaynay.com | www.chuagiacngo.com

TỦ SÁCH ĐẠO PHẬT NGÀY NAY

THÍCH NHẬT TỪ

CHẾT
ĐI VỀ ĐÂU

(Tái bản lần 3)

NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

MỤC LỤC

Lời giới thiệu.....	vii
Nơi sẽ sinh về.....	1
Quan điểm của các tôn giáo và triết gia	3
Con thuyền và lục bình trôi sông	5
Cận tử nghiệp có định hướng	6
Lão phú hộ và thân phận con chó.....	8
Buông xả để nhẹ nhàng ra đi	11
Tâm lý trong cận tử nghiệp	13
Thuật phóng thích tâm lý tiêu cực.....	16
Lựa chọn cõi đi về.....	20
Chết đi về đâu.....	25
Chim Ưng trung thành	27
Chết không phải là hết.....	30
Nguồn điện của bóng đèn.....	32
Tập tục và quan niệm tống táng	35
Chết đi về đâu.....	40
Không tiếc nuôi cái chết.....	42
Thuật hỗ trợ hương linh	45
Chết tái sinh theo nghiệp.....	48
Định hướng nghiệp tích cực.....	52
Nghiệp cảm tương ứng trong tái sinh.....	54

Tử nạn và tử tù	61
Tử nạn - một loại hình hoạn tử.....	63
Tử nạn - thái độ và các phản ứng tâm lý	66
Bản chất nghiệp và thọ mạng.....	69
Tử tù - dưới cái nhìn Phật giáo.....	72
Nhà tu trong nhà tù.....	74
Vua Tần-bà-sa-la và án oan tử tù.....	77
Vĩnh biệt cuộc đời	81
Chết là một bến đò	84
Cái chết của người điện.....	85
Cái chết ở làng thiên lô	88
Không có âm phủ để trở về	90
Đôi tình nhân và nghĩa cử cao thượng	93
Người chết sống lại	96

LỜI GIỚI THIỆU

“*Chết đi về đâu*” là tuyển tập các bài pháp thoại của thầy Nhật Từ tại Hoa Kỳ, Úc châu và Việt Nam. Dựa vào kinh điển Phật giáo thuộc các truyền thống khác nhau, thầy Nhật Từ đã phân tích những trở ngại về tâm lý trước cái chết thường làm cho cái chết diễn ra sớm hơn và đau đớn hơn.

Nếu chết được hiểu là tiến trình tự nhiên mà mỗi hữu thể đều phải trải qua thì nỗi sợ hãi về cái chết sẽ trở thành nỗi ám ảnh, trước nhất là từ hữu thức sau đó là từ vô thức, làm cho cuộc sống con người trở nên tê nhạt và đáng sợ.

“*Chết đi về đâu*” không nhằm giải đáp “cảnh giới đi về” của mọi người và mọi loài mà nhằm phân tích dưới góc độ Phật học sự tương thích về nhân quả và nghiệp của con người trong tiến trình tái sinh.

Triết học Phật giáo xác định rõ chết không phải là sự kết thúc vĩnh viễn của một kiếp người, trên thực chất chỉ là một dấu chấm rất nhỏ trong tiến trình sanh tử vốn không có bắt đầu và không có kết thúc. Triết học Phật giáo còn xác định khái niệm âm phủ mà nhân gian thường sử dụng mô tả cảnh giới vĩnh hằng sau khi chết, chỉ là một ý niệm sai lầm và gây ảnh hưởng tiêu cực trong tiến trình tái sinh tự nhiên của nghiệp.

Vì nghĩ rằng có âm phủ, nhiều tang gia hiếu quyến phải mua giấy vàng mã, nhà giá và người nộm rất đắt tiền rồi thiêu đốt một cách hoang phí. Dựa vào lời Phật dạy, tác giả hướng dẫn

viii § CHẾT ĐI VỀ ĐÂU

các kỹ năng buông xả trước lúc ra đi để cái chết diễn ra tự nhiên, nhẹ nhàng và thanh thoát. Theo đó, người đối diện cái chết khỏi phải bận tâm mình đã sống được bao nhiêu năm trên đời, thay vào đó là chánh niệm “sống như thế nào”.

Theo tác giả, chánh niệm về cách thức sống sẽ làm cho cuộc sống có chất lượng hơn. Sống tích cực, năng động, tinh tấn hướng về chân thiện mỹ, bây giờ và tại đây, chính là làm cho cuộc sống có ý nghĩa hơn. Sống lương thiện, đạo đức trong tinh thần phụng sự với thái độ vô ngã vị tha thì ngay cái chết, dù chết như thế nào, người ra đi chắc hẳn sẽ có “*một cõi đi về*” thích hợp.

NXB Phương Đông



NƠI SẼ SINH VÈ

(Chùa Diệu Tú, Hà Nội, ngày 30-6-2008)

Phiên tả: Huỳnh Thị Nhã Phương

QUAN ĐIỂM CỦA CÁC TÔN GIÁO VÀ TRIẾT GIA

Nơi sẽ sinh về là mối quan tâm của nhiều người đang sống ở cõi sống và cõi chết. Tỉnh thoảng, mỗi người trong chúng ta tự đặt câu hỏi: Ta từ đâu đến? Chết đi về đâu?

Các tôn giáo và triết học đã nỗ lực tìm giải pháp cho hai câu hỏi trên mà thực tế chẳng đơn giản tí nào. Các tôn giáo như Do Thái, Thiên Chúa, Tin Lành, Hồi giáo, Ấn Độ giáo, Nho giáo v.v. ... quan niệm rằng con người đến là do Thượng đế ban tặng sự sống, và mượn bào thai của người mẹ để hình thành. Các triết gia Hy Lạp cổ đại quan niệm rằng con người đến từ Đất, Nước, Gió, Lửa. Triết gia chủ nghĩa duy vật hiện đại quan niệm con người đến từ vật chất. Mỗi quan niệm về nguồn gốc có mặt của con người đưa đến những học thuyết lý giải về sự ra đi và nơi chôn sinh về khác nhau.

Các nhà duy vật cho rằng sau khi chết con người sẽ trở về với nguyên lý vật chất. Đời sống con người chỉ có một kiếp sống duy nhất ở hiện tại. Sinh ra từ vật chất, phát triển ý thức, sống và làm việc trong cuộc đời; đến lúc già, bệnh và chết diễn ra là dấu chấm cuối cùng, và sau cái chết sẽ không còn gì nữa. Quan điểm đó được đạo Phật cho là đoạn kiến, nghĩa là cái nhìn bị giới hạn. Trong khi bản chất của thế giới sinh học gồm con người và các loài động vật thì cái chết không phải là dấu chấm cuối cùng. Cái chết giống như một con đường thẳng được nối kết bằng nhiều dấu chấm và nhiều điểm khác nhau. Chết ở nơi này để tiếp nối sự sống ở nơi khác. Các nhà tôn giáo học hữu thần cho rằng con người được tạo ra bởi Thượng Đế và khi chết chỉ có hai cảnh giới tái sinh, hoặc lên Thiên đường để hưởng nhân đức chúa đời đời kiếp kiếp nếu ai tin Chúa. Trái lại, kẻ nào dám đặt vấn đề, thắc mắc về nội dung của kinh Thánh, không tin theo thì được xem là con chiên ngoài đàng, sau khi chết bị đày xuống hỏa ngục và thiêu rụi đời đời kiếp kiếp. Quan niệm này Phật giáo gọi là đoạn kiến, bởi vì cấu trúc nhân quả trong đời sống về niềm tin tái sinh

4 § CHẾT ĐI VỀ ĐÂU

đoàn hậu như thế không phản ánh được bản chất vận hành trong từng hành động, lời nói, việc làm và tư duy của con người.

Trong *Bát Nhã Tâm Kinh*, đức Phật đề cập: Chư pháp “*bát sinh bát diệt*”. Bốn chữ này có ý nghĩa rất sâu sắc, có nghĩa là tất cả mọi sự vật, hiện tượng không tự sinh ra và không tự mất đi vĩnh viễn mà chúng chuyển từ dạng này sang dạng khác. Định lý này được khoa học ngày nay xác định như một nguyên lý, hay định luật bảo toàn năng lượng của vật chất. Một cơn mưa nặng hạt từ trên vàng mây lừng trong không gian, sau đó rơi xuống mặt đất, nếu không có hệ thống thoát nước thì chắc chắn thủ đô Hà Nội sẽ chìm trong biển nước. Nước thấm xuống lòng đất sẽ bị mất đi, nhưng do tác động của khí hậu, nước lại bốc hơi và trở thành mây, và cứ thế nó vận hành khi thì là mây, khi là hơi nước, khi là mưa... Nguồn năng lượng được thay hình đổi dạng, không bị mất đi một cách vĩnh viễn, đó là quy luật bảo toàn năng lượng.

Sự sống con người không phải do Thượng đế sinh ra. Vì theo đạo Phật, Thượng đế không có thật, chỉ do niềm tin mê tín của con người nắn tạo ra mà thôi. Một triết gia Đức từng phát biểu: “*Thượng đế đã chết*”, nghĩa là khi khoa học, kiến thức, trình độ, đạo đức của con người phát triển thì lúc đó niềm tin vào Thượng đế sẽ không còn.

Hậu quả của cái nhìn đoạn kiến sau khi con người chết là hét dẫn đến một đời sống dễ dàng, buông lung. Bởi sự so sánh giữa người thiện và kẻ ác đều có kết cục giống nhau thì cần chi phải làm lành lánh dữ. Có nhiều người, dù không tin có đời sau nhưng do sự giáo dục, giao lưu, tiếp xúc với người hiền lương, nên họ vẫn là con người tốt suốt quãng thời gian có mặt trên đời. Người rơi vào hoàn cảnh nghèo, bị thúc ép bởi sức hút, cám dỗ của xã hội... có thể trở thành kẻ buông lung, ăn chơi sa đọa, đánh mất trách nhiệm đạo đức về đời sống bản thân. Hậu quả lối sống buông thả đó càng làm cho họ lún sâu trong vũng lầy nghiệp xấu và tội ác.

CON THUYỀN VÀ LỤC BÌNH TRÔI SÔNG

Ngày 28-06-2008, sau khi thuyết giảng tại một số ngôi chùa ở Hà Nội, tôi đến viếng thăm chùa Bồ Đề. Hôm ấy, tôi đi bộ dọc bờ sông Hồng. Sông Hồng rất đẹp, trên mặt nước có vài chiếc lục bình đang trôi, xa xa có vài chiếc thuyền. Nếu để ý quan sát cảnh lục bình trôi bồng bềnh trên sông nước, có thể thấy đây là sự trôi vô định, không có mục đích. Bởi bản chất của lục bình không có ý thức, trôi tùy theo thủy triều lên hoặc xuống, tùy sức gió vận hành trên mặt nước, và có thể tấp dạt vào bờ. Nhất là ở những đoạn khúc khuỷu, đôi lúc nó trôi ra giữa sông, hoặc đứng yên tại chỗ. Việc trôi của lục bình hoàn toàn dựa vào duyên, mất sự chủ định. Ngược lại, con thuyền trên sông nước lại có định hướng rõ ràng. Chủ nhân con thuyền biết rõ mình xuất phát từ đâu, và chở hàng hóa cập bến nào. Do có chủ định rõ nên thuyền sẽ không đậu vĩnh viễn trên sông, mà nay chỗ này, mai chỗ khác. Chỉ cần so sánh hai hình ảnh giữa con thuyền và lục bình trên sông Hồng cho thấy rõ có hai hình thái của sự đi về.

Câu hỏi “chết đi về đâu” với sự so sánh giữa hai hình ảnh trên cho thấy hai khuynh hướng. Thứ nhất, trong tình huống của chiếc thuyền có người lái thì con người hay các loài động vật khi qua đời sẽ đi theo nghiệp. Các năng lượng nghiệp sẽ chủ động dẫn dắt, đưa đường dẫn lối về cảnh giới với nghiệp tương ứng, để tái sinh làm người với nhân quả tương thích, hoặc ở cảnh giới thấp kém, hoặc ở cảnh giới cao thượng. Tình huống lục bình trôi vô phương hướng tượng trưng cho người chết chưa có sự chuẩn bị, thái độ không chấp nhận cái chết như một sự thật, cứ muốn níu kéo, bám víu mãi. Vì vậy thân hồn vẫn vương, lang thang vô định và thiếu mục đích, nên phải chấp nhận tồn tại trong cảnh giới mà dân gian thường gọi đó là cõi âm. Hương linh tồn tại trong thế giới cõi âm với tính thời gian dài ngắn cũng tương tự như lục bình trôi không có hướng đi về. Cách thức sống lãng vãng như vậy được

6 § CHẾT ĐI VỀ Đâu

gọi là nga quỷ, tức là ma quỷ đói khát về cảm xúc, nhận thức, tiêu thụ và nhiều phương diện hưởng thụ khác.

Tình trạng vô phương hướng trong tái sinh khiến hương linh tổn nhiều năng lượng. Thay vì để các hạt giống mà họ từng gieo trồng trong suốt quá trình sống có cơ hội trở quả thì người không có phương hướng do vì chấp trước, tiếc nuối, hận thù, oan ức nên phải bị kẹt lại, mất đi khoảng thời gian trung chuyển quá dài. Điều này giống như sự hành hạ, đày đoạ cảm xúc và tâm thức.

Hành giả là Phật tử có sự tu tập, được huấn luyện tâm thức, chấp nhận vô thường và vô ngã thì khi cái chết diễn ra, xem đó là qui luật bình thường. Ai có sự sống và được sinh ra từ cha mẹ thì chắc chắn phải trải qua cái chết. Vấn đề còn lại là tính thời gian dẫn đến sự tương thích về tuổi thọ hay yếu thọ mà thôi. Phủ định cái chết như một sự thật khiến con người có mặt trong thế giới sự sống như chiếc lục bình trôi vô nghĩa và khổ đau. Chính vì vậy, phải tập huấn luyện tâm thức theo cách làm chủ hành động, nói theo ngôn ngữ Tịnh độ tông gọi đó là “*Dự tri thời chí*”, tức là nắm bắt và biết rõ giờ khắc mình sẽ ra đi và đi về đâu.

CẬN TỬ NGHIỆP CÓ ĐỊNH HƯỚNG

Phật giáo Tây Tạng huấn luyện các nhà sư về nghệ thuật sắp xếp cõi đi về sau khi qua đời bằng sự phát nguyện, nghĩa là thoát khỏi vòng dẫn dắt của nghiệp vốn giam hãm và trói buộc con người trong tiến trình tái sinh. Vì có phát nguyện nên năng lực đẩy con người đi vào cuộc đời, về ngay nơi mà họ muốn đến. Tùy theo ước nguyện, mà sự đi về của mỗi con người đi theo một điểm đến nào đó, theo sự sắp xếp (theo nghiệp), hoặc theo nguyện ước (theo phát tâm Bồ đề). Các vị cao tăng, hành giả chứng đắc và người có sự huấn luyện, làm chủ vận mệnh trong tái sinh đều có thể phát nguyện để đi vào cảnh giới nhất định.

Hòa thượng Thích Trí Thủ, chủ tịch Giáo hội Phật giáo Việt Nam đầu tiên phát nguyện đời đời kiếp kiếp tái sinh làm lại con

người trong cõi Ta bà này chỉ để làm một trong hai việc. Thứ nhất, nếu tái sinh dưới hình thức là người cư sĩ, ngài phát nguyện sẽ là vị minh quân hay nguyên thủ quốc gia để hướng dẫn mọi người trở về con đường chánh pháp, mang đạo lý Phật truyền bá cho muôn dân; giúp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, cơm no, áo ấm, lúa thóc được mùa, mưa thuận gió hòa; chiến tranh, khủng bố, đói nghèo không còn nữa. Thứ hai, nếu tái sinh là người tu sĩ, ngài phát nguyện luôn là người lãnh đạo Giáo hội, để hướng dẫn cho các thế hệ sau đi đúng quỹ đạo của chánh pháp, giúp ích cho người hữu duyên với Phật pháp.

Sự phát nguyện lúc lâm chung sẽ định thành cận tử nghiệp có định hướng, giúp cho sự ra đi sẽ ở một trong hai nơi này. Ngài đã qua đời vào năm 1984. Nếu áp dụng nguyên tắc tái sinh trung bình là 9 tháng 10 ngày trong thai mẹ, cậu bé nào ra đời khoảng một năm sau trong khoảng thời gian Hòa thượng viên tịch, chỉ cần quan sát tâm tính, hành động, lời nói, việc làm có những dấu hiệu gần giống Hòa thượng lúc sanh tiền thì đoán biết đó là hậu thân của Hòa thượng.

Nghiệp do con người tạo ra trở thành chất keo gắn bó, nhất là những gì gắn bó trong mấy mươi năm cuộc đời tạo cảm giác gần gũi, thân mật hơn cái vừa mới quen. Ví dụ ở đạo tràng Pháp Hoa - chùa Diệu Tú này, phần lớn quý Phật tử mặc áo tràng lam theo văn hóa pháp phục của Phật giáo miền Nam. Nếu đạo tràng này được thiết lập ở miền Bắc trong những năm trước thì quý vị sẽ mặc áo tràng nâu của miền Bắc tượng trưng cho sự thanh bần. Ai đã quen với áo tràng lam, đến cuối đời chắc chắn vẫn tiếp tục mặc màu áo này. Áo tràng lam vẫn gắn bó hơn so với áo tràng nâu. Hoặc quý vị nào có thói quen dùng râu chuỗi để lằn và niệm Phật, giá trị râu chuỗi có thể chẳng đáng là bao. Rồi quý vị được một nhà sư tặng một râu chuỗi khác bằng đá quý, mà giá trị cao gấp nhiều lần so với râu chuỗi mà mình đang lằn niệm, nhưng quý vị vẫn cảm thấy nó không quý bằng. Nếu được

8 § CHẾT ĐI VỀ ĐÂU

lựa chọn, chắc chắn quý vị sẽ chọn râu chuỗi gắn với sự hành trì của mình trong nhiều năm qua.

Khi còn sống, bất cứ kỉ niệm vật nào đều tạo nên sự gắn bó. Đến lúc qua đời, tất cả năng lượng, hành động, chức nghiệp, và sự hành thiện của con người không bị mất đi. Theo nguyên lý bảo toàn năng lượng, nó tồn tại cùng một lúc tại thời điểm mà ta đầu thai, tâm thức ta trở thành phôi trong bào thai người mẹ. Vì vậy, nhiều cậu bé hay cô bé vừa mới chào đời đã có những thiên hướng bẩm sinh, mà tâm lý học Phật giáo gọi đó là: “*Câu sanh chủng tử*”, tức là những hạt giống năng khiếu xuất hiện ngay cùng thời điểm đưa bé ấy chào đời, khiến chúng có thói quen chọn những vật liệu từng quen thuộc, gắn bó.

Hành giả nào ở đời trước từng có thói quen lần chuỗi, niệm Phật, khi tái sinh ở đời sau nếu quan sát sẽ thấy rõ trong buổi lễ thôi nôi; đứa bé ấy có khuynh hướng chọn râu chuỗi - một vật liệu từng gắn bó với nó từ đời trước. Nếu là một nhà sư tu hành chân chính, phát nguyện trở lại cuộc đời để độ sinh, khi nhìn thấy râu chuỗi, cái mõ, cái chuông chắc chắn đứa bé sẽ chọn những vật dụng biểu tượng của người tu. Bởi vì quá khứ từng là một nhà sư trong niềm an vui, hạnh phúc phục vụ nhân sinh, khiến người đó có khuynh hướng gợi nhớ lại những hạt giống ấy.

Người tu có thể làm chủ được vận mệnh lúc lâm chung, để tái sinh ở những gia đình thích hợp với nguyện ước của mình, tiếp tục thực hiện công việc còn dở dang.

LÃO PHÚ HỘ VÀ THÂN PHẬN CON CHÓ

Chuyện kể có ông phú hộ giàu sang, phú quý nhưng lại keo kiệt. Ngoài gia tài đồ sộ, ông còn có cả một lọ vàng và kim cương mà ngay cả vợ con ông cũng giấu, không cho biết. Một hôm, ông cho phép vợ con mình đi chơi xa, ở nhà ông đào một cái hố nhỏ dưới gầm giường với độ sâu vừa đủ chôn hũ vàng và

kim cương. Rồi đến một ngày, trong lúc đi đường thì tai nạn giao thông ập đến, ông chết bất đắc kỳ tử trong lúc vàng bạc, kim cương chưa kịp sử dụng, vợ con cũng không hề hay biết. Ông tiếc nuối vô cùng, chính cái tâm luyến tiếc ấy đã khiến ông tái sinh làm con chó được sinh ra trong nhà của ông. Thời gian về sau, người con trai trong gia đình có cảm giác thương con chó nhiều lắm, luôn gần gũi và ngủ chung với nó.

Mỗi ngày, nó được tắm gội, cho ăn uống thịnh soạn và được chủ dắt đi dạo phố. Thậm chí ngay lúc còn sống, ông phú hộ chưa chắc nhận được sự chăm sóc, hiếu thảo của người con chu đáo đến thế. Một hôm, đức Phật cùng tăng đoàn đi khất thực ngang qua nhà ông phú hộ này, bỗng con chó từ trong nhà nhảy ra sủa âm ỉ. Khi ấy, đức Phật dừng lại, những người đệ tử lo ngại con chó này sẽ cắn Ngài, nhưng đức Phật bảo:

- Không sao đâu, con chó này có duyên với ta đấy!

Con chó lại tiếp tục sủa âm ỉ. Đức Phật quán tưởng và thấy rõ con chó này tiền thân là lão phú hộ, do vì chấp trước vào vàng bạc, châu báu nên phải tái sinh mang thân phận con chó để tiếp tục canh giữ của cải ấy. Vì con chó không có ngôn ngữ truyền thông như con người, nên nó không thể báo lại cho gia đình này biết. Mặc dù ngày nào nó cũng nằm ngay vị trí gầm giường, nơi chôn giấu của cải. Đức Phật sờ vào đầu nó, dùng năng lực từ bi truyền tải số tâm thức giúp nó nhớ được tiền kiếp mình là phú hộ. Đột nhiên, nó ngưng bặt không sủa nữa. Ngài nói với con chó:

- Mong mãn báo thân này, ông nhớ lại tiền thân của mình và hãy từ bỏ sự luyến tiếc về gia tài. Lúc đó, ông mới có thể tái sinh làm con người, được tiếp tục hưởng phước báu mà ông đã tạo.

Nhìn thấy con chó đang sủa mà bỗng dung tắt lịm, người con trai vừa ngạc nhiên vừa tức giận mắng chửi đức Phật:

- Ông đã làm gì con chó tôi mà đột nhiên nó im bặt vậy?

10 § CHẾT ĐI VỀ ĐÂU

Đức Phật nói:

- Nay người trai trẻ, đừng vội nóng giận. Con chó này thực ra là cha ruột của anh, do vì bị tiếc nuôi nhiều quá nên ông ấy phải mang thân phận là con chó nhà này.

Chàng thanh niên tức giận nói:

- Tại sao ông lại dám chửi bới tổ tiên tôi, bàn hương án của cha tôi vẫn còn nghi ngút khói, sao ông dám bảo con chó là cha tôi?

Đức Phật nói:

- Nếu anh không tin, hãy vào ngay chiếc giường nơi cha anh thường ngủ, phía dưới gầm giường đào xuống độ sâu khoảng 1,5m, sẽ thấy một lọ vàng và kim cương được chôn giấu bên dưới. Cha anh vì tiếc nuôi số của cải này mà đầu thai làm thân phận con chó, mỗi ngày được ngủ dưới gầm giường để canh giữ.

Nghe đức Phật nói thế, người con trai ông phú hộ chợt nhớ lại suốt thời gian qua, quả thật con chó này thường hay nằm dưới gầm giường. Thế là anh cho người đào bới ngay vị trí đó, và quả thật tìm thấy hũ vàng. Vì được sự hướng dẫn của đức Phật, nên chỉ một, hai ngày sau con chó đã qua đời dù không bệnh tật gì. Bởi lẽ nó đã cảm nhận được, buông bỏ sự tiếc nuôi và chấp trước nên nhẹ nhàng ra đi. Đây là câu chuyện lịch sử diễn ra trong thời của đức Phật.

Câu hỏi chết đi về đâu đã có lời giải đáp - chết đi theo nghiệp, đó là công thức tổng quát. Nhiều người làm phước lành, gieo trồng công đức, phước báu, mà lẽ ra nếu chịu buông xả, không còn tiếc nuôi thì chắc chắn họ sẽ tái sinh làm người để tiếp tục hưởng gia tài và các hạt giống mà mình gieo trồng trong quá khứ. May mắn thay con chó này được gặp đức Phật, nếu gặp những người khác không có năng lực tha tâm thông, thiên nhãn thông thì chẳng biết đến khi nào nó mới có thể đầu thai làm người.

BUÔNG XẢ ĐỂ NHỆ NHÀNG RA ĐI

Trạng thái tiếc nuối làm trì hoãn quá trình tái sinh làm con người ở một hay nhiều kiếp. Cận tử nghiệp là nhận thức, thái độ, kéo theo hành động trong những giờ phút cái chết sắp diễn ra. Trong tiến trình tái sinh cũng vậy, có người mãi mê nhìn ngắm hoa thơm cỏ lạ bên vệ đường mà quên mất đường đi, mục đích và điểm đến của mình là đâu. Hành giả Tịnh độ tông có điểm đến là Tây Phương Cực Lạc, nhưng khi qua đời không hướng tâm về Tây Phương mà lại hướng tâm về ngôi nhà mình mới vừa xây xong chưa kịp hưởng thụ, đành phải tái sinh trở lại ngôi nhà đó, làm người con hay cháu ở nhà ấy. Những điều này đôi lúc chúng ta không tin nhưng có thật. Các vị công thần với triều chính, suốt cuộc đời sống liêm minh, đứng đắn, quên mình để phục vụ cho quê hương nhưng vì lời sàm tấu, bị vua nghi oan nên phải tru di tam tộc. Chẳng hạn như cụ Nguyễn Trãi đến mấy trăm năm sau mới được minh oan, hoặc ngài khai quốc công thần trạng nguyên Lê Văn Thịnh và nhiều vị tướng tài ba lỗi lạc khác.

Những người chết trong nỗi hăm oan nức không là Phật tử, được huấn luyện kỹ về sự buông xả, lỡ mà chấp trước thì khó được siêu thoát. Họ bị lẫn quân trong cái án mà danh thơm tiếng tốt của mình bị chôn vùi trong tủ nhục, đau đớn, bị lịch sử khinh thường, phỉ nhổ, lúc đó tiến trình ra đi sẽ bị trì hoãn lại. Trong những tình huống như thế, hương linh thường về mách bảo, đưa đường chỉ lối cho con cháu biết để giúp họ tháo mở nỗi hăm oan [...]

Câu chuyện thiền của Phật giáo Nhật Bản có dạy một câu rất sâu sắc chỉ với hai từ: “*thế à*”, đó là cách thức đưa nỗi hăm oan ra bên ngoài, không than oán cuộc đời, không qui trách nhiệm cho tha nhân, xem đó là chuyện không đáng để bận lòng. “*Thế à*” với nụ cười tươi, như một sự trả nghiệp, giải nghiệp oan trái của mình với một người nào đó. Tuy nhiên, đạo Phật dạy

12 § CHẾT ĐI VỀ ĐÂU

muốn tháo gỡ nỗi hàm oan thì cần phải lên tiếng, trình bày hoặc giải thích. Luận Bảo Vương Tam Muội có dạy: “*Oan ức không cần biện bạch, vì biện bạch là hèn nhất*”. Tôi khuyên quý vị không nên thực hành theo, bởi lời Phật dạy trong kinh xác thực hơn rất nhiều.

Đức Phật từng bị biết bao nỗi hàm oan trong cuộc đời với lời vu khống, thị phi, nói xấu v.v... nhưng trước mỗi sự việc Ngài đều lên tiếng như sau: “*Điều này không có trong tôi, tôi không phải là tác giả của điều gán ghép này*”. Việc người ta có tin hay không thì tùy. Ít nhất về phương diện trách nhiệm xã hội trong việc phơi bày chân lý, Ngài đã thực hiện trọn vẹn, không rơi vào cái tôi bị tổn thương, cái tôi là nạn nhân, xem đây là cơ hội để tuyên bố chân lý, vì vậy cái gút hàm oan được tháo gỡ phần nào. Nếu bị oan mà không nói ra, người ta cứ ngỡ đó là sự thật, rồi những lời vu khống, xấu xa được lan truyền khắp nơi, quần chúng mất hết niềm tin về con đường đạo đức, gây nhiều trở ngại trong cuộc đời.

Dĩ nhiên, trong chế độ quân chủ, năng lực tự mình oan rất khó, bởi lẽ ta nói chưa chắc vua đã nghe, và đôi lúc cũng không có cơ hội để phân trần, nhưng khi tuyên ngôn rằng mình không phải là tác giả của việc ấy, lập tức ta cũng học được bài học về sự buông xả, không giận hờn, hận thù với người kết án sai hay cố tình hại ta. Thực tập được như thế, ta không còn bị trở ngại trong tiến trình tái sinh, bằng không phải mất đến vài mươi năm, vài trăm năm, hoặc kém may mắn hơn có thể là vài ngàn năm. Như vậy trong tiến trình chết đi về đâu, người bị hàm oan nếu không được tháo gỡ sẽ bám víu, tồn tại mãi với nỗi oan ấy, tiến trình tái sinh cũng bị gián đoạn.

Một câu chuyện khác kể rằng, vị Hòa thượng ngộ đạo cao đức trọng, những năm cuối đời có thú vui đam mê trồng hoa. Vườn hoa được chính tay ông chăm sóc kỹ lưỡng, đến độ nó như một phần sự sống của ông. Rồi đến một ngày, Hòa thượng viên tịch.

Do bởi Hòa thượng ngày đêm nhớ tưởng mãi về vườn hoa mà quên mất tâm Bồ đề, đành phải tái sinh làm con sâu ngay vườn hoa ấy. May thay có một vị Hòa thượng khác biết việc này, nên đứng bên con sâu bảo rằng: *“Ngài là một vị Hòa thượng đức độ nhân từ, không nên luyến tiếc vào những bông hoa đẹp này.”*

Nhờ sự hỗ trợ và nhắc nhở như thế khiến con sâu thức tỉnh, sớm từ bỏ thân phận và tái sinh lại một tu sĩ, tiếp tục con đường Bồ-tát đạo. Đó là những câu chuyện không nên xem thường và không tin. Những năm tháng cuối đời, đừng để lòng tham, sân, si tác động, chi phối hoặc ảnh hưởng; thái độ luyến tiếc, hận thù, hờn dỗi, oan ức bám vào mảnh đất tâm. Vì như vậy, ta sẽ bị lẫn quẩn trong cảnh giới không tương ứng với nghiệp phước mà mình đã gieo tạo. Dĩ nhiên, trong thời gian trung chuyển, nếu ta bị vướng thì các phước báu từng gieo trồng bị mất đi, nó tồn tại dưới dạng tích năng lượng, nhưng không đủ cơ hội phát triển. Trải qua nỗ lực của tự thân hoặc thông qua khóa lễ cầu siêu, được hướng dẫn rũ bỏ sự chấp trước, lúc đó nguồn năng lượng tái sinh mới tiếp tục ứng với nghiệp cảm tương thích.

TÂM LÝ TRONG CẬN TỬ NGHIỆP

Tâm muốn về chỗ nào, nguồn năng lượng tái sinh đẩy ta về chỗ đó nhiều hơn. Những đột biến thay đổi tâm lý vào giờ phút cuối cùng trước khi chết có thể diễn ra theo chiều hướng tốt hoặc xấu. Có người suốt cuộc đời làm điều xấu, nhưng những năm tháng cuối đời được hướng dẫn điều hiền lương, đạo đức, nên họ hồi đầu, ăn năn, sám hối, làm lành, ăn chay, tu phước thì cận tử nghiệp này lại mở ra tiến trình tái sinh tốt đẹp. Còn người tu hình thức, tức là chưa chuyển hóa được nội tâm, sự thanh tịnh chưa trọn vẹn thì cận tử nghiệp ấy lại mở ra tiến trình tái sinh xấu đi.

Tình huống của người bệnh xơ gan cổ trướng thường được hướng dẫn một phương pháp cổ truyền rằng, nên ăn các loại ốc bươu băm nhuyễn, nhất là ăn sống sẽ tạo ra nguồn dưỡng chất

14 § CHẾT ĐI VỀ ĐÂU

giúp duy trì lá gan, trì hoãn tiến trình xơ hóa dẫn đến cái chết. Nhiều Phật tử là con thảo cháu hiền phân vân, chẳng biết có nên làm theo lời khuyên của y học cổ truyền hay không. Họ đến chùa hỏi, và câu trả lời của tôi là đề nghị họ nên thương thảo ý kiến người bệnh trước khi quyết định. Dù thương thảo hay quyết định của tự thân, tôi luôn cân nhắc họ nên đặt lên bàn cân ba yếu tố sau:

- Tính thời gian kéo dài sự sống cho bệnh nhân được bao lâu? Nếu theo y học chỉ là một năm hoặc vài tháng tùy từng trường hợp phát hiện sớm hay muộn thì đây không phải là giải pháp tối ưu. Bởi sớm muộn gì cái chết cũng diễn ra, đôi lúc việc kéo dài thời gian chỉ làm tăng thêm tình trạng khổ thọ, tức là duy trì dòng cảm xúc khổ đau, đau đớn trên cơ thể bệnh nhân.

- Việc giết và làm thịt các loại ốc bươu mỗi ngày lên đến vài chục con, và nếu trong vòng một năm như thế thì nghiệp sát sẽ tăng lên đến hàng trăm lần. Phước tuổi thọ mà thân nhân giúp người bệnh chẳng đạt là bao nhưng tác hại lại nhiều hơn, gây hậu quả yếu thọ và bệnh tật trong tiến trình tái sinh ở đời sau thêm nặng nề.

- Trong thời gian được nuôi dưỡng bằng những thực phẩm tạo nghiệp sát như thế, liệu người thân có hướng tâm về cảnh giới an lành hay không, hoặc ngày đêm cứ nơm nớp lo sợ cái chết. Nếu cái chết diễn ra trong trạng thái bị khủng hoảng tâm thức như thế là điều vô cùng nguy hại.

Chi bằng hướng dẫn tâm của người thân giúp họ bình thản đối với sự sống và cái chết, không bận lòng bởi vì sớm hay muộn ai cũng phải một lần trải qua. Vấn đề sống thọ hay chết yếu không quan trọng. Điều quan trọng là sống như thế nào với chất liệu và chất lượng ra sao. Nếu suốt quá trình sống ta làm lành lánh dữ, an vui, hạnh phúc thì nghiệp này sẽ tạo ra tiền

trình cận tử nghiệp có cùng chiều hướng giống nhau, lúc đó tâm được an và ra đi nhẹ nhàng. Đó là điều phúc cho người quá cố lần thân bằng quyến thuộc.

Người lớn tuổi khi được bác sĩ đề nghị muốn ăn gì thì cứ ăn, đừng nên vì thế mà hưởng thụ quá nhiều. Bởi cái chết sẽ diễn ra sớm hơn và nghiệp hưởng thụ này sẽ ám ảnh làm cho người đó khi tái sinh ở đời sau lại tiếp tục làm người hưởng thụ. Trong khi suốt cuộc đời họ sống rất hiền lương, nhưng lại bị thay đổi khuynh hướng nghiệp vào giờ phút cuối đời từ tốt thành xấu là điều không nên. Nếu lỡ phát hiện ra mình mắc phải những chứng bệnh nan y trong giai đoạn cuối, sự sống chỉ tồn tại trong khoảng thời gian ngắn ngủi, người Phật tử hãy坦然 nhiên với điều này và thốt lên một câu: “*thế à*”. Trạng thái không sợ hãi tạo thành nguồn năng lượng kháng sinh giúp sống bình an và kéo dài cái chết. Kháng thể đó lệ thuộc vào tâm lý tích cực hay tiêu cực.

Năm 2003, tôi được UNICEF tài trợ đến viếng thăm 10 trung tâm AIDS của Phật giáo Thái Lan dọc theo biên giới Chiang-rai, Chiang-mai, Chiang-nai giữa Thái Lan và Miến Điện. Các bệnh nhân nơi đây đều là những người Thái ở vùng nông thôn nghèo khó. Do thiếu kiến thức về bảo hộ sức khỏe, cái nghèo chi phối và do muốn có nhiều tiền nên nhiều chị em đã trở thành nạn nhân của căn bệnh thế kỷ trên đất nước này.

Có dịp tiếp xúc với các bệnh nhân giai đoạn cuối, mỗi khi đến, tôi đều tụng một bài kinh bằng tiếng Việt. Trong lúc thời kinh diễn ra, tôi quan sát thấy một số bệnh nhân cố gượng ngồi dậy. Trong số đó có một phụ nữ tuổi ngoài 30 với thân thể gầy còm cố gượng dậy mà không đủ sức. Tôi ra dấu yêu cầu cô hãy nằm xuống. Cô cố gắng chấp tay để xá chào nhưng với sức lực yếu ớt khiến cô không thể nào đưa tay lên được. Trong lúc tôi tiếp tục tập trung cao độ để tụng niệm, chưa hết bài thần Chú Đại Bi thì cô đã qua đời. Trước khi qua đời, trên môi cô còn nở

16 § CHẾT ĐI VỀ ĐÂU

nụ cười mỉm khi sức lực không còn và hơi đã tàn. Tình huống của người phụ nữ này sẽ là một cảnh giới tái sinh rất tốt.

Tim hiểu thông tin về người phụ nữ này, tôi được nhà sư trụ trì tại ngôi chùa này cho biết, cô mắc phải căn bệnh này mới chỉ 3 năm. Thái độ tâm lý tiêu cực sợ chết luôn là nỗi ám ảnh, hành hạ cô. Cô luôn nguyện rửa người chồng ăn chơi trác táng đã truyền nhiễm bệnh cho cô và đứa con. Vì mang tâm lý tiêu cực nên kháng thể trong cô tụt xuống nghiêm trọng, khiến cô chết trước thời điểm.

Trong khi đó, đến viếng thăm một ngôi chùa khác cũng có một bệnh nhân nữ mắc phải căn bệnh này hơn 10 năm rồi nhưng vẫn khỏe. Ngày nào cô cũng tụng kinh niệm Phật, ngoài thời gian tu tập hành trì, cô còn nhận đan mây tre lá thủ công tạo thêm nguồn thu nhập để điều trị bệnh. Khi được phỏng vấn, cô cho biết không hề sợ hãi trước cái chết, vì đã có Tam bảo gia trì, đồng thời được quý thầy trong làng SIDA quanh khu vực thiền viện quan tâm, nâng đỡ. Chính niềm hạnh phúc hân hoan đó tạo nguồn kháng thể giúp cô kéo dài thêm sự sống. Tôi thiết nghĩ, nếu các trung tâm từ thiện Phật giáo tạo được sự hỗ trợ cho người quá cố trong giai đoạn cuối tương tự như Thái Lan là điều rất đáng tán thán.

THUẬT PHÓNG THÍCH TÂM LÝ TIÊU CỰC

Tôi có kinh nghiệm 5 năm đi thuyết giảng tại các trung tâm người già tàn tật, trung tâm bảo trợ xã hội, trung tâm phục hồi nhân phẩm phụ nữ v.v... Tại Trung tâm Bảo trợ Xã hội Tân Hiệp, tôi đã thành lập Ban hộ niệm để hướng dẫn anh chị em nơi đây cách thức niệm Phật. Mỗi chuyến viếng thăm, đoàn chúng tôi đều tặng xôi chuối và một vài quyển kinh. Tôi đề nghị anh chị em nơi đây khi thấy ai chuẩn bị lìa đời, hãy đến bên cạnh họ tụng một bài kinh, giúp họ vui bớt phần nào nỗi bất hạnh, mặc cảm, uất hận vì không có người thân bên cạnh. Có như thế, tâm họ mới bình an, sự ra đi trở nên nhẹ nhàng.

Trong chúng ta, ai cũng có nỗi bất hạnh không mặt này thì cũng mặt khác. Vấn đề là ôm nỗi đau trong tâm sẽ biến ta trở thành nạn nhân, dù đó là nỗi đau của 10 năm về trước hay mới là của ngày hôm qua. Người cố chấp thường bám víu và giữ hoài nỗi đau suốt quãng đời tồn tại, khiến họ không thể có an vui, hạnh phúc, bình an cho đến lúc trút hơi thở cuối cùng. Đây là điều rất đáng tiếc.

Giám đốc Trung tâm Bảo trợ Người già Tàn tật Thạnh Lộc cho biết, kể từ khi được nghe những bài thuyết giảng của tôi về các đề tài như: vượt qua tuổi già, đối diện nỗi cô đơn tuổi già, sống hạnh phúc trong tuổi già và chuyển hoá thói quen trong tuổi già thì các cụ từ 70 cho đến 95 tuổi sống hân hoan hơn. Tôi khuyên các cụ sau khi ăn cơm xong không nên nằm hoặc ngồi, vì nó sinh ra các biến chứng bệnh tật, mà nên thực hành “*Phạn thực kinh hành*”, nghĩa là ăn xong nên đi kinh hành. Nếu không tập luyện kinh hành được cũng phải bách bộ khoảng nửa tiếng. Ban đầu có vẻ hơi khó vì các cụ phải sử dụng gậy đỡ, nhưng nếu cố gắng một thời gian thì bệnh tật được đẩy lùi. Những ai sợ đau nhức mà lười biếng tập luyện thì bệnh tật ngày một gia tăng, tuổi thọ bị rút ngắn.

Thông thường, sau khi thuyết giảng, tôi đến từng trại tặng biếu quà cho những người già vì sức khỏe yếu phải nằm một chỗ không đi lại được. Ngang qua chiếc giường nọ có một bác trai khoảng hơn 75 tuổi, khi mở chiếc mền ra, tôi nhìn thấy cơ chân ông bị teo nhỏ lại. Tìm hiểu nguyên nhân, ông cho biết đó là do tai nạn giao thông. Ông mở chiếu và lấy ra cho tôi xem hai tấm ảnh ép plastic chụp cơ thể ông khi còn là lực sĩ cách đây mấy mươi năm. Cơ thể to, đẹp với cơ bắp cuộn cuộn. Ông cho biết, mỗi ngày ông đều tâm niệm mình từng là một lực sĩ, nên không có lý do gì phải sống vô nghĩa. Dù hai chân không đi lại được nhưng còn hai tay vẫn có thể tập luyện. Nói xong, ông mở nút áo cho tôi xem các cơ bắp trên thân thể ông vẫn còn vạm vỡ, rắn chắc như thời còn trai

18 § CHẾT ĐI VỀ ĐÂU

trẻ. Lúc nào trên gương mặt ông cũng nở nụ cười thật tươi mát. Đó là thái độ lạc quan giúp ta sống có hạnh phúc, cho dù các giác quan không trọn vẹn và đầy đủ. Mỗi chúng ta phải tập sống như thế trong mọi tình huống của cuộc đời.

Đứng trước nỗi khổ niềm đau, nếu biết tâm niệm: “*thế à*” thì khổ đau sẽ không có chỗ để bám víu. Là hành giả Tịnh độ tông, quý vị có thể sử dụng câu: “*A-di-đà Phật*” để thay thế rất hay. Ai nói oan ta, hãy nở nụ cười và nói: “*A-di-đà Phật*”, nỗi oan tức thì được tan biến. Ai phê bình, chỉ trích, dù ta đã giải thích nhưng họ vẫn không nghe, hãy nói “*A-di-đà Phật*”. Đây là cách giúp phóng thích ức chế tâm lý, giống như chữ: “*thế à*”, nhưng “*thế à*” nếu nói gặng giọng sẽ trở thành sự tức tối. Ngược lại, khi nói: “*A-di-đà Phật*” hoặc “*Nam mô A-di-đà Phật*” lại mang ý nghĩa “*kính lạy đức Phật Vô Lượng Quang, kính lạy đức Phật Vô Lượng Thọ*”. Quang là trí tuệ, Thọ là sự bền bỉ, trí tuệ được khai thông, sự bền bỉ được mở rộng thì không có lý do gì ta phải chán nản, thất vọng.

Người gặp nghịch cảnh, chướng duyên khi dần thân làm công tác xã hội, Phật sự thường thề thốt: “*tôi thề sẽ không làm nữa*”, “*tôi thề không bước chân đến ngôi chùa đó nữa*”, “*tôi thề sẽ không gặp người đó nữa*” v.v... Đùng dại đột mà thề thốt như vậy, hãy nói “*A-di-đà Phật*” rũ bỏ hết, chỉ còn lại tâm nhẹ nhàng, thư thái và bình an. Thực tập niệm Phật buông bỏ những chấp trước trong cuộc đời, chẳng may vô thường đến lúc nào, ta ra đi trong sự bình an lúc đó. Đó là chất lượng của đời sống hạnh phúc.

Ngày 02- 05-2008, cơn bão Na-grít đi ngang qua Miền Điện đã để lại cái chết cho hơn 140.000 người với nỗi đau mất mát người thân, cùng nhiều công trình xây dựng bị đổ nát, gây thiệt hại về kinh tế không nhỏ. Mười ngày sau, vào ngày 12- 05- 2008 (2 ngày trước khi đại lễ Phật Đản LHQ 2008 khai mạc) trận động đất ở tỉnh Tứ Xuyên - Trung Quốc lại cướp đi mạng sống và mất tích của trên 80.000 người. Đặt câu hỏi: Những người chết trong

thiên tai đó sẽ đi về đâu? Câu trả lời là tùy. Bởi cái chết thường làm người ta sợ hãi và kháng cự lại như một phản ứng tất yếu, điều đó dẫn đến sự tiếc nuối. Vì vậy, thân bằng quyến thuộc của các nạn nhân cần tổ chức lễ cầu siêu giúp họ được siêu thoát.

Phật giáo Tích Lan, Miến Điện, Trung Quốc, Việt Nam đã làm lễ cầu siêu tập thể cho những người này. Với tư cách là Tổng thư ký Ủy ban tổ chức quốc tế, tôi đã trình với ủy ban tổ chức và chính phủ Việt Nam cho phép làm lễ cầu siêu tập thể đến ba lần. Lần thứ nhất vào ngày khai mạc với một phút mặc niệm để chuyển năng lượng từ bi, giúp các nạn nhân buông bỏ sự chấp trước, tiếc nuối. Lần thứ hai vào chiều ngày 14/05, do Phật giáo Miến Điện thực hiện ngay tại khán đài của Trung tâm Hội nghị Quốc gia, và lần thứ ba vào đêm 16/05 (đêm bế mạc) tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia, 10.000 ngọn nến được thắp sáng và lễ cầu siêu được truyền hình trực tiếp trên VTV1, sau đó phát sóng trên VTV3 và VTV4. Các đại biểu đến từ 74 quốc gia và trên 600 phái đoàn, cùng với chư tôn đức từ mọi miền đất nước đã hướng tâm truyền năng lượng vô thường, vô ngã giúp hương linh rũ bỏ sự chấp trước. Hy vọng rằng trong số đó sẽ có những người hữu duyên nương theo nguồn tâm lượng sống để siêu sinh thoát hóa. Ai cố chấp, bám víu, không nghe lời có thể bị vướng lụy trong tiến trình tái sinh. Cần nhấn mạnh rằng không nhất thiết ai chết một cách bất đắc kỳ tử, mà theo kinh *Dược Sư* gọi là hoạnh tử đều không siêu sinh được, nhất là cái chết chỉ diễn ra trong tích tắc. Nếu trong tiến trình chết mà nổi sợ hãi không có mặt thì sự ra đi tương đối nhẹ nhàng.

Ai đã từng xem qua bộ phim “*Titanic*” sẽ thấy rõ. Khi chiếc thuyền sắp chìm xuống lòng biển, đạo diễn bộ phim đã tinh ý tạo ra một tình tiết khá ấn tượng. Vị mục sư trên tay cầm râu chuối, khuyên các tín đồ trên tàu hãy tin vào Chúa, Chúa sẽ cứu họ bình an và sự sống. Ông yêu cầu mọi người hãy đọc kinh Thánh. Các tín đồ trung thành người níu tay, kẻ nắm lấy vạt áo, người này níu

20 § CHẾT ĐI VỀ ĐÂU

lấy người kia, nhắm mắt lại mà tập trung đọc tụng. Trong khi đó, góc cận cảnh quay gương mặt của vị mục sư lại đang méo mó, trông thiếu não và sợ chết vô cùng. Cuối cùng rồi cái chết cũng diễn ra. Nếu phân tích về cái chết thì vị mục sư đó sẽ khó được siêu. Ngược lại, các tín đồ của ông lại dễ siêu thoát hơn. Do bởi họ thành tâm hướng về Chúa nên trạng thái tâm lý được thư thái, nhẹ nhàng. Người sợ chết và kháng cự cái chết sẽ ra đi trong trạng thái bán loạn tâm thức nên khó được siêu.

LỰA CHỌN CÕI ĐI VỀ

Mấu chốt quan trọng là cần huấn luyện, làm chủ tâm thức trong lúc sống thì khi vô thường, tang tóc đến, ta giữ được trạng thái nhất tâm bất loạn hướng về Tây phương Cực Lạc để ra đi. Hoặc nếu ai thích tiếp tục làm con người ở hành tinh này, mong mỗi mình trở thành nhà khoa học, nhà giáo dục, nhà nghệ thuật, nhà từ thiện v.v... thì hãy hướng tâm về điều này. Khi ấy, người đó lại tiếp tục tái sinh ở những gia đình tương thích về nghiệp cảm để thực hiện phận sự hay mong mỏi đó. Đi theo ước nguyện thì sự ra đi có chỗ để đi về. Cõi đi về của con người là đi theo nghiệp hoặc theo phát nguyện.

Trong bản đồ 10 pháp giới, có 6 pháp giới thuộc cõi phàm, 4 pháp giới thuộc cõi thánh. Trong 4 cõi Thánh có Phật, Bồ-tát, A-la-hán, và Thanh văn (Thanh văn gồm hai loại Độc giác và Duyên giác). Trong 6 cõi phàm gồm: thứ nhất là chư Thiên, nghĩa là con người ngoài hành tinh có phước báu, tuổi thọ, hình thù, sức khỏe, và sự bình an cao hơn con người ở cõi Ta bà này. Thứ hai là nhân, nghĩa là con người chúng ta, sống trong kiếp người ở hành tinh cõi Ta bà này được xem là trung bình về phước và nghiệp.

Thứ ba là A-tu-la, được gọi là các vị thần. Ở Việt Nam, A-tu-la được tôn thờ ở Đình, Bà được tôn thờ ở Miếu. Văn hóa Đình ở miền Bắc gắn liền với chùa, Đình thường được xây dựng cạnh chùa. Đình thờ những vị quan tướng giỏi có công với quê

hương xã tắc, còn được gọi là Thần Hoàng của địa phương. Đây là một nghệ thuật nhớ ơn và ghi nhận công đức của những người có công đóng góp cho quê hương xã tắc.

Bà gắn liền với sự hộ mệnh của một số khu vực. Khi vô tình ta nghe nói Đình chỗ này hoặc Bà chỗ kia linh lắm, nếu đó là một sự thật thì biết rằng Ông thần hay Bà thần đó chưa siêu. Sự tồn tại của họ là đày đọa xác thân trong kiếp luân trần sinh giới. May mắn thay nền văn hóa miền Bắc, Đền sát cạnh ngôi chùa nên những vị thần linh đó có điều kiện nương vào cửa Phật, ngộ được lý vô thường, vô ngã mà siêu thoát. Đồng thời, nó cũng là phương tiện giúp cho quý ông khi vào Đình bái viếng có dịp ghé sang lễ bái Phật. Quan niệm sai lầm trong dân gian cho rằng Đình dành cho quý ông, chùa dành cho quý bà. Đình gắn liền với một chính thể, quý ông có cơ hội đến để bàn luận chính trị, và sau những cuộc bàn luận là rượu chè, nhậu nhẹt bê bết.

Trái lại, vào chùa với khung cảnh trang nghiêm, thanh tịnh thì tư cách con người phải nhân từ, đạo đức. Quý ông rất ngại đến chùa vì không thể nhậu nhẹt hay bàn chuyện chính trị. Thực ra, chùa không chỉ dành riêng cho quý bà mà dành cho tất cả mọi giới, mọi thành phần, và mọi lứa tuổi. Văn hóa chùa có Bi, Trí và Dũng. Bi tạo nên tình thương lớn để chia sẻ khổ đau, mang an vui, hạnh phúc cho cuộc đời. Trí tạo ra con đường nhận thức quan, nhân sinh quan chuẩn xác, sống trên nhân quả và đạo đức. Dũng tạo nên sự bất khuất, kiên cường. Do đó, văn hóa Chùa hơn hẳn văn hóa Đình.

Thứ tư là súc sinh, những ai lúc còn sống đặt nặng sự hưởng thụ dục lạc đến độ sa đọa, tâm độc ác, thú tính, hoặc tiếc nuôi tài sản, sau khi chết nếu hết phước phải sinh vào loài cầm thú, gia súc. Đó là bất hạnh lớn vì loài thú không phát triển ý thức. Khi mang thân phận của loài cầm thú, gia súc thì chẳng biết đến kiếp nào mới có thể đầu thai làm người. Loài thú trong các rạp xiếc có năng lực ngoại cảm mạnh nên nghe, cảm nhận được

22 § CHẾT ĐI VỀ ĐÂU

ngôn ngữ và thực hành theo sự huấn luyện của con người, nhất là loài chó, cá heo, khi... Vì vậy, nghiệp phàm phu của chúng được chuyển hóa, và sau khi chết có thể được giải nghiệp, tái sanh làm con người nhanh hơn. Vấn đề quan trọng vẫn là rũ bỏ và không chấp trước thì mới có thể siêu thoát.

Thứ năm là ngã quý, cảnh giới ngã quý không nằm ở dưới lòng đất mà dân gian thường gọi đó là âm phủ. Trên thực tế không có âm phủ, chỉ có cảnh giới trung chuyển sau cái chết do vì tiếc nuối, bám víu nên không ra đi và tái sinh được mà thôi. Hương linh có thể tồn tại nơi mồ mả, bàn hương án, ở bên cạnh hay trong ngôi nhà của ta, hoặc nơi mà cái chết đã diễn ra, và họ có mặt giữa ban ngày chứ không chỉ vào ban đêm mà thôi. Đa số hương linh đều rất cần sự giúp đỡ của những người còn sống. Do đó, ta không nên sợ ma, vì ma không thể hại con người. Ma là đối tượng đáng thương do vì oan ức, tiếc nuối, hận thù, không biết cách tháo gỡ nên họ cứ lẫn lẩn trong cảnh giới sinh tử không siêu thoát được. Ta cần thực tập lòng từ bi hỗ trợ cho hương linh rũ bỏ thân phận khổ đau thông qua các khoá lễ cầu siêu.

Thứ sáu là địa ngục, địa ngục không có thật, chỉ là cách để răn dạy con người về phương diện nhân quả. So sánh hình ảnh giữa hai cảnh giới ngã quý và địa ngục được mô tả trong Phật Giáo sẽ thấy hình thù, vóc dáng của hai cảnh giới này tương đối giống nhau. Cảnh giới ngã quý với đồng xương khô, còn địa ngục với cảnh xử các tội nhân bằng nhiều cách thức chỉ là sự hình dung, mô phỏng mà thôi. Thực tế, không có địa ngục thật mà chỉ có địa ngục ở trần gian. Theo kinh *Địa Tạng* định nghĩa, địa ngục là nỗi đau được tiếp nối không gián đoạn. Hai vợ chồng sống mà không tâm đầu ý hợp, người này nói một câu thì người kia đáp trả lại, hơn thua nhau từng li từng tí, hận thù chất chồng, khổ đau tiếp nối thì đó được gọi là địa ngục ở trần gian. Hoặc kẻ làm ác liên tục tạo nỗi khổ niềm đau thì xem như đang thiết lập địa ngục cho bản thân.

Trên thực tế chỉ có tám cảnh giới mà trong đó Thanh văn, Duyên giác và A-la-hán là ba danh xưng khác nhau nhưng chỉ chung một trình độ tâm linh, đó là giải thoát – tức là tứ quả. Bậc Thánh chỉ có ba gồm: Phật, Bồ-tát và A-la-hán. A-la-hán được gọi là Thanh văn, Duyên giác, Độc giác. Bậc phàm gồm năm cảnh giới: nhân, thiên, A-tu-la, ngạ quỷ và súc sinh. Tám cảnh giới này là hệ vận chuyển trên tâm thức nghiệp hoặc phước của con người. Vì vậy, khi chết con người đi theo nghiệp hoặc phước. Trong nghi thức *Kinh tụng hàng ngày* (tổng hợp 49 bài kinh) do tôi biên soạn từ năm 1994 và được ấn tống nhiều lần, ở phần sám có bài “*Quán Tướng*” như sau:

Chúng sanh rồi phải bị già,
 Không ai tránh khỏi lúc qua canh tàn.
 Chúng sanh *bệnh tật* phải mang,
 Không ai sống mãi bình an, mạnh lành.
 Chúng sanh, sự *chết* sẵn dành,
 Không ai tránh khỏi tử sanh đến kỳ.
 Chúng sanh phải chịu *chia ly*,
 Giã từ tất cả, ra đi một mình
 Mang theo gánh nghiệp ba sinh,
 Theo ta như bóng theo hình không buông.
 Nay con nương đấng Pháp Vương
 Niết-bàn chứng đắc, cát tường an vui.

Đây là một chân lý cần phải ghi nhận. Tiến trình tái sinh chết đi về đâu lệ thuộc nhiều vào nghiệp. Nghiệp phước dẫn đến cảnh giới tái sinh tốt, hoặc nghiệp tội dẫn đến cảnh giới tái sinh xấu. Tin tưởng vào nhân quả sẽ có một cảnh giới tái sinh an lành. Điều quan trọng nhất phải rũ bỏ sự chấp trước mới có thể ra đi nhẹ nhàng.



CHẾT ĐI VỀ ĐÂU

(Chùa Pháp Quang, Queensland, Úc châu, ngày 28- 05-2006)

Phiên tả: Phương Nhã

CHIM ƯNG TRUNG THÀNH

Câu chuyện dân gian Ấn Độ kể lại có một vị vua rất thích đi săn. Ông có một con chim ưng rất giỏi. Mỗi khi cưỡi ngựa vào rừng đi săn, chim ưng là con vật đậu và đứng trên vai ông. Là vị vua của muôn dân trăm họ, đứng trên hết tất cả mọi thần dân, thế mà chỉ có con chim ưng được phép đứng trên vai ông. Điều đó cho thấy vua rất thương con chim ưng này.

Sau mỗi chuyến đi, vua thường có thêm niềm vui là những con mồi ngon nhờ vào tài phát hiện và chỉ điểm của con chim ưng. Một hôm, như thường lệ sau mỗi chuyến săn bắn, đoàn tùy tùng thường dâng lên cho vua một loại thức uống để giải khát. Thế nhưng ngày hôm đó, nhiều loại thức uống hảo hạng được chuẩn bị sẵn đều không làm vua thỏa mãn. Ông bèn yêu cầu đoàn tùy tùng tiến tới mỏm núi cao ở phía trước, nơi đó có những giọt sương còn đọng lại và đang nhiều xuống từng giọt. Vua yêu cầu người hầu cận hãy hứng lấy những giọt nước tinh khiết này mang đến cho ông.

Người hầu cận dùng chiếc bình nhỏ hứng một lúc sau thì đầy bèn đem dâng cho vua. Bỗng nhiên, con chim ưng đang đứng trên vai vỗ cánh hắt đổ bình nước. Điều này đã làm vua rất bức mình, khó chịu nhưng vì thương nó nên vua bỏ qua. Ông yêu cầu người hầu cận hãy hứng một bình khác cho ông. Sau vài mươi phút, bình nước thứ hai mới được hứng đầy, người hầu cận lại đem đến dâng vua; và một lần nữa con chim ưng lại vỗ cánh hắt tung bình nước đó. Vua không còn bình tĩnh, kèm chế được con tức giận của mình, ông dùng tay chụp lấy chân của con chim và quăng xuống đất thật mạnh, chim ưng bị gãy cổ và chết ngay tại chỗ.

Sau đó, vua yêu cầu đoàn tùy tùng dùng kiệu đưa ông tìm lên đầu nguồn của giọt nước để hứng lấy nhanh hơn. Lúc đó, ông không thể tin vào mắt mình khi nhìn thấy cảnh tượng một con rắn hổ mang đang nằm chết ngay nơi đó. Độc tố của nó đã nhuộm

ra, loang trên nguồn nước và đang nhỏ xuống. Do vì không nhìn thấy nên người hầu cận đã hai lần hứng nước này dâng vua.

Tánh linh của con chim ung đã phát hiện trong hai bình nước dâng vua đều có độc tố của con rắn, nhưng vì ngôn ngữ truyền thông giữa loài người và loài vật khác nhau, vua không có năng lực tha tâm thông để hiểu được ngôn ngữ biểu đạt của loài vật, nên đã tạo ra cái chết oan uổng cho chim ung. Con chim trung thành, biết nhìn xa thấy rộng và luôn đặt tánh mạng an toàn cho chủ nhân lên trên hết. Vua rất đau buồn vì hành động sai lầm của mình nên đã tổ chức lễ tang trọng thể cho chim ung.

Những lúc trò chuyện, Người Ấn Độ thường kể cho nhau nghe về câu chuyện đó với dụng ý nhắc nhở con người đừng nên trung thành quá mức. Bởi trên thực tế có những điều tuy biết nhưng đôi lúc nói ra không có lợi cho bản thân, mà trái lại còn ảnh hưởng đến tính mạng như sự kiện chim ung là một điển hình. Túi khôn trong ứng xử nhân gian Ấn Độ khuyến tấn con người phải biết tùy từng tình huống mà nói, nếu cảm thấy điều mình nói ra như một phát ngôn, thông tin mang lợi lạc đến cho người khác thì mới nên thể hiện; bằng không hãy nên giữ yên lặng. Tôi xin tiếp cận câu chuyện không ở góc độ trên, mà ở góc độ liên hệ đến nội dung chết đi về đâu.

Vì sự trung thành và tấm lòng thương kính với người chủ, chim ung đã chết, đó là cái chết trung kiên. Ở đây có hai phản ứng cảm xúc được diễn ra trong tình huống này:

Thứ nhất, nếu chim ung là loài dễ giận hờn, vui cảm thì chắc chắn sau cái chết để lại trong nó dòng cảm xúc uất hận rất lớn. Mặc dù không có máy móc thiết bị để đo và cảm nhận được sự uất hận đó ở mức độ nào, nhưng chắc chắn phản ứng kéo theo sau sẽ là cá tính nhạy cảm, vui buồn lẫn lộn giống như cách thức phản ứng của con người. Trong tình huống của nỗi uất hận có thể tạo ra phản ứng tâm lý tiêu cực về quan niệm và thái độ. Dĩ

nhiên, cái chết đó là một nghĩa cử trung kiên, theo tiến trình tái sanh, chim ưng có thể tái sinh làm lại con vật hoặc con người với nghĩa khí cương trực, lấy quyền lợi của cộng đồng, tập thể và quốc gia đặt lên hàng đầu so với sự sống còn của cá nhân. Thông thường, tính cách tâm lý của một nhân vật khi chào đời có mối quan hệ mật thiết với tính cách tâm lý tiền thân của nhân vật đó trong quá khứ theo cách thức tương đối nhất định.

Thứ hai, mặc dù chim ưng này bị chết nhưng vì hiểu được sứ mệnh của nó là mang lại niềm vui và giá trị hạnh phúc cho chủ nhân, nên cái chết đó vẫn làm cho nó hài lòng. Đây là nghĩa cử cao thượng mà những người hầu cận cho vua không có linh tính để làm được việc này.

Sự hài lòng đó mang lại giá trị nhân quả có ý nghĩa cho tiến trình ra đi, không để lại bất kỳ dòng cảm xúc hối hận nào về hành động hay việc làm tốt của mình. Theo tâm lý học Phật giáo, trạng thái và dòng cảm xúc hối hận tạo ra nguồn năng lượng, mà chức năng của nó có thể tiêu diệt, hủy hoại những năng lực mang tính cách đối lập trước đó. Do đó, về bản chất đạo đức, sự hối hận chỉ là trung tính, phải dựa vào nội dung mới có thể xác định tính cách tâm lý đó là tích cực hay tiêu cực.

Chẳng hạn trong tình huống của chim ưng, nếu nó hối tiếc về nghĩa cử cao thượng đã làm cho nhà vua - chủ nhân của nó để phải dẫn đến cái chết oan uổng như thế thì sự hối hận này là một hành vi, cảm xúc bất thiện. Phản ứng tâm lý bất thiện này thể hiện khi tái sinh trong tương lai sẽ là thái độ bàng quan, thiếu trách nhiệm, sự dấn thân và hy sinh cần thiết trước bất kỳ một nghĩa cử hay tình huống cao thượng nào. Khi ấy, nó sẽ là người tình nguyện đứng ngoài cuộc, bởi vì nổi đau trong quá khứ, vì nghĩa cử cao đẹp mà phải dẫn đến cái chết oan uổng như thế. Chính điều này đã tạo thành phản ứng trấn an, dè dặt và phòng hộ trước bất kỳ tình huống tương tự nào. Ngược lại, trong tình huống nổi niềm hối tiếc về một việc xấu đã làm, đó chính là

năng lực của sự hồi đầu. Nếu xét về bản chất tâm lý học, nó lệ thuộc nhiều vào nội dung của vấn đề.

CHẾT KHÔNG PHẢI LÀ HẾT

Quan điểm của đạo Phật sau khi con người hay loài động vật nằm xuống, đó không phải là dấu chấm hết, mà chỉ là một dấu chấm nối kết lại với những dấu chấm khác trên một con đường thẳng. Con đường đó mở ra dài hay rộng, sớm hay muộn tùy thuộc vào bản chất tâm lý, hành vi của chính con người hay loài động vật tạo ra. Trong thời đức Phật, nhiều cuộc đối thoại diễn ra được ghi nhận lại trong kinh *Trường Bộ* về quan niệm và bản chất của cái chết, hay nói cách khác đời sống sau cái chết là gì.

Quan điểm của các nhà duy vật cổ xưa Carvaka của Ấn Độ cho rằng sau khi con người chết, thân thể tâm vật lý bao gồm năm yếu tố: cấu trúc vật lý, dòng cảm xúc, ý niệm hóa, nhận thức phân biệt, và sự vận hành của tâm linh sẽ hoàn toàn trở về với cát bụi. Họ quan niệm rằng ý thức chỉ là một phần của vật chất. Học thuyết này đã được chủ nghĩa duy vật thời nay phát huy tối đa như một hệ thống tư tưởng chịu ảnh hưởng lớn đối với các nước xã hội chủ nghĩa.

Đức Phật đã đưa ra khá nhiều minh chứng để khẳng định quan niệm chết là hết, hoặc một sự vật, hiện tượng chấm dứt mà không có vòng dây tiếp tục là một quan niệm sai lầm. Học thuyết của Ngài được ghi chép rõ trong kinh, đặc biệt là kinh *Kim Cang* thể hiện duy nhất với bốn chữ “*bất sanh, bất diệt*”. Triết lý này cho rằng nếu mọi sự vật, hiện tượng không từ đó mà sanh ra, nghĩa là không có nguyên nhân khởi đầu thì tiến trình kéo dài của nó sẽ không có nguyên nhân kết thúc. Nó chuyển từ hình thái này sang hình thái khác tùy theo tính điều kiện, môi trường, hoàn cảnh và cộng nghiệp của con người, vũ trụ v.v...

Hãy thử quan sát khi ta cầm quả bóng trên tay và ném nó vào vách tường. Khi tiếp xúc với vách tường, nghĩa là quả bóng đã

rời khỏi bàn tay. Trong tình huống này, có người cho rằng quả bóng đã kết thúc, không còn nằm trong bàn tay mình nữa. Dưới cái nhìn vật lý của không gian mặt phẳng, điều này có thể đúng, do vì không còn nhìn thấy quả bóng nữa nên ta cho rằng nó đã kết thúc; nhưng nếu nhìn ở chiều kích không gian đa chiều thì quả bóng đó di chuyển từ ngay điểm xuất phát của nó, tức là bàn tay của ta đến vách tường với một khoảng cách, và đến đây nó vẫn chưa hoàn toàn là hết. Chính sự va chạm của quả bóng vào trong vách tường đã tạo ra một lực có tác động dội ngược lại. Đây là sự phản hồi lần thứ hai, và đến đây nó vẫn chưa kết thúc. Khi dội ngược lại, quả bóng sẽ tiếp tục lăn trên mặt đất. Cái lăn sẽ va chạm vào chân tường và những đồ vật khác, hoặc nó sẽ đi theo tiến trình lăn tự nhiên cho đến khi nào lực đẩy không còn nữa, nó sẽ dừng lại. Cái dừng lại đến đây vẫn chưa hết, nó tiếp tục tạo ra hệ phản ứng trực tiếp hay gián tiếp đối với các sự vật xung quanh nếu bên dưới là mặt nước, hoặc tạo sự chấn động chung quanh kéo dài.

Bằng cách thức này, khi phân tích lực phản hồi của bất kỳ hoạt động, hay sự sống của một chủng loài đều diễn tiến theo cách bất tận như vậy, không thể truy đến tận đích điểm cuối cùng. Bởi vì lực phản hồi trong một cấu trúc rất phức hợp và đa dạng. Bằng nhãn quan vật lý thông thường để nhận định, đánh giá, ta cho rằng nó đã kết thúc; nhưng với nhãn quan của nhà khoa học vật lý thì tất cả mọi thứ vẫn còn tiếp tục tác động và diễn tiến dựa trên cấu trúc của nó. Do đó, chết không phải là hết.

Việc các nhà triết học quan niệm chết là hết hoặc theo quan niệm của đức Phật có một đời sống sau khi chết, liên hệ đến tính đạo đức của vấn đề. Rất nhiều nhà duy vật cổ xưa Ấn Độ không chấp nhận quan niệm có đời sau, mặc dù bản thân đời sống hiện tại của họ rất đạo đức, nhưng điều mà đức Phật nhìn thấy và muốn lưu ý ở đây chính quan niệm sai lầm này sẽ mở cửa, tạo điều kiện dẫn khởi, xúc tác cho những hành vi con người đi vào

quỹ đạo gây bất lợi cho bản thân và tha nhân. Bởi kết cuộc của sự sống và cái chết đều giống nhau, như vậy chẳng ai muốn làm lành lánh dữ hay nỗ lực dần thân phục vụ xã hội để làm gì.

Với niềm tin có một kiếp sau sẽ làm con người nghĩ đến tính trách nhiệm về đạo đức nhân quả trong mỗi hành động, lời nói, và việc làm dù kiếp sau có thể chẳng có gì. Quan niệm như thế vẫn tốt hơn cho cộng đồng và xã hội trong đời sống hiện tại có mặt trên cuộc đời, hướng hồ chi về mặt qui luật vật lý không có vật gì là mất hẳn.

Khái niệm bất sanh bất diệt là khái niệm triết học vẽ ra tiến trình trôi chảy của các chúng sinh, với mỗi điểm là một phần của sự sống. Sống và chết trập trùng trong những điểm lên và xuống của tiến trình. Nói cách khác, ta chết đi trong từng giây, từng phút, từng ngày và từng giờ để tái tạo lại sự sống trong từng giây, từng phút, từng ngày và từng giờ về phương diện sinh học, vật lý. Đây là quan niệm của đạo Phật, và nó hoàn toàn phù hợp với quan niệm sinh học và vật lý học hiện đại.

Cái chết về mặt vật lý hoặc còn gọi là chết lâm sàng được xác định bằng sự ngưng hoạt động của não, kết thúc nhịp đập của tim, các giác quan hoàn toàn lặng tắt, đây chỉ là một phần đánh giá về bản chất của cái chết mà đôi lúc nó không chuẩn xác hoàn toàn từ cái nhìn của đạo Phật.

NGUỒN ĐIỆN CỦA BÓNG ĐÈN

Thỉnh thoảng, ta vẫn được nghe kể lại những câu chuyện khó tin nhưng có thật từ những người mà cuộc sống của họ gắn liền với nghề giữ xác trong bệnh viện. Chẳng hạn như một bệnh nhân đã tắt thở hoàn toàn, tim mạch ngưng hoạt động, thân thể đã lạnh cứng; do vì không có thân nhân đến lãnh xác nên thi thể của họ được đưa vào trong nhà lạnh, tạo cơ hội cho các sinh viên thí nghiệm, thực tập mổ xẻ trong ngành y. Thế nhưng đôi lúc có những trường hợp các thi thể ấy đã sống lại sau ba, bốn,

hoặc năm ngày trong nhà xác. Trước hiện tượng này đã làm cho các nhà khoa học hoang mang vô cùng. Lý giải thế nào về cái chết lâm sàng đứng từ góc độ và tầm nhìn của y học hiện đại, khi máu ngưng hoạt động và tim đã ngừng thở trong vài ngày?

Theo quan niệm của đạo Phật, sự sống của người chết và các loài chúng sinh có liên hệ đến một yếu tính quan trọng, đó chính là sự hiện hữu tương thức của dòng chảy tâm thức bên trong, hỗ trợ mật thiết cho sự vận hành theo qui luật nhân quả cùng với dòng cảm xúc. Yếu tố quan trọng để nối kết, xác định, kéo dài và tái tạo sự sống được sánh ví như nguồn điện của chiếc bóng đèn, bóng đèn được ví như thân xác của con người. Để cho chiếc bóng đèn phát quang cần có nhiều điều kiện như tăng-phô, con chuột, bóng đèn, đường dây điện, nguồn điện v.v... chỉ cần một trong những điều kiện này bị trục trặc có thể dẫn đến việc ngưng phát quang của bóng đèn. Trong tình thế đó, không nên đăng thức hóa và kết luận rằng dòng điện đã ngưng hoạt động, mà trên thực tế nó vẫn tiếp tục hiện hữu. Bóng đèn không cháy có thể vì tăng phô bị hư, con chuột bị đứt hoặc do bóng bị đen ở hai đầu, tức là điện quang bên trong không đủ làm cho chiếc đèn có thể bật sáng. Giống như tình trạng chết lâm sàng khi tim, não và máu đã ngưng mà dòng cảm xúc hay ý thức vẫn tồn tại và tái sinh gắn liền với những nỗ lực, do vì thái độ nuôi tiếc, không muốn chấp nhận cái chết đó. Trong một vài tình huống như thế sẽ dẫn đến việc kéo dài cái chết và cuối cùng tái tạo lại sự sống.

Như vậy, câu hỏi được đặt ra là tại sao có nhiều người cũng muốn níu kéo, không muốn chấp nhận cái chết mặc dù cái chết đang diễn ra, nhưng sự sống lại không tiếp tục có mặt với họ lần thứ hai?

Tâm lý học và nghiệp báo của đạo Phật lý giải rằng, không phải con người ước muốn điều gì cũng có thể đạt được, bởi vì nó liên hệ đến tính điều kiện để cho ước muốn đó trở thành hiện thực. Nói cách khác, chúng sanh đó vừa qua đời và được tái tạo

mạng sống lần thứ hai là bởi trong quá khứ họ đã gieo trồng rất nhiều hạt giống của sự sống, bảo vệ sự sống và quyền sống của con người và các loài động vật. Chẳng hạn như các nhà môi trường làm hết mình với tất cả tâm lòng, ý thức, bảo hộ sự sống cho mọi người và mọi loài chúng sinh. Chính điều này đã tạo ra phước lực rất lớn, trong thời điểm ra đi đột ngột dẫn đến sự nuối tiếc, muốn níu kéo mạng sống. Nhờ sự níu kéo này đã tạo ra chất xúc tác mãnh liệt, dưới tác động của nó, thay vì để cho tiến trình tái sinh được diễn ra bình thường, quả của nghiệp thiện ích về đời sống sẽ trở ở đời sau, nhưng bây giờ nó trở quả ngay. Tương tự như một loại trái cây, nếu để tự nhiên phải mất đến vài ngày mới có thể chín, nhưng vì mưu sinh, người ta dùng khí đá hoặc một loại hóa chất để dúi, thúc đẩy độ chín của nó diễn ra sớm hơn so với bản chất tự nhiên.

Trong tình huống níu kéo sự sống mà con người hay chúng loại nào đó không đủ chất xúc tác và điều kiện cần thiết của phước lực sẽ dẫn đến tình trạng tồn tại dưới hình thức hồn ma bóng vía, nghĩa là phủ định và không muốn thừa nhận cái chết của mình. Tiến trình đó kéo dài hay ngắn lệ thuộc vào dòng cảm xúc của hương linh có chịu buông bỏ hay níu kéo. Cái chết được tái sinh là chuyện hy hữu, nó là điểm để con người nhận định, đánh giá, phản hồi lại bản chất đời sống của mình. Cái sống hoàn toàn phụ thuộc vào năng lực nghiệp báo và hành vi thiện ác của con người đã tạo. Đứng về góc độ tâm lý học thì sự níu kéo sau cái chết rất nguy hiểm, bởi vì trong chúng sanh có mấy người níu kéo được sự sống lần thứ hai, và toàn bộ những người không may mắn đó phải chấp nhận cái chết cho dù họ cố tình phủ định, điều này dẫn đến tình huống trở thành nga quý.

Thế Tôn đã khá tinh tế trong cách sử dụng ngôn từ, nếu chỉ dùng ngôn từ hồn ma bóng vía thì chưa đủ, mà phải dùng thêm tính từ “nga”. Nga là đói khát, bởi vì khi ra đi hương linh không chấp nhận, cứ bám víu vào một cái gì đó và dạng thức hóa nó là

cơ thể vật lý của mình. Chẳng hạn như di ảnh, hài cốt, bàn thờ, mồ mã, nhà trưng bày hoặc viện bảo tàng v.v... Cái tôi đấng thức hóa đó với cấu trúc vật lý của thân, dù là tổng hòa giữa cấu trúc vật lý và bộ phận quan trọng của tâm lý gồm bốn yếu tố: cảm xúc, ý niệm hóa, sự vận hành của tâm và nhận thức phân biệt.

Đấng thức hóa thường kéo theo quan niệm sai lầm dẫn đến sự nuối tiếc. Do vì nuối tiếc, hương linh rất khổ đau khi nhìn thấy cảnh tượng con người sinh hoạt, hưởng thụ và cảm xúc, khiến hương linh như đang sống lại với đời sống mình từng trải qua trong quá khứ. Thế nhưng hương linh không thể nào thỏa mãn được những điều này, vì không còn cơ thể vật lý để ăn, không còn thân thể để mặc áo quần và trang sức. Càng bám víu, nuối tiếc nhiều chừng nào thì dòng cảm xúc tạo ra năng lực khổ đau lại càng nhiều chừng đó. Đối với loài ngạ quỷ chưa đi đầu thai, họ đói về cảm xúc, vật thực, đời sống cùng mọi phương diện hưởng thụ khác.

TẬP TỤC VÀ QUAN NIỆM TÓNG TÁNG

Người ta cho rằng Ngài Đường Tam Tạng Huyền Trang khuyên sau khi một người qua đời, trong suốt tám giờ đồng hồ, người thân không nên động chạm vào thi thể của người chết. Dĩ nhiên, không có bất kỳ một dữ liệu nào trong kinh tạng *Pāli* lẫn kinh tạng Đại thừa có đề cập đến chi tiết này. Đây được tạm gọi là học thuyết “*thận trọng*” về tiến trình tái sinh giữa chết và sống do ngài đặt ra. Học thuyết này có ý nghĩa với một số người có phản ứng tiếc nuối, không chấp nhận hoặc phủ định cái chết. Họ cứ níu kéo mãi khiến dòng cảm xúc như một thần thức luôn quan sát, canh giữ ngày đêm, không muốn cho bất kỳ người nào động vào cơ thể vật lý của mình. Bởi sự động chạm đó làm cho họ có ảo giác rằng người ta đang cướp, giết, làm thương tổn hoặc hủy hoại mạng sống của mình. Cho nên phản ứng kháng cự trời dậy, lúc đó lòng sân cũng xuất hiện. Tiến trình tái sinh đi kèm với lòng

sân sẽ làm cho con người có bản tính nóng nảy, cau có, khó chịu, bực dọc, và khó bình tĩnh trước những biến cố cuộc đời.

Tổ Huyền Trang đã khuyên đừng nên tin vào năm tháng, ngày giờ. Ứng dụng cách thức tám tiếng nhằm tạo cơ hội cho phản ứng cảm xúc của người quá cố không diễn ra theo hướng tiêu cực, đồng thời giúp tiến trình tái sinh được diễn ra an toàn. Như vậy, một số người đặt câu hỏi tại sao không phải là một tiếng, hai tiếng, hoặc ba tiếng mà phải là tám tiếng?

Trong các quyển sách liên hệ đến duy thức học Phật giáo, ngài Huyền Trang có đưa ra sự kiện như là một minh họa nhưng không đưa ra lời giải thích. Có thể suy luận bằng cách thức tương đối rằng, số 8 trong đạo Phật tượng trưng cho sự kiết tường và an lành, số 7 tượng trưng cho sự trọn vẹn và đầy đủ. Ngoài ra, có một con số của nền văn hóa Trung Hoa ứng với số 8 đó là số 9. Trong Phật giáo, Tổ Huyền Trang không sử dụng số 9 mà là số 8, nhằm thiết lập sự thận trọng trong 8 giờ đồng hồ, tạo sự an toàn và kiết tường cho người sống lẫn kẻ chết. bởi lẽ chỉ có tiến trình tái sinh an toàn mới có thể mang hạnh phúc cho những người còn lại.

Có sự khác biệt khá lớn về quan niệm hạnh phúc giữa người phương Đông và người phương Tây. Đối với người phương Tây, phục vụ cho người sống là điều kiện thiết yếu dẫn đến hạnh phúc. Sau khi chết rồi, dù vẫn tổ chức đám tang linh đình, nhưng việc cúng kiến đối với họ không còn quan trọng. Bởi vì người phương Tây quan niệm, sau cái chết chỉ có hai con đường. Nếu đời sống tín ngưỡng tôn giáo thuần tính theo những gì được dạy trong kinh thánh, hương linh sẽ được về bên đức Chúa, và hưởng nhân đức Chúa. Hoặc con đường thứ hai là hương linh phải tái sinh vào hỏa ngục đời đời kiếp kiếp để chịu sự trừng phạt. Hai tiến trình đó là sự lựa chọn gắn liền với bản chất niềm tin, ngoài ra không có một hình thái tái sinh nào khác. Do đó, người phương Tây không quan trọng sau cái chết.

Ngược lại, đối với người châu Á, chăm sóc cho người chết là tạo hạnh phúc cho những người còn sống. Ta thấy có những người thân dù đã ra đi 80 năm hay 100 năm mà ông bà, hoặc cha mẹ mình đến ngày giỗ vẫn còn rơi nước mắt, vẫn tảo mộ, cúng kiến, cầu nguyện cho hương hồn được nhẹ nhàng ra đi.

Ngày nay, rất ít người ứng dụng theo tập tục do ngài Huyền Trang đề nghị. Do vì ảnh hưởng của nền văn hóa Khổng giáo, nhất là kinh dịch nên người ta thường tuân thủ theo quy tắc năm tháng, ngày giờ liên hệ đến tốt, xấu cho những người còn lại. Từ cái nhìn của đạo Phật, đây là một quan niệm sai lầm. Tại sao quan niệm sai lầm này lại có tuổi thọ lâu dài đến mấy ngàn năm lịch sử, và vẫn tiếp tục không chế nhiều người, cho dù người đó là vô thần, không tin về cái chết hay một đời sống sau khi chết?

Lý giải cho điều này là bởi nỗi sợ hãi của con người khi phải đối diện với cái chết. Là người tu sĩ, tôi có cơ hội tiếp xúc với rất nhiều gia đình không có niềm tin, nhưng đến lúc phải đối diện cái chết của người thân, họ lại hoảng sợ và lý giải rằng, nếu không tằm liệm theo đúng quy tắc năm tháng, ngày giờ có thể dẫn đến hiện tượng trùng tang, ly tán, tam tai hay cái chết cho chính bản thân. Chính nỗi sợ hãi này là cơ sở dữ liệu để nuôi dưỡng những quan niệm sai lầm, làm cho nó có tuổi thọ lâu dài, điều mà đạo Phật gọi đó là vô minh.

Ngoài ra, nhiều người còn có tập tục làm lễ tẩy tịnh cơ thể của người chết để con cháu trong gia đình làm ăn được khấm khá về sau. Đây cũng là một quan niệm sai lầm về phương diện nhân quả. Con cháu có làm ăn khấm khá hay không là hoàn toàn lệ thuộc vào đạo đức nhân quả của chúng. Cha mẹ chỉ tạo cộng hưởng về nghiệp, nó có thể ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp, về mặt này hay mặt khác, nhiều hay ít chứ không thể quyết định tất cả. Vì bản chất nhân quả của từng con người quyết định hạnh phúc hay khổ đau của họ.

Có những tình huống, người chết không nằm trong tư thế thoải mái, do vì nỗi đau vật lý làm cơ thể họ bị co quắp lại, để phóng thích nỗi đau ra bên ngoài như một nhu cầu. Khi ấy, các âm công làm công việc tấn liệm phải dùng rượu hoặc cồn thoa vào cơ thể cho giãn ra, theo cách thể tạo sự an tường và nhẹ nhàng cho người ra đi. Đây được gọi là lễ tẩy tịnh, và thực hiện điều này không có nghĩa là để con cháu được sung túc về sau, hoặc ngược lại bị nghèo khó. Nếu lý giải một cách sai lầm thì tình huống các chiến sĩ chết ngoài sa trường, chẳng những không nằm ở tư thế đẹp mà còn ở tư thế đầu chân lộn ngược, thế mà gia đình những liệt sĩ này vẫn giàu có. Vậy thì phải chăng tư thế chết có liên hệ đến hạnh phúc hay khổ đau? Dĩ nhiên không. Tại sao các chiến sĩ chết trận tập thể không có tư thế hoặc mờ mả đẹp mà họ vẫn mang lại cho gia đình nhiều lợi lạc?

Chỉ cần so sánh như thế đủ cho thấy quan niệm và phong tục tập quán năm tháng, ngày giờ, tốt xấu, may rủi hoàn toàn không có cơ sở về mặt nhân quả. Thế mà người ta vẫn cứ tin, vì tin nên họ lý giải nó dưới góc độ tà dư thừa còn hơn thiếu, dư thì không sao mà thiếu là ân hận suốt đời. Chính vì sự an ủi này mà các phong tục tập quán sai lầm vẫn tiếp tục có điều kiện và cơ sở để sống.

Năm 2004, tôi có dịp sang thuyết giảng tại bang California, Mỹ. Sau buổi pháp thoại tại một ngôi chùa, sư bà trụ trì có mời tôi cùng vài người Phật tử đi tham quan và làm lễ tại một nghĩa trang mà sư bà vừa mới mua. Đây là nghĩa trang đầu tiên của Phật giáo tại Mỹ, rất nhiều người đã đăng ký mua đất tại đây. Hôm đó, có một người nói với sư bà như sau:

- Thưa sư bà, cho con đăng ký một chỗ kế bên đức Bồ-tát Địa Tạng, bao nhiêu tiền con cũng sẵn sàng.

Nghe thế, tôi mới hỏi:

- Tại sao cô lại muốn đăng ký miếng đất kề cận đức Bồ-tát Địa Tạng?

- Thừa thầy, ở dưới nước rất lạnh, xung quanh đó côn trùng và nhiều loài bò sát sẽ cắn, nhưng nếu ở cạnh và có sự bảo hộ của đức Bồ-tát Địa Tạng, mình sẽ được an toàn.

Đây là quan niệm của rất nhiều người. Do vì sợ thân thể bị hư thối, mục nát dưới nước nên có người đã chọn con đường hỏa thiêu. Một số khác lại lý luận rằng nếu đem hỏa thiêu sẽ bị nóng tốt độ, chịu không nổi nên phải chọn con đường chôn cất. Sự lựa chọn giữa thiêu và chôn được gắn liền với cái mà họ cho là dòng cảm xúc hay thần thức của mình vẫn còn ở bên cạnh để canh giữ, vẫn tiếp tục cảm nhận được sự nóng lạnh mà trên thực tế dòng cảm xúc đó đã bị cắt đứt, chính quan niệm sai lầm này dẫn đến nhiều sự lựa chọn sai lầm khác.

Chùa Giác Ngộ của tôi có thờ khoảng 5000 lọ cốt (5000 thi thể) được thu nhỏ trong từng chiếc lọ. Nhiều Phật tử đã nảy ra sáng kiến đăng ký giữ chỗ (lọ cốt) trước ở chùa, vì tâm lý sợ đến lúc mình mất đi sẽ không còn chỗ. Khi được hỏi lý do vì sao phải đăng ký chỗ trước khi đang còn sống khỏe mạnh như thế này? Một số người đã trả lời rằng họ thích ở chùa để được nghe kinh kệ mỗi ngày và sớm được siêu sinh thoát hóa.

Quan niệm sai lầm này đã làm cho khá nhiều người nghĩ rằng sau khi chết thần thức của họ sẽ được giữ lại với thi thể vật lý được tồn tại dưới dạng tro cốt. Nếu quan niệm đó không sớm tháo gỡ thì tiến trình tái sinh sẽ là trở ngại và ách tắc. Bởi người ta đã đăng ký hóa cơ thể vật lý này là cái tôi, là sự sống của mình, nên khi mạng sống con người chấm dứt, lẽ ra thần thức phải thoát ra, tiếp tục tìm một mầm sống mới để tái sinh; đằng này lại cho rằng cơ thể vật lý này là của mình vĩnh viễn, muốn đặt lọ cốt lại để thần thức được nương gá nơi chùa chiền, nhờ thần lực của Tam bảo giúp mình có thể ra đi dễ dàng. Dĩ nhiên,

40 § CHẾT ĐI VỀ ĐÂU

về tác dụng bảo hộ của Tam bảo đối với hương hồn là chuyện có thật, nhưng nếu cứ quán niệm và buộc thân thể vật lý này không được rời khỏi thân thức, và ngược lại thân thức phải bám víu vào cơ thể vật lý thì đây sẽ là một ách tắc, trở ngại trên con đường tái sinh. Điềm mà tôi muốn nhấn mạnh là ở đây.

Nóng và lạnh, đau đớn và hạnh phúc, dễ chịu và khó chịu tất cả đều thuộc về dòng cảm xúc. Khi con người qua đời thì dòng cảm xúc cũng đã hết, không nên có khuynh hướng đăng thức hóa dòng cảm xúc tiếp tục tồn tại trong cơ thể vật lý mà cần giải phóng nó. Hãy thực tập thoải mái theo cách thức sau khi mình qua đời, người thân chôn, thiêu hoặc thậm chí là bỏ thân ngoài đường không ai quan tâm, chăm sóc, hương án cũng không sao. Bởi vì cơ thể đó chỉ là phương tiện để thân thức được gá vào, giống như không có bóng đèn này thì thay vào bóng đèn khác, dòng điện mới thực sự là yếu tố quan trọng, đôi lúc thay bóng đèn mới tạo cơ hội để năng lực của dòng điện được thể hiện một cách trọn vẹn. Quán niệm như thế sẽ làm cho người Phật tử thực sự thoải mái, thông dong, tự tại và không chao đảo trước cái chết, đồng thời tiến trình đó giúp con người sống một cách an lành. Điều quan trọng là quán niệm thoải mái, tự tại về cái chết sẽ dẫn đến cuộc sống an lành, bằng không, nó tạo ra nhiều rắc rối khác.

CHẾT ĐI VỀ ĐÂU

Trong kinh, đức Phật đưa ra hình ảnh ẩn dụ về cây nến, nếu dùng lửa thắp sáng ngọn nến lên thì từ cái không lửa sẽ trở thành có lửa. Lửa có thể bị chong chênh nếu ta dùng tay lắc, hoặc một cơn gió thổi qua thì ánh sáng đó bị lập lờ, do tác động của sự vận chuyển không khí. Nếu tác động này quá mạnh, lửa có thể bị tắt, và lúc này điều gì xảy ra với ngọn lửa? Đức Phật đã đặt ra câu hỏi đó. Một số vị tỳ kheo trả lời:

- Lửa sẽ đi theo hướng mà sức gió bị ép, ví dụ nếu gió thổi qua từ phía bên tay trái thì lửa sẽ bị tắt. Như vậy, lửa đi từ bên

trái sang bên phải, từ Đông sang Tây hoặc từ Nam sang Bắc và ngược lại.

Nhiều vị tỳ kheo khác im lặng. Lúc này, đức Phật trả lời:

- Việc tìm kiếm và định hướng sự ra đi của lửa là điều không cần thiết. Trong tình huống này, nếu ta chấp nhận lửa có một hướng đi thì phải quan sát lửa đó như thế nào, nó tiếp tục chạy ra sao. Trong khi ngọn lửa đã bị tắt mà ta lại bàn luận nó đi về hướng nào thì đây là một câu trả lời không thích hợp.

Ví dụ này được Thế Tôn đưa ra để nói về cái chết, về sự ra đi của những vị xuất gia chân chính có một đời sống tu học vững chãi, đạt được giá trị an lạc ở hiện đời thì sự giả định về tiến trình tái sinh của người đó về hướng A, B, hoặc C là điều không thích hợp. Bởi vì các ngài sẽ ra đi theo nguyện ước của bản thân. Chết đi về đâu? Chết - đi theo nguyện ước.

Lý luận này đã không làm hài lòng nhiều nhà nghiên cứu Phật học bởi vì sự súc tích của nó và cách thức giải thích không trọn vẹn, đầy đủ về ý nghĩa của sự ra đi. Chắc chắn các nhà nghiên cứu muốn đề cập đến mệnh đề triết học hoặc những phán đoán đề cập đến cái chết của Thế Tôn, và đời sống của Ngài sau khi chết. Điều này khiến họ cảm giác không thỏa mãn, nên vẫn tiếp tục đặt câu hỏi tương tự.

Thế Tôn quay họ trở về với đời sống thực tại, hãy đặt câu hỏi và tìm kiếm giải pháp cho những vấn đề hiện thực của đời sống an lạc, hạnh phúc, giá trị tinh tại, thanh thoi quan trọng hơn nhiều so với việc tìm hiểu lửa này sẽ đi về hướng nào, và trong kinh *Đại Bát Niết Bàn*, đức Phật đã có câu trả lời làm thỏa mãn những người tò mò.

Ngài đưa ra hình ảnh ẩn dụ cũng giống như sự xoay chiều của mặt trời 12 tiếng vào ban ngày vừa kết thúc thì bóng tối cũng bắt đầu xuất hiện. Trong thời đại của đức Phật, con người

chưa có kiến thức khoa học không gian về mặt trời, mặt trăng hay đời sống của các hành tinh khác. Thế Tôn chỉ đưa ra hình ảnh ẩn dụ đơn giản về cái chết và tái sinh của các bậc chứng đạo cũng tương tự như vàng mặt trời. Khi màn đêm xuất hiện không có nghĩa là mặt trời bị mất đi, nó vẫn tiếp tục rọi sáng ở một nửa bên kia trái đất, nghĩa là nó vẫn tiếp tục tồn tại và phát triển. Điều đó chứng tỏ cái chết và tái sinh của các bậc chứng đạo đi theo nguyện ước của các ngài, miễn là nơi nào có nhân duyên, và thông qua nhân duyên đó, sự lợi lạc, an vui và hạnh phúc của chúng sanh được thiết lập.

Câu trả lời này đã làm thỏa mãn các tiền đề, định đề và lý giải của triết học về bản chất sau khi chết của những bậc cao Tăng. Thế còn đối với người phạm kẻ tục như chúng ta thì chết sẽ đi về đâu? Câu trả lời ở đây lệ thuộc hoàn toàn vào thái độ của người ra đi.

KHÔNG TIẾC NUÔI CÁI CHẾT

Đức Phật đề cập đến sự ra đi ít nhiều có mối liên hệ đến di thể con người, mà quan trọng nhất vẫn là tro cốt. Nó là cơ sở vật lý quan trọng để hương linh bám víu vào. Ngày nay cùng với sự tiến bộ phát triển của khoa học kỹ thuật, có khá nhiều phương tiện giúp lưu giữ lại những kỷ niệm trong quá khứ thông qua hình ảnh, video, các phương tiện internet hoặc các viện bảo tàng có thể nắn tạo lại hình tượng của một nhân vật nào đó. Chẳng hạn như công nghệ Thái Lan thực hiện việc này rất tinh vi, chỉ cần cung cấp cho họ một thước phim khoảng năm phút về cơ thể vật lý của một người nào đó với tư thế mà họ đang ngồi cùng với mái tóc thiết thì chỉ trong vòng một tháng sau, họ nắn tạo ra hình tượng mà độ chính xác của nó đạt hơn 90%. Chỉ cần trả khoảng 15.000 USD là đã có một hình tượng giống hệt mình rồi, và nhiều người cho rằng đây là điều rất hạnh phúc, bởi vì nó là kỷ niệm vật của mình.

Thế nhưng theo tâm lý học của đạo Phật, đây là cản lực lớn cho tiến trình tái sanh. Hương linh sẽ có cơ hội bám víu vào cơ thể vật lý khi mạng sống đã chết, cơ thể bị hôi thối, rã rời theo qui luật vật lý thì cấu trúc di thể mà ta đã nắn tạo ra bản photocopy của mình sẽ là cái rất đẹp, cũng vì sự nuối tiếc này mà nhiều hương linh khó ra đi. Ngoài ra, nền văn hóa phương Tây còn đặt nặng tập tục trang điểm cho người chết trước khi táng liệm. Người ta đánh phấn, tô son trông gương mặt thật đẹp, giống như người chết đang trong trạng thái ngủ an lành. Nhiều người cứ nghĩ rằng làm như thế là thương tưởng, quý trọng người ra đi, mà trên thực tế tình huống này sẽ làm cho hương linh dễ bị chấp trước và dính mắc nhiều hơn. Bởi lúc còn sống mình không đẹp mà khi chết mình lại đẹp như vậy, khiến hương linh có tâm trạng tiếc nuối, muốn bám víu vào hình hài, thân thể đó không muốn ra đi. Do đó, họ tiếp tục tồn tại dưới hình thức khổ đau của nga quỷ.

Trong trạng thái nuối tiếc xuất hiện, hương linh thường bám víu vào bất kỳ một cấu trúc hay hình dạng di thể còn lại. Đó có thể là bức ảnh, giọng nói được ghi âm, bàn thờ trang nghiêm, mồ mả, đền thờ họ tộc v.v... và xa hơn nữa là di cốt, hoặc các tượng là bản sao của hương linh được làm tinh vi và đẹp. Như vậy, điều gì dẫn đến sự nuối tiếc đó? Trong kinh, đức Phật nêu ra ba tình huống:

- Gia tài, sự nghiệp khiến hương linh nuối tiếc, khó có thể buông.

- Tình yêu giữa vợ và chồng (trường hợp này nguy hiểm nhất) nếu tình yêu đó bị nguội lạnh thì sẽ được chuyển thể thành tình thương giữa cha mẹ và con cái. Nếu họ không có con cái thì tình thương đó lại được chuyển thể sang một dạng khác là anh em hoặc người thân với nhau. Nói chung, bám vào bất kỳ mối dây tình cảm nào trong những tình huống như thế vẫn làm cho sự ra đi của hương linh gặp trục trặc.

- Có quá nhiều chương trình, dự án, kế hoạch chưa làm xong nên họ không sẵn sàng chấp nhận cái chết. Sự tức tối trong tình huống này sẽ khiến hương linh rơi vào trạng thái ngạ quỷ. Do đó, bằng mọi giá và mọi phương tiện, người Phật tử cần tu tập, huấn luyện cho mình và người thân từ bỏ trạng thái nuôi tiếc về cảm xúc, nhận thức liên hệ đến nhiều tình huống khác nhau, có thể là trực tiếp hoặc gián tiếp.

Năm 2004, tôi được một vị thầy dẫn đến tham quan nhà tưởng niệm của diễn viên điện ảnh kim ca sĩ Elvis Presley. Nơi đây trưng bày nhiều kỷ vật trong giai đoạn mà danh vọng, sự nghiệp của ông đang ở đỉnh cao, chẳng hạn như quần áo, mắt kính, đĩa CD, băng nhạc v.v... và thậm chí nơi đây còn bày bán cả những chiếc áo có in hình ông. Theo chúng tôi được biết, mỗi năm số tiền thu được từ việc tổ chức bán vé tham quan tại nhà tưởng niệm này lên đến con số rất cao, nghĩa là tuy ông đã chết nhưng vẫn còn tiếp tục tạo ra đồng tiền. Trong tình huống đó, nếu ca sĩ này không hiểu, cứ bám víu vào sự thành công, vinh quang, danh tiếng và những cái người ta đã làm cho mình sau khi chết thì chắc chắn ông sẽ bị rơi vào trạng thái ngạ quỷ về lâu dài.

Tương tự như các vị vua Pharao của nền văn hóa kim tự tháp Ai Cập hoặc những người chết mất xác cũng vậy, cơ hội tái sinh ở họ thật hẩm hiu vô cùng. Bởi vì cấu trúc vật lý đó vẫn còn nguyên vẹn, làm cho hương linh quyến luyến khó có thể ra đi. Điều này khác hoàn toàn so với tình huống để lại nhục thân của các vị thiền sư, chẳng hạn ở Việt Nam có thiền sư Vũ Khắc Minh và Vũ Khắc Trường ở chùa Đậu, do tu tập và hạnh nguyện đặc biệt mà các ngài đã để lại xá lợi toàn thân. Trải qua nhiều thế kỷ không cần sử dụng đến hóa chất, nghệ thuật ướp xác của phương Tây hoặc Ai Cập cổ đại mà thân thể vẫn không hề bị hư thối hay rã mục. Tại Thái Lan, hai vị Hòa thượng Việt Nam đã có công khai mở đạo Phật của Việt Nam sang Bangkok khi chết cũng để lại nhục thân. Trung Quốc cũng chỉ có khoảng ba

hoặc bốn nhục thân. Đầu tiên là nhục thân của ngài Lục Tổ Huệ Năng, kế đến là tỳ kheo ni Vô Tận Tạng - một vị đại ni cùng thời Lục Tổ Huệ Năng, và trải qua nhiều thế kỷ mãi đến năm 1963 mới tiếp tục có nhục thân của thiền sư Nguyệt Khê.

Sự kiện để lại nhục thân cũng là một nguyện ước của các ngài để minh chứng cho các tín đồ Phật giáo, những người tìm đến hoặc chưa có niềm tin về đạo Phật. Có những điều khoa học không thể nào lý giải được, cấu trúc vật lý của con người là vô thường nhưng vẫn có thể giữ lại bằng một cách thức nào đó, nếu như người đó khi chết gắn liền với nguyện ước của mình.

Trong cuộc sống, ta vẫn thường hay nói tinh thần của người A còn sống mãi trong tim, hoặc nếu là người con cháu kế thừa gia tài của một gia tộc có chiều sâu về đạo hóa, giáo dục, ta vẫn thường hãnh diện tự nhủ rằng: *“Tinh thần đóng góp của ông bà tổ tiên vẫn còn sống mãi trong tim chúng ta”* thế thì tại sao chúng ta lại nói chết là hết? Ít nhất là giá trị đóng góp về mặt đạo đức và cộng đồng xã hội vẫn còn đó, cho nên không bao giờ là hết hoặc chấm dứt bằng những dấu chấm, nó chỉ là điểm diễn ra trên tiến trình của sanh tử mà thôi.

THUẬT HỒ TRỢ HƯƠNG LINH

Trong giai đoạn từ năm 1975 đến năm 1988, tu sĩ xuất gia tại Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn. Mỗi ngày, tăng ni chỉ được phép ở chùa đến 20h30 tối là phải cuốn gói ra đi. Họ phải tìm một gia đình Phật tử ở gần chùa để tá túc, và chờ đến 3h sáng hôm sau mới được phép về chùa sinh hoạt trở lại. Đây là giai đoạn khá cam go, trong số đó có khoảng 1/3 tu sĩ đã ra đời, vì điều kiện gàn gũi với thế nhân nhiều, cùng những biến cố lịch sử trong giai đoạn đầy khó khăn.

Thời đó, ở chùa Giác Ngộ cứ sau 20h30 tối là chúng tôi phải đi ngủ nhờ ở nhà một Phật tử. Rất may trong số đó có một vị

xuất gia tại chùa Giác Ngộ, gia đình vị này lại ở gần chùa, chỉ cách đó khoảng 200 mét. Nhà của vị này gồm có ba tầng lầu. Tầng trệt là phòng khám, vì chủ nhân của gia đình này là một bác sĩ, tầng thứ hai dành cho đời sống gia đình, tầng thứ ba và nóc nhà của tầng ba dành cho quý thầy. Gần mười vị thầy cùng ở chung một tầng mà bề ngang chỉ có 3,5m và bề dài 8m là quá chật hẹp. Các vị trẻ đành phải leo lên ngủ trên nóc của tầng nhà. Nhà vệ sinh của ngôi nhà lại nằm dưới tầng trệt, các tầng lầu còn lại đều không có nhà vệ sinh.

Một tối nọ, vì có nhu cầu đi vệ sinh, tôi đành phải đi xuống dưới nhà. Trong lúc đang xuống cầu thang, tôi nhìn thấy hình ảnh một ông Tây đang đội nón đứng ngay thang lầu. Tôi cứ tưởng do vì buồn ngủ quá nên mình bị ảo giác. Sáng hôm sau, khi tâm sự với các vị thầy khác mới biết rằng các vị này và người chủ nhà cũng nhìn thấy tương tự như tôi.

Tìm hiểu kỹ, tôi được biết ông Tây này trước đây từng là chủ nhân của ngôi nhà. Ông đã bị một tên cướp đột nhập vào nhà bắn chết và lấy hết của cải, tài sản. Dù là một người phương Tây chịu ảnh hưởng dưới nền văn hóa Cơ Đốc giáo hoặc Tin Lành sẽ không tin có đời sống sau khi chết, ngoài hai hình thái hưởng nhân đức Chúa hay bị hỏa ngục đời đời. Thế nhưng cái chết đó có thể để lại cho ông sự nuối tiếc về gia tài sự nghiệp, khiến ông cứ muốn bám víu mãi nơi đó, không muốn ra đi. Do vì được huấn luyện từ nhỏ nên các tu sĩ luôn cảm thông, không sợ hãi mà trái lại rất thương hương linh. Bởi sự có mặt của họ là một điềm báo, họ rất cần sự giúp đỡ của ta. Vì vậy, chúng tôi đã tổ chức lễ cầu siêu giúp cho hương linh này được siêu sinh thoát hóa. Từ đó trở đi không ai còn nhìn thấy ông Tây này nữa.

Có thể ngôn ngữ trong tiếng Anh của ông Tây và tiếng Việt của các thầy có sự khác nhau, nhưng về dòng cảm xúc và sự giao thoa tâm tưởng của con người và hương linh vẫn có thể diễn ra một cách trực tiếp. Vì vậy mà ta cần nhờ đến quý thầy

hoặc quý sư cô làm lễ cầu siêu là thế. Bởi năng lực tu tập và sự huấn luyện từ nhỏ khiến người xuất gia dễ dàng thiết lập được chánh niệm, chánh định, và sự giao thoa ảnh hưởng với hương linh vẫn có thể diễn ra theo một tần số tâm thức. Hương linh mặc dù không hiểu được ngôn ngữ của lời kinh tiếng kệ, nhưng thông điệp mà những vị xuất gia, người hộ niệm hay thậm chí là người Phật tử truyền đạt lại trong khóa lễ cầu siêu sẽ giúp họ cảm nhận được đây là năng lực hộ vệ giúp mình nhẹ nhàng ra đi, siêu sinh thoát hóa.

Bất kỳ một sự bám víu nào về mặt cảm xúc đều có thể là trở lực, là sợi dây xích ghì chặt hương linh lại. Với người bị chết oan ức hay tự tử, cần làm lễ cầu siêu ngay tại địa điểm mà cái chết xảy ra, vì nơi đó hương linh thường xuyên về. Theo quan điểm của đạo Phật, đừng nên thiết lập bàn thờ hoành tráng tại nhà, đừng nên mở cửa mả rước ông bà tổ tiên về nhà, vì những điều này hoàn toàn không phù hợp và không an toàn với đạo lý tái sinh. Khi quý vị Phật tử yêu cầu các thầy hoặc các sư cô làm lễ mở cửa mả, các chùa vẫn thực hiện việc đó nhưng hoàn toàn vô nghĩa. Bởi bản chất của khóa kinh và cầu nguyện của Phật giáo là mong cho hương linh được siêu sinh thoát hóa, chứ không mong cho hương linh trở về nhà. Vì trở về nhà, hương linh sẽ tồn tại dưới dạng thức ngạ quỷ, chẳng lẽ chúng ta lại mong muốn ông bà, tổ tiên, người thân, người thương của mình trở thành ngạ quỷ cả hay sao. Vào ngày 30 Tết cũng thế, người Phật tử đừng nên cầu ông bà tổ tiên về dùng cơm, đón Tết sum họp với gia đình. Ta chỉ nên đứng trước bàn hương án của ông bà để tưởng niệm công lao đóng góp của ông bà dành cho gia tộc, chứ đừng mong ông bà trở về.

Ở Việt Nam, Phật giáo thường khuyến khích người Phật tử nên tổ chức lễ cúng giỗ, cúng thất không ở nhà mà là ở chùa. Sau khi làm lễ thổ tiêu hoặc thổ táng thì nên thỉnh rước hương linh về chùa ngay. Bởi nếu hương linh đó chưa ra đi được, mà

về nhà thì dòng cảm xúc cứ bị ghì chặt với những kỷ niệm đẹp. Chẳng hạn như cái bàn làm việc là nơi tạo cho hương linh cái danh vọng, thành công, hoặc chiếc giường là kỷ niệm đẹp của đôi vợ chồng đã tạo ra chất liệu hạnh phúc, tất cả những đồ vật đó đều có thể là cơ sở để hương linh chấp trước, bám víu vào. Do đó, ta đừng nên tạo cơ hội cho hương linh trở về nhà, nếu có chăng là trở về chùa, và nên cúng thất, cúng giỗ, làm lễ cầu siêu ngay tại chùa. Trong trường hợp hương linh đó chưa ra đi được thì cũng chỉ quanh quẩn trong khuôn viên ngôi chùa, cùng với sự hỗ trợ của lời kinh tiếng kệ, sự giao thoa tâm linh của chư Phật, Bồ-tát và những người đồng tu sẽ giúp hương linh được siêu sinh. Đây là một thuật hỗ trợ giúp kẻ còn lẫn người mất đều lợi lạc và an vui. Như vậy, câu hỏi được đặt ra trong tình huống hương linh không rơi vào trạng thái bám víu về cơ thể vật lý, gia tài, sự nghiệp, tình yêu v.v... vậy thì chết đi về đâu?

CHẾT TÁI SINH THEO NGHIỆP

Ngài Na Tiên tỳ kheo đã đưa ra một ví dụ rất sâu sắc về hình ảnh cái cây. Cho dù cây có đứng thẳng cách mấy vẫn còn độ nghiêng nhất định của nó. Chẳng hạn như cây dầu, cây cau, cây dừa, hãy thử lấy chiếc cưa bằng máy hay bằng tay cưa nó, chắc chắn sẽ thấy độ thẳng của cái cây bị ngã. Như vậy nó ngã về hướng nào? Chắc chắn nó sẽ ngã về phía nó đang bị nghiêng. Một cái cây cho dù có đứng sừng sững, nhưng chỉ cần một cơn gió thổi qua theo độ nghiêng thì tự động nó sẽ ngã qua. Nếu độ nghiêng của cây khoảng 10^0 trở lên thì sự ngã sẽ diễn ra trước khi cái cây bị cưa đứt, lớp vỏ bên ngoài sẽ bị gãy đổ tức khắc.

Cùng cách tương tự, dòng chảy của nghiệp được thể hiện qua nghề nghiệp, chức tước của con người, những gì được lặp đi lặp lại sẽ trở thành quán tính của hành vi. Chính quán tính đẩy tiến trình tái sinh của con người theo một quỹ đạo, mà đôi lúc người quá cố hay người chuẩn bị ra đi không có sự lựa chọn. Họ phải

đi trên con đường theo sức đẩy của nghiệp, và sức đẩy này tạo ra sự thiên sai vạn biệt của sinh giới với những yếu tố bẩm sinh như cá tính, văn hóa, phong tục tập quán khác nhau. Chẳng phải ngẫu nhiên mà con người có và duy trì được phong tục tập quán khác nhau, mà bởi vì trong tiến trình tái sinh, tất cả thói quen của văn hóa, phong tục tập quán, ứng xử được tích tụ lại dưới dạng thức năng lực của nghiệp. Năng lực nghiệp thúc đẩy con người từ lúc mới bắt đầu hình thành mầm sống mới trong bào thai người mẹ.

Trong kinh *Vu Lan*, đức Phật đề cập đến sự tương tác giữa bào thai của đứa con và cá tính của người mẹ. Nếu là đứa con nghịch, biểu đạt bình thường vật lý khi sanh ra sẽ đập quấy lung tung, làm đau đớn người mẹ; hoặc thay vì chui đầu ra trước thì nó lại đưa hai bàn chân ra trước. Đây là một biểu hiện vật lý, nếu như quá trình giáo dục của người đó không tốt, họ sẽ có khuynh hướng đi theo quán tính nghiệp đã gieo trồng, mà đôi lúc không cưỡng lại nổi. Cá tính được đánh kèm khi con người có mặt dưới hình thức là một phôi thai. Đó là lý do tại sao có những hiện tượng thiên tài, thần đồng, người có năng khiếu, sở trường riêng về một lĩnh vực nào đó chẳng phải vô cớ, chẳng phải do Thượng đế nắn tạo, mà do nghiệp đã qui định rõ điều này.

Tôi có dịp xem bộ phim *Kundun* của Hollywood mô tả về cuộc đời của đức Đạt-lai Lạt-ma. Bộ phim đó với phần đầu khá hấp dẫn, đề cập đến sự truy tìm hậu thân của đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14, tức là đức Đạt-lai Lạt-ma hiện tại. Ngài Đạt-lai Lạt-ma thứ 13 di chúc lại rằng ngài sẽ tái sinh vào vùng Heysa tức là vùng biên địa của Tây Tạng, trong một gia đình thuần tính về Phật pháp với một số yếu tính nhất định được ngài mô tả trong di chúc.

Khoảng 6 năm sau khi ngài nằm xuống, các nhà sư bắt đầu đi tìm hậu thân của ngài lần theo những gì được di chúc lại. Đến

ngôi làng nọ, đoàn tìm kiếm rất ấn tượng khi nhìn thấy từ xa có một cậu bé đang chơi đùa với các cậu bé khác trong làng. Cậu bé này có gương mặt rất dễ thương, hiền lành và chất liệu từ bi. Lúc ấy, những đứa bé trong làng đang chơi trò bắt đố lẫn nhau, chúng rất vui sướng, nô đùa khi nhìn thấy con này cắn thủng con khác. Trong lúc chúng đang hân hoan vỗ tay thì Kundun đã có phản ứng hoàn toàn khác biệt, Kundun nhảy vào tách đám trẻ đang chơi làm hai phía. Chính Kundun dùng bàn tay tách hai con đố ra, và bắt một con đi thật xa rồi bỏ xuống, để chúng không có điều kiện cắn nhau nữa. Kundun không cho phép bọn trẻ tạo niềm vui và nụ cười trên nỗi đau của loài vật, đây chính là chất liệu của lòng từ bi.

Một đứa bé chỉ mới sáu tuổi đầu, chưa có được sự giáo dục về hòa bình, sự tương nhượng thì làm sao lại có chất liệu từ bi nếu đây không phải là hậu thân của đức Đạt-lai Lạt-ma một vị mà trong truyền thống Tây Tạng được mệnh danh là vị Phật sống, là hóa thân của đức Bồ-tát Quán Thế Âm tượng trưng cho lòng đại từ đại bi. Chất liệu đó vẫn còn giữ lại trong tiền thân, hậu thân có mối liên hệ mật thiết với nhau thông qua cá tính, phẩm chất, lý tưởng hoặc thói quen. Thế nhưng bấy nhiêu đó vẫn chưa đủ để xác định đây là hậu thân của đức Đạt-lai Lạt-ma, người ta phải trải qua thêm nhiều cuộc thử nghiệm khác.

Vị Đạt-lai Lạt-ma thứ 13 có thói quen sử dụng cặp kính cận xấu và cũ. Người ta cho thử nghiệm bằng cách trưng bày bên cạnh chiếc kính cận cũ kỹ đó cùng nhiều cặp kính khác rất đẹp, sang trọng và hấp dẫn với nhiều màu sắc sắc sỡ. Vì tâm lý trẻ thơ thường thích những đồ vật đẹp và màu sắc bắt mắt. Trong rất nhiều cặp kính như thế, cậu bé Kundun là người chọn ngay cặp kính mà đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 13 từng sử dụng. Tuy chiếc kính đó không đẹp nhưng là kỷ vật gắn bó trong suốt thời gian dài, và chỉ có chủ nhân của nó mới cảm giác được sự thân thương, gần gũi hơn là những người khác. Đây chính là yếu tố

thứ hai để xác định hậu thân của đức Đạt-lai Lạt-ma. Sau đó, người ta tiếp tục làm cuộc thử nghiệm khác.

Theo truyền thống Tây Tạng, đức Đạt-lai Lạt-ma luôn ngồi giữa trong tất cả các khóa lễ, vì ngài vừa là vị lãnh tụ tinh thần vừa là vị lãnh tụ quốc gia. Hình ảnh một vị vua - triết gia của nền văn hóa Hy Lạp được thể hiện trọn vẹn trong hình ảnh của đức Đạt-lai Lạt-ma. Bởi vì thiếu triết lý thì cuộc đời và sự cai trị của nhà vua sẽ dẫn đến nỗi khổ niềm đau cho muôn dân. Hoặc nếu đơn thuần chỉ là nhà triết gia thì học thuyết và sự đóng góp cũng chỉ là vô ích, vì chẳng ai đem ra ứng dụng. Chính vì thế, trong hình ảnh của nhà vua phải có yếu tố của triết gia và ngược lại. Đức Đạt-lai Lạt-ma đã thể hiện sự hóa thân hai hình ảnh này làm một thông qua cấu trúc tôn giáo, chính trị và xã hội Tây Tạng.

Trước khi yêu cầu cha mẹ cho Kundun được trở về tu viện để làm lễ phục hồi chức vị thì bữa cơm tiếp đãi của gia đình được diễn ra. Theo phong tục tập quán Tây Tạng, trong gia đình người chồng là chủ nhân, người vợ bị lệ thuộc như một sở hữu tài sản, và con cái là hoa trái của sự sở hữu tài sản đó. Trong bàn cơm ngày hôm ấy, người chồng ngồi chính giữa, người vợ ngồi một bên và những đứa con ngồi một bên. Vị trí chính giữa đó chỉ dành cho người chồng và người cha.

Trong lúc người cha đi rửa tay để chuẩn bị bữa ăn thì Kundun bước đến ngồi vào ngay chiếc ghế giữa của cha. Thấy thế, người cha vội nói: *“Đây là chỗ của ba, con phải ngồi ở bên đây nè”*, và ông ẵm Kundun sang ngồi ghế bên cạnh. Thế nhưng Kundun lại vùng vằng nói: *“Không, chỗ này là của con... chỗ này là của con...”*

Đối với nền văn hóa khác không phải là Phật giáo, trong tình huống này có thể người cha sẽ không vui. Tại sao đứa con lại dám vô lễ giành chỗ ngồi của mình như thế? Trong suốt cuộc đời của đức Đạt-lai Lạt-ma từ trẻ đến già, và liên tục trong 14

đòi ngài luôn ngồi ở vị trí chính giữa, không ngồi ở vị trí bên cạnh. Dĩ nhiên, đây không phải là tính cách thể hiện cái bản ngã, mà để giúp cho người khác nhận dạng ra mình là hậu thân. Bản ngã được thể hiện thông qua sự giành giật nhưng ở đây là sự gánh vác, ngài vẫn muốn bộc lộ rõ cái gốc của mình.

Tiếp tục, lại một thử nghiệm khác, lần này là cây gậy của vị tiền thân từng sử dụng. Nhiều cây gậy được làm giống hệt cây gậy đó, và một lần nữa Kundun là người chọn đúng cây gậy mà đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 13 đã dùng.

Cách thức tìm hậu thân theo truyền thống tái sinh của Tây Tạng thường được diễn ra như thế, thông qua di chúc cùng những biểu đạt cho thấy cá tính của người hậu thân và tiền thân có cấu trúc tương đồng với nhau về mặt bản chất. Vì bản chất của nghiệp không thay đổi, giữa đời cuối cùng và đời mới tái sinh có mặt, vấn đề còn lại của sự thay đổi là theo tiến trình lớn lên liên hệ đến giáo dục, phong tục tập quán, môi trường, hoàn cảnh và đối tượng giao tế của người đó. Còn lúc mới bắt đầu, một đứa bé chưa đủ sức để tự thay đổi chính nó, lúc này cấu trúc quán tính về nghiệp được thể hiện một cách rõ rệt.

ĐỊNH HƯỚNG NGHIỆP TÍCH CỰC

Thế Tôn từng nói, đứa con trong bụng làm thay đổi cả tính tình người mẹ. Bà mẹ đó trước đây có thể không thèm món này, món nọ nhưng bây giờ lại thèm. Đây là chuyện bình thường vì điều này cần cho cấu trúc phát triển của thai nhi. Tuy nhiên, có những cái thèm không đáng thèm là do ảnh hưởng bởi cá tính của đứa con trong bụng như trường hợp của hoàng hậu Ma-da là một điển hình. Bà thêm làm việc nhân từ, đạo đức, và từ thiện xã hội gấp nhiều lần so với trước đây. Bởi hạt giống của ngài Tất-đạt-đa là hạt giống từ bi, tuệ giác và tình thương. Chính yếu tính này đã tác động làm cho bào thai được thay đổi ở mức độ tích cực, lún mạnh hơn về những đức tính tốt mà bà đang có sẵn.

Khoa học ngày nay chỉ đề cập một chiều trong suốt thời gian thai nghén, người mẹ phải kiêng cử trong việc ăn uống tiêu thụ để không làm ảnh hưởng đến thể trí và thể chất của đứa con. Bởi vì thực phẩm độc tố có thể làm biến dạng tri thức, cấu trúc não bộ hoặc cơ thể vật lý của đứa con. Tuy nhiên, theo đức Phật, những điều kể trên vẫn chưa đủ, cần làm sao để thay đổi về mặt tính tình thật nhiều. Một người bình thường có thể nóng, giận, ích kỷ, hẹp hòi nhưng suốt thời kỳ thai nghén không nên để những tâm lý tiêu cực đó xuất hiện. Người mẹ ấy phải luôn có niềm vui, hoan hỷ, hỷ xả, bao dung, tha thứ, dần thân, tích cực thì đứa con sinh ra cũng sẽ có những chất liệu đó; nó tác động trực tiếp thông qua cái nhào của người mẹ.

Yếu tính của nghiệp được di chuyển và chuyển thể trong suốt quá trình 9 tháng 10 ngày bị tác động bởi năng lực tích cực mới của người mẹ có ý thức. Điều này tạo ra cá tính mới hay sự chuyển hướng tích cực hơn. Chính vì vậy, trong suốt thời gian thai nghén, người Phật tử có thể hỗ trợ và sanh ra đứa con được tạm gọi là theo ý muốn về phương diện chức nghiệp, hướng nghiệp cho nó. Về phương diện cá tính, cũng có thể thực hiện được việc này.

Trong tập tục thôi nôi - một phong tục dân gian rất gần với đạo Phật, cha mẹ trong gia đình cần bày ra nhiều vật dụng khác nhau, mỗi vật dụng tượng trưng cho một ngành nghề để con em có thể chọn lựa. Ngày nay, nhiều nơi đã đi sai với tập tục này, biến nó thành một dịp hội hè để người thân ngồi lại với nhau ăn mừng, nhậu nhẹt, mà lẽ ra ý nghĩa của nó là để chăm sóc, định hướng nghề nghiệp tương lai cho đứa con. Chẳng phải vô cớ mà có trẻ thì chọn con dao, cây viết, xe hơi v.v... mỗi đồ vật đều liên hệ đến cá tính của đứa bé theo dòng chảy của nghiệp, và nó được lặp đi lặp lại suốt quãng thời gian có mặt trong cuộc đời. Cái gì từng gắn bó nhiều thì chắc chắn chúng sẽ chọn cái đó như là một khuynh hướng. Khi phát hiện ra điều này, các bậc cha mẹ

cần chăm sóc, vỗ về, huấn luyện thật kỹ thì đứa con mới thành tựu điều tích cực trong cuộc đời.

Cần xác định rõ sau khi qua đời, con người sẽ đi theo hướng của nghiệp. Nghiệp được lặp đi lặp lại nhiều lần sẽ trở thành cái nghề. Chẳng hạn có người thích làm nghề nhà giáo vì nhận thấy nó mang lại hạnh phúc cho họ. Nghiệp làm cho con người có cảm giác nó là một phần sự sống của mình, nếu tách rời nó thì hạnh phúc và sự sống như thể bị mất đi, nên người ta không muốn mất nó, đó là nghề nghiệp tốt.

Đối với nghề tiêu cực cũng tạo ra con nghiện bám víu, ghi chặt, làm con người không vùng vẫy nổi, nhìn thấy năng lực của nghiệp đang siết chặt, hòa quyện vào bản chất cuộc sống, ta cần hết sức thận trọng trong sự lựa chọn cho mình một hướng đi. Bởi vì nghiệp tạo ra hạnh phúc và khổ đau, tất cả đều nằm ở sự định hướng của một con đường.

NGHIỆP CẢM TƯƠNG ỨNG TRONG TÁI SINH

Tại sao có tình trạng chết do sẩy thai, chết do phá thai hoặc chết do sinh non? Đạo Phật lý giải rằng bởi vì chưa có sự tương ứng nghiệp giữa sự tái sinh của hương linh vừa ra đi với cha mẹ tương lai của người đó. Cho nên đi về đâu là lệ thuộc vào sự tương ứng của nghiệp.

Tại sao người Việt Nam da vàng, mũi tẹt, thấp bé, nhưng lại có tinh thần bất khuất, phấn đấu, nỗ lực, chăm chỉ, tháo vác? Bởi vì những người đó đã tạo ra cùng một cộng nghiệp, chính cộng nghiệp này làm cho những người cùng mẫu số chung của hành vi được sanh ra trong một môi trường để cùng hưởng và sống trong hoàn cảnh đó mà không có sự lựa chọn nào khác. Cho nên sự huấn luyện hành vi sẽ quyết định cho tiến trình tái sanh.

Tình trạng chết non diễn ra do bởi cộng hưởng về mẫu số chung của nghiệp giữa hương linh qua đời và tái sinh trong hình

thái mới với cha mẹ của chúng bị khác nhau. Vì vậy, chúng đành phải rút lui để tìm cho mình một chỗ thích hợp mới theo quy luật tự nhiên của nhân quả. Trong kinh *Trung Bộ*, đức Phật từng nói có ba yếu tố để hình thành nên một mầm sống:

- Tinh cha trứng mẹ.

- Cha và mẹ phải có quan hệ tính dục trong thời kỳ có thể thụ thai.

- Sự có mặt của nghiệp cảm tương ứng qua hình thái của năng lực nghiệp tái sinh hay thức tái sinh thì mầm sống đó mới bắt đầu được thừa nhận là có sự sống thực sự. Đây là yếu tố hoàn toàn vượt lên trên khoa học.

Vậy làm thế nào để hương linh tìm được nghiệp cảm tương ứng để lại có cơ hội tái sinh ngay khi vừa mới mất? Điều này thật khó vô cùng, bởi vì gia đình sau này mà hương linh sẽ làm con và đôi vợ chồng làm cha mẹ chưa chắc đã có quan hệ giới tính trong lúc hương linh này vừa mới ra đi do tai nạn hoặc chết bất đắc kỳ tử v.v... Ngoài ra, do bởi các hương linh này không có sự tiếc nuối về cảm xúc, không bám víu nên sự ra đi của họ chỉ diễn ra trong tích tắc. Vì vậy, theo qui luật tự nhiên, họ đành phải bám vào bất kỳ cái gì đang có điều kiện để cho mầm sống được diễn ra. Để rồi sau đó nghiệp không tương ứng, phải dẫn đến tình trạng chết non, sẩy thai hay phá thai của người mẹ.

Cách đây hai tháng, tôi có nhận được một cú điện thoại từ Nam Úc gọi về từ một cặp vợ chồng trẻ khóc sụt sùi với tâm trạng khổ đau, tự hành hạ và trách móc bản thân mình. Đôi vợ chồng này vừa mới sinh được một đứa con khoảng hai tháng tuổi. Vì muốn đi làm sớm nên họ gửi con cho người vú nuôi chăm nom. Một hôm, bất hạnh đã xảy ra khi đứa bé bị té ngã nằm sấp trên mặt đất. Do vì còn quá nhỏ, chưa đủ sức để cựa quậy nên mũi của nó đã tiếp xúc với mặt đất, và chỉ vài phút sau thì đứa bé đã chết. Nỗi khổ đau bị mất con làm cho đôi vợ chồng

này cảm thấy ray rứt, tự dằn vặt mình, nghĩ rằng do vì muốn đi làm sớm nên chính mình là tác giả gây cái chết cho đứa con.

Tôi đã an ủi, phân tích cho đôi vợ chồng này thấy rằng sống và chết không do sự lựa chọn của chúng ta mà là sự lựa chọn của nghiệp. Trong tình huống này, nghiệp dẫn dắt đi, có thể do sự bất cần của người vú nuôi là chất xúc tác để cho đứa bé đó không tìm được nghiệp cảm tương ứng trong gia đình đó nữa, nên nó phải thoát ra để đi tìm một mầm sống mới ở nơi khác. Cần phải tâm niệm như thế để vui bớt phần nào sự hành hạ bản thân. Ta có buồn khổ hay trách móc cũng không làm người chết có thể sống lại. Cần biến nỗi đau thành hạnh phúc, tức là làm thế nào giúp cho hương linh đó được siêu thoát bằng khóa lễ cầu siêu và tạo công đức, phước báu. Tôi đã hướng dẫn đôi vợ chồng này làm từ thiện tại trung tâm Thanh Thiếu Niên 3 - Quận Gò Vấp, nơi đây có hơn 400 em với độ tuổi từ 4 đến 17 hầu hết đều vô gia cư, được tập trung lại để cải tạo, giáo huấn. Sự hồi hướng công đức giúp cho các em được nghe Phật pháp, chuyển hóa phần nào những thói hư tật xấu chắc chắn sẽ mang lại lợi lạc nhiều hơn.

Điều quan trọng hơn hết cần mang lợi lạc đến cho người còn sống, và thông qua phước lực đó sẽ được chia sẻ một phần cho người quá cố. Bởi theo kinh *Địa Tạng*, người chết chỉ ảnh hưởng một phần, vì qui luật nhân quả của người quá cố là cơ sở tình thương để người còn sống làm những việc phước lành. Chính vì thế, quan niệm của người châu Á chăm sóc cho người quá cố chính là cách thức tạo hạnh phúc cho những người còn sống. Cộng hưởng giao thoa của nghiệp khá rõ ràng, nếu tạm phân chia công đức đó ra làm bảy phần - con số mang ý nghĩa trọn vẹn và đầy đủ của nền văn hóa biểu tượng Ấn Độ thì người quá cố hưởng được một phần, và người làm hưởng được sáu phần.

Nghiệp cảm tương thích sẽ tạo ra sự đi về của tái sanh. Đi về đâu? Ở đây cần có sự tương ứng, cùng một họ hàng nghiệp tạo

ra phong cách con người trong gia đình đó. Theo cách thức này, đừng nên có suy nghĩ “*con là nợ, vợ là oan gia*” hoặc ngược lại mà đây là nhân duyên với nhau, có cùng họ hàng nghiệp với nhau nên phải sinh ra trong cùng một gia đình với nhau. Sự lận đận, xảy ra nghịch cảnh với nhau là thuộc về bản chất của nghiệp. Đừng nên nghĩ đó là con nợ, bởi như thế sẽ khó ứng xử hạnh phúc với những thành viên còn lại trong gia đình. Nên quan niệm đây là cơ hội đồng hành, người thuận lợi trong đồng hành, người nghịch cảnh trong đồng hành, tùy thuộc vào nghiệp của mỗi người mà thôi. Vấn đề là tìm giải pháp để giải quyết nó, chứ không trách cứ, đổ lỗi.

Từ xa xưa, trong nền văn hóa Việt Nam, các Hòa thượng từng dạy rằng, trong một gia đình có một cặp song sinh, nếu là hai người nam hoặc hai người nữ, ai sinh ra trước là anh (chị), ra sau là em. Ngược lại, trong tình thế là một nam và một nữ thì không nên tính theo cách thức trước và sau, mà phải tạo điều kiện cho người nữ được làm chị. Đây là hướng giải quyết vấn đề rất hay và sự ảnh hưởng của nó vẫn còn lan rộng trong văn hóa dân gian Việt Nam hiện nay.

Các Hòa thượng đã lý giải cho điều này rất có cơ sở về mặt Phật pháp. Bởi lẽ khi có một cặp tình nhân nào đó đã chết, hoặc do tự tử, hoặc chết khi đang trên đường đi tìm hạnh phúc như trường hợp công nương Diana và người tình chết vì tai nạn giao thông. Chắc chắn họ sẽ có cùng một cảnh giới tái sanh, cùng một thời điểm tái sanh, và nếu như họ hàng nghiệp của họ giống nhau thì họ sẽ tái sinh cùng một chỗ. Ở đời quá khứ, trong tình yêu họ cùng đi với nhau, nhưng khi có mặt ở đời sống mới thì không thể gọi họ là vợ chồng, là tình nhân mà phải là anh em hay chị em. Để tránh tình yêu loạn lạc trong một họ tộc, các Hòa thượng dạy và khuyến tấn chúng ta nên để cho người nữ làm người chị và người nam là người em dù người nam đó có sinh ra trước đi chăng nữa. Đó là một nghệ thuật, bằng không sự loạn luân có thể diễn ra, vì

yếu tố của tình yêu mãnh liệt đến nỗi khiến con người muốn song hành và có mặt với nhau trong cuộc đời.

Nếu đặt tình huống đi theo nghiệp, cùng họ hàng nghiệp, cùng mẫu số chung của nghiệp nên mới có tình trạng sinh đôi, sinh 3, sinh 4 hoặc hy hữu hơn có trường hợp sinh 16 mà báo chí từng đưa tin. Như vậy, tình huống đó như thế nào, liệu mẫu số chung của nghiệp đó có làm cho những người này có các cách giống nhau hay không? Câu trả lời hoàn toàn là không về mặt tổng thể, vì theo đạo Phật, phải có một nghiệp cảm tương ứng giữa cha mẹ và con cái thì cấu trúc này mới tạo ra mầm sống mới trong một gia đình. Vì vậy, khi có mẫu số chung na ná giống nhau, trong một thời điểm nào đó, ở nhiều nơi và nhiều người vừa mới qua đời, do vì nghiệp cảm tương ứng giống nhau nên mới sanh vào cùng một gia đình để trở thành sinh đôi, sinh 3, hay sinh 16 v.v... nhưng cá tính của những người này hoàn toàn khác nhau. Bởi vì trong mẫu số chung có mẫu số riêng, và cái riêng đó tạo ra bản chất của đời sống.

Hãy thử liên tưởng có hai nhân vật, một người có khả năng tạo tiếng cười cho cả thế giới, đó là vua hề Charlot, và một người tạo nước mắt và khổ đau cho cả thế giới, đó là trùm phát xít Hitler. Hai nhân vật này sinh cùng một ngày, một giờ, chỉ khác nhau về phút, nhưng vì môi trường, điều kiện, hoàn cảnh, giáo dục đã làm cho quán tính của nghiệp được thay đổi. Đạo Phật lý giải vấn đề này để phủ định cái gọi là định nghiệp, định mệnh trong tiến trình tái sanh. Chẳng có gì giữ mãi, tồn tại mãi mà không thay đổi. Vì vậy, đừng nên bi quan, tiêu cực hay sợ hãi trước một điều xấu xa trong quá khứ, chỉ cần ta có ý chí, nỗ lực thay đổi thì chắc chắn sẽ được làm mới và cách tân.

Khi quan niệm không có định mệnh và định nghiệp, con người sẵn sàng nỗ lực tất cả bằng tự thân để vượt lên, hướng tới, và kết quả ít nhất sẽ nhận được một phần tương thích với

những gì mà mình mơ tưởng. Trái lại, chấp nhận định mệnh, sự an bày thì con đường diễn ra trước mắt chỉ là sự lệ thuộc, sẽ kéo theo những gai góc, khổ đau.

Chết đi về đâu? Theo tinh thần Phật dạy, chết không phải là sự kết thúc mà chỉ là sự bắt đầu của một hành trình mới. Con đường hành trình được dẫn đạo bằng hành vi con người trong quá khứ. Tuy nhiên, năng lực quán tính của nghiệp trong quá khứ không thể quyết định cả vận mệnh con người trong hiện tại. Quán tính chỉ là khởi điểm, con đường đi mới tạo ra điều kiện, môi trường, hoàn cảnh, giáo dục, phong tục tập quán được thay đổi trong hằng ngày, hằng giờ. Cộng nghiệp mới được thành lập, biệt nghiệp cũ được xóa đi, biệt nghiệp mới được thành lập tạo ra cộng nghiệp mới. Tiến trình về nghiệp phức tạp như vậy đó, cho nên không bao giờ có cái gọi là định mệnh.

Đó là quan niệm nhân quả của đạo Phật. Nếu cứ nhận định rằng định mệnh của tôi là như vậy thì vĩnh viễn không bao giờ có nỗ lực, không thể có hướng đi mới và con đường mới như ta hằng mong đợi. Mọi hành vi của nghiệp đều có thể thay đổi theo dụng ý và tự do duy ý chí của con người. Do đó, mỗi chúng ta cần phải chọn lựa cho mình lý tưởng tốt, con đường tốt và hướng đi tích cực.



TỬ NẠN VÀ TỬ TÙ

(Chùa Đức Quang, Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14-10-2006)

Phiên tả: Nguyệt Vạn Hòa

Con bão Xangsane - cơn bão lớn nhất từ nhiều thập kỷ qua đã tàn phá nặng nề miền Trung, cướp đi mạng sống, gây thiệt hại cho mùa màng, gia súc, tài sản, cùng nhiều thiệt hại khác về vật chất lẫn tinh thần. Toàn nước Việt Nam đang mở rộng những bàn tay từ bi không phân biệt tôn giáo hay địa vị xã hội, cùng đến và chia sẻ nỗi đau bằng tình thương yêu đồng loại. Các đoàn từ thiện Phật giáo từ khắp mọi miền đất nước đang ngày đêm vận động trên tinh thần “*nhường cơm xẻ áo*”, “*lá lành đùm lá rách*” chia sẻ phần nào nỗi đau về phương diện vật chất cho những gia đình lâm nạn.

TỬ NẠN - MỘT LOẠI HÌNH HOẠNH TỬ

Đoàn từ thiện trực thuộc Ủy ban nhân dân phường 13, quận Phú Nhuận đã lên đường với 800 phần quà gồm thực phẩm, quần áo, mền và tiền mặt nhanh chóng đến với đồng bào bị lũ lụt tại miền Trung. Rủi ro thay trên đường đi, đoàn đã gặp sự cố tai nạn giao thông thảm khốc. 13 người trong đoàn với số lượng tử vong lên đến 12, trong đó gồm Chủ tịch Ủy ban phường và các cán bộ phường đều chết ngay tại hiện trường. Chỉ còn lại duy nhất một người sống sót, đó là Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc phường 13. Tai nạn diễn ra vào lúc 2:35 phút sáng ngày 13.10.2006 tại xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

Tai nạn đã để lại nỗi thương tiếc và đau xót cho rất nhiều người. Ông Phạm Ngọc Úy - người sống sót duy nhất cho biết, sau cú va chạm mạnh, toàn bộ những người trên xe không còn ai sống sót, máu chảy bê bết. Người dân ở vùng lân cận nghe tiếng va chạm quá lớn đã chạy ra giúp đỡ, kịp đưa ông đến bệnh viện cấp cứu. Xe của đoàn từ thiện đã bị một chiếc xe khách đi ngược chiều từ hướng Đà Lạt - Huế va vào, nhưng rất may tài xế và những hành khách trên xe đó chỉ bị thương, không có người tử vong.

Trước sự kiện này, các phương tiện báo chí, cơ quan đoàn thể và cộng đồng xã hội trên toàn quốc đã có lời chia buồn sâu sắc

đến gia đình các nạn nhân trước khổ đau của sinh ly tử biệt, khi mà các nạn nhân đang làm việc nghĩa cho cuộc đời. Bên cạnh đó, chắc chắn trong nhân gian cũng sẽ có những lời nhận định, đánh giá, mà đôi lúc thiếu sự hiểu biết về nhân quả nghiệp báo trong đạo Phật. Điều này làm thui chột không ít những tấm lòng làm việc nghĩa mà bị lâm nạn như tình huống vừa nêu.

Một số người lý giải rằng, có lẽ trong đời kiếp nào đó ở quá khứ, các nạn nhân này từng tạo thảm nạn cho người khác, nhưng vì không biết sám hối nên quả báo đã xảy ra với họ trong lúc đang thực hiện nghĩa cử cao đẹp. Lý giải như thế chẳng những không phản ánh được sự hiểu biết về kiến thức nhân quả, mà ngược lại làm băng giá những tấm lòng vàng của người cao thượng, bằng thái độ bàng quan và làm ngơ trước nỗi đau của kẻ khác.

Thực ra, không nên xác định người bị tử nạn trong lúc làm từ thiện có gốc rễ từ hạt giống nhân bất thiện nào đó trong quá khứ liên hệ đến cái chết và mạng sống. Vì không ai có thể biết rõ những chuyện xảy ra trong quá khứ. Lý giải một cách chủ quan gắn liền với gốc rễ nghiệp của quá khứ vô tình tạo ra học thuyết định mệnh. Đây là điều mà đức Phật đã nỗ lực tháo gỡ trong suốt mấy mươi năm hoằng pháp của Ngài. Ngài hướng dẫn mọi người không nên tin theo định nghiệp, dẫn đến định mệnh, có sự an bày, sắp đặt của Thượng đế hay đấng Thần linh, nếu muốn có đời sống hạnh phúc. Đức Phật đã xác quyết trong kinh điển rằng, ai chủ trương và tin vào học thuyết định mệnh chi phối đời sống hạnh phúc hoặc khổ đau của con người thì người đó đang tự dẫn thân vào con đường của nỗi khổ niềm đau. Nếu tất cả mọi hạt giống tốt xấu từng gieo trồng trong quá khứ đều không thay đổi, tạo ra khuynh hướng quả định thì cuộc đời này đâu còn có hạnh phúc, làm việc bất hạnh phải gánh chịu khổ đau lâu dài.

Bản chất của nhân quả lệ thuộc nhiều vào duyên, thuận và nghịch cũng đều là duyên. Duyên là các yếu tố bao gồm điều kiện, môi trường, giáo dục, tâm lý, và những tác động của gia

đình, xã hội thông qua sự giao tế với bạn bè và bản thân đương sự. Quá trình con người sống trên cuộc đời này và những đời kiếp trong quá khứ đều tiếp xúc với vô số duyên khác nhau. Sự tác động của duyên đa chiều và phức tạp làm cho tâm, hành vi, lời nói và việc làm của con người thay đổi. Đồng thời, bản chất của nghiệp cũng từ đó mà thay đổi.

Lý giải hợp lệ nhất trong tình huống thảm nạn của người làm công tác từ thiện nên dựa vào kinh *Được Sư*. Bởi trong bản kinh này, đức Phật nêu ra chín loại hình hoạnh tử, mà trong đó có loại hình chết bất đắc kỳ tử từ khi nghiệp và tuổi thọ chưa kết thúc. Tác động của nghiệp chết bất đắc kỳ tử diễn ra trong tình huống gắn liền với sự bất cẩn của con người, được lý giải như là sự rủi ro và định mạng. Chết chìm trong lòng biển, chết do núi đè, chết do té hầm, chết do tai nạn giao thông đều thuộc về cái chết bất đắc kỳ tử. Nếu phân tích các dữ liệu được báo chí đưa tin sẽ thấy rõ tai nạn diễn ra vào giờ khuya 2:35 phút, đây là thời điểm mà các tài xế dễ ngủ gục. Hành khách trên xe từ 12 giờ trở đi đều chìm vào giấc ngủ, chỉ còn lại tài xế phải thức trắng, cùng với tư thế ngồi không được thoải mái suốt chặng đường dài, chắc chắn sẽ dẫn đến tình trạng mỏi mệt; và trong một giây phút bất cẩn đã đưa hành khách vào thảm nạn.

Như vậy, tình huống chết bất đắc kỳ tử này thuộc về rủi ro do bất cẩn của người tài xế. Hoặc nói cách khác, có một số tình huống hoạnh tử bắt nguồn từ sự bất cẩn, sai sót dẫn đến tai nạn. Cái chết đã làm cho nhiều người phải chia tay với người thân, người thương để lại khổ đau cho những người còn sống. Là người Phật tử, nếu lý giải sự kiện tử nạn của người làm việc nghĩa từ gốc rễ định nghiệp sẽ làm cho nhiều người chán nản với đạo Phật. Hiểu sai về học thuyết nghiệp dẫn đến những lý giải sai và không thích hợp, xã hội sẽ hiểu sai về một đạo Phật chủ trương yếm thế. Từ đó về sau, những người làm việc nghĩa luôn cân nhắc kỹ lưỡng, bởi làm việc nghĩa mà để định nghiệp

diễn ra trên nền tảng nhân quả giữa quá khứ và hiện tại chắc chắn sẽ làm họ không hài lòng. Trong tình huống tử nạn trên, xuất hiện ít nhất ba phản ứng tâm lý khác nhau.

TỬ NẠN - THÁI ĐỘ VÀ CÁC PHẢN ỨNG TÂM LÝ

Thứ nhất, phản ứng từ phía xã hội thì lẫn lộn, khen ngợi và nhận định một cách máy móc cũng có. Người Phật tử đứng trước cảnh sinh ly tử biệt, phản ứng đầu tiên là thể hiện lòng từ bi bằng một phút mặc niệm để cầu nguyện cho các hương hồn ra đi trong trạng thái thiếu sự chuẩn bị được siêu thoát. Đối với những tình huống chết một cách đột ngột, nên làm lễ cầu siêu tập thể, chỉ cần mỗi người có tấm lòng là có thể thiết lập trai đàn cầu siêu giúp cho các nạn nhân. Niệm một câu thần chú *Vãng Sanh*, hoặc tri danh hiệu đức Phật A-di-đà bằng cả tấm lòng, truyền hết năng lượng từ bi và phước báu của ta mong các hương linh đừng tiếc nuối về gia đình, gia tài, sự nghiệp để về cảnh giới an lành của chư Phật. Nghĩa cử cao thượng này dù rất đơn giản nhưng mang ý nghĩa rất lớn, là hành trang công đức giúp cho người ra đi.

Thứ hai, phản ứng từ phía gia đình các nạn nhân cũng là một phản ứng lẫn lộn. Nhiều gia đình tự giằng xé lương tâm bằng những từ “*giá mà*” hoặc “*phải chi*”. Chẳng hạn: “*phải chi mấy ngày trước tôi tìm cách ngăn cản con thì hôm nay nó đâu bị chết*”, “*muốn làm từ thiện thì có thể gởi tiền đến các cơ quan chuyển đùm, đâu cần phải đích thân đi...*”, “*phải chi tôi yêu cầu nó đi vào ban ngày thì nó đâu có chết*” v.v.. Đây là mệnh đề đặt giả thuyết về tình huống xảy ra, và ước nguyện của gia đình thân nhân đi ngược hoàn toàn với những tình huống đó. Điều này càng làm cho nỗi đau thêm dâng trào, thân nhân của người tử nạn không muốn thừa nhận cái chết đã diễn ra với người thân của họ. Sự tiếc nuối kéo theo những giọt nước mắt, nỗi đau, và trạng thái căng thẳng. Trong trường hợp những người thân từng

có quan hệ không tốt với người quá cố sẽ cảm thấy ân hận, tự trách móc bản thân: *“Phải chi mấy ngày vừa qua mình không xích mích với nhau, có lẽ người đó sẽ không đi từ thiện thì đâu xảy ra hậu quả như vậy”*. Các phản ứng trên được kinh điển đạo Phật xác định, đó là tình thương yêu thiếu tính cách xây dựng và dẫn đạo bởi quy luật sống và chết, khiến khổ đau của người quá cố gia tăng. Người chết khi cảm nhận tình thương yêu của người còn lại không hướng họ về con đường siêu sanh thoát hóa thì cảm xúc yêu thương đó sẽ kéo dài tình trạng thân trung âm, tức là cảnh giới trung gian giữa cái chết và một đời sống mới trong tiến trình tái sanh.

Một phản ứng khác lại cảm thấy rất hãnh diện, tự hào vì người thân hi sinh trong lúc thực hiện nghĩa cử cao thượng cho xã hội, cộng đồng. Nỗi đau vẫn có, nhưng họ biết cách chuyển hoá nỗi đau bằng tâm lý tích cực. Khuynh hướng tâm lý tích cực hoàn toàn phù hợp với đạo lý nhà Phật về bản chất và giá trị đời sống thông qua cách thức sống như thế nào. Riêng cái chết có thể liên hệ đến nhiều yếu tố như quy luật nhân quả, rủi ro do bất cẩn, và nhiều tình huống khác. Vì vậy, đừng bận tâm về cách chết thương tâm hay chết thư thái, nhẹ nhàng để qui kết vào tình huống nghiệp nặng hay nhẹ. Trong nỗi khổ niềm đau của người được nhận, nếu thiên về cách giải thích tiêu cực về định nghiệp, định mệnh sẽ làm cho nỗi đau gia tăng gấp bội. Điều cần thiết nên chia sẻ là cái chết của người bị thảm nạn trên đường làm từ thiện là cái chết xứng đáng.

Trong suốt tám năm (từ 1994 đến 2002) tôi du học tại Ấn Độ, năm nào cũng theo dõi tin tức báo chí về những chuyến hành hương và làm từ thiện của người dân Ấn Độ. Mỗi năm, báo chí đều đưa tin những chuyến hành hương và từ thiện như thể thường gặp sự cố về tai nạn và chết dọc đường. Lúc ấy, có một mẩu tin đăng trên báo khiến tôi rất tâm đắc. Đó là gia đình một nạn nhân gặp nạn trong chuyến hành hương đã viết bài chia

sẻ. Phần đầu nói về nỗi buồn và nước mắt của cuộc chia ly, vĩnh biệt người thân, và phần tiếp theo nói về niềm hãnh diện tự hào với một câu rất ấn tượng: “*Chúng tôi rất vui mừng vì người thân của chúng tôi được rước về Phạm Thiên*”. Phạm Thiên là Chúa Trời theo quan niệm Ấn Độ giáo.

Niềm tin tôn giáo giúp họ tâm niệm rằng, trong lúc thực hiện nghĩa cử cao đẹp mà qua đời thì người đó sẽ được tái sinh vào cảnh giới cõi trời, cho nên chẳng có gì phải đau buồn. Tuy nỗi đau buồn, mất mát chắc chắn phải có bởi tình người, nhất là tình thân khó mà ngăn được dòng cảm xúc, nhưng niềm vui mừng, hãnh diện trước việc làm của người quá cố thì cận tử nghiệp này sẽ quyết định tiến trình tái sinh cho người ra đi. Nếu trong quá khứ ta từng có người thân bị tử nạn khi công tác từ thiện xã hội, hoặc do tai nạn giao thông, thiên tai, lũ lụt v.v... thì nên quan niệm tương tự như thế. Không để cho nỗi buồn chi phối, mà hãy tìm cách phóng thích, chuyển hóa nó bằng khuynh hướng và suy nghĩ tích cực thì kẻ còn lẫn người mất đều cảm thấy an vui.

Thứ ba, phản ứng từ bản thân người làm từ thiện gặp tử nạn. Với tình huống 12 người gặp thảm nạn chết tại chỗ thì không ai đo lường được dòng cảm xúc và phản ứng tâm lý của họ như thế nào.

Đặt giả thuyết thứ nhất, những người này đang thiếp đi trong một giấc ngủ dài trên xe, và đến giữa khuya thì tai nạn xảy ra. Họ không hay biết hoặc ý thức về tai nạn xảy ra nhưng cái chết đã xuất hiện. Niềm hân hoan trong những ngày đi vận động các nhà hảo tâm đóng góp đã khiến họ giữ được trạng thái vui mừng, hạnh phúc cho đến lúc cái chết diễn ra. Tiến trình cận tử nghiệp trong an vui, hạnh phúc khi giúp đỡ người khác là hành trang quý báu, chắc chắn một trăm phần trăm rằng những người này khi tái sinh làm lại con người, trong tâm họ đã có sẵn cơ nghiệp, hạt giống làm từ thiện và hạnh phúc với việc từ thiện. Mất mát đó có thể để lại nỗi đau cho người thân của họ, nhưng bản thân người ra đi lại không ân hận, nuối tiếc, vì họ đã làm

được việc đáng tán thán và có giá trị cho đời sau.

Đặt giả thuyết thứ hai, trong tình huống cái chết xảy ra trong vài phút sau đó, tức là các nạn nhân có thể rơi vào trạng thái hôn mê, rồi tiếp theo cái chết đến từ từ, ít nhất là vài giây sau tai nạn. Trong tình huống này, bản thân nạn nhân - người không có lập trường dễ bị lay động và khuynh đảo niềm tin. Trạng thái nuôi tiếc sự sống bắt đầu xuất hiện trong tâm, “*phải chi mình không đi từ thiện thì đâu bị chết như vậy*”. Chính tâm lý nuôi tiếc này làm cho con đường tái sinh của các nạn nhân gặp nhiều trở ngại. Họ chưa sẵn sàng ra đi, và đến lúc tái sinh ở đời sau sẽ mang theo quán tính thói quen luôn dè dặt trước nghĩa cử cao thượng khi phải dẫn thân làm việc thiện, mà không lý giải được tại sao. Có thể họ thích công việc từ thiện, nhưng khi được mời gọi thì họ luôn dè dặt, từ chối bằng cách này hay cách khác. Mong rằng các nạn nhân bị thảm nạn vừa qua không có cảm giác nuôi tiếc vì nghĩa cử cao thượng đó.

Đề cập đến ba phản ứng tâm lý từ cộng đồng, người thân, và chính bản thân của nạn nhân để thấy rõ các góc độ tâm lý diễn ra ở mỗi người. Tình thương yêu và sự hiểu biết nhân quả sẽ giúp người Phật tử gần gũi với cuộc đời, dẫn thân vào xã hội bằng mọi cách. Ai không có của thì đóng góp bằng tấm lòng, không trực tiếp thì gián tiếp bằng nhiều hình thức như vận động, khuyến tấn, tán thán để chất liệu của lòng từ bi được gieo rắc khắp nơi.

BẢN CHẤT NGHIỆP VÀ THỌ MẠNG

Trong bản chất của nghiệp có những tính chất chung và riêng. Sự khác nhau giữa tính chất chung và riêng liên hệ đến phước lực tuổi thọ và đời sống. Nó là sự kết nối của một quá trình liên hệ đến nhiều kiếp sống đời trước và hiện tại. Có nhiều loại hình nghiệp chung (cộng nghiệp) và nghiệp riêng (biệt nghiệp). Dưới đây, tôi chỉ phân tích đến nghiệp chung và nghiệp riêng liên hệ đến tuổi thọ và mạng sống.

Bản chất của nghiệp liên hệ đến tuổi thọ và mạng sống là thái độ và hành động tôn trọng mạng sống của người khác, các loài vật và thậm chí là môi trường sinh thái. Người phát tâm ăn chay trường thấy rõ các loài động vật cũng có tình thương yêu đời sống như con người. Chỉ có điều chúng không thể chia sẻ về quyền được sống và cần sự bảo hộ như con người. Người từng có quá trình gieo hạt giống tạo sự sống, chẳng hạn như nghề bảo vệ rừng để rừng khỏi bị cháy, đồng thời giúp cho muông thú và côn trùng sống tại đó không bị chết cháy; hoặc người làm công tác đắp bờ đê chống lũ, người tuyên truyền kêu gọi hòa bình, người khuyến tấn, hướng dẫn và giúp đỡ người khác ăn chay v.v... tất cả đều là những người đang thực hiện gieo hạt giống về mạng sống và tuổi thọ.

1. Nghiệp riêng (Biệt nghiệp)

Nghiệp riêng về phước lực tuổi thọ được tích chứa ở những người sống sót thông qua các tai nạn trong khi những người đồng nạn khác đều chết, cho thấy năng lực hạt giống về mạng sống ở người đó quá nhiều, dù cái chết bất đắc kỳ tử có diễn ra vẫn không thể cướp đi mạng sống của họ. Người không gieo trồng hạt giống bảo vệ mạng sống nhưng cũng không phá hoại mạng sống thì tuổi thọ và nghiệp lực tuổi thọ chỉ ở mức trung bình. Vì vậy, khi sự cố tai nạn xảy ra thì họ cũng như bao nhiêu người bị nạn khác, không thể níu kéo được sự sống. Dựa vào tính chất chung và riêng của nghiệp cho thấy không có định mệnh hoặc định nghiệp. Mạng sống con người do chính hành vi, suy nghĩ và cuộc đời của người đó tạo ra. Dĩ nhiên, nó chịu sự tác động và chi phối của con người xung quanh, người trực tiếp hay gián tiếp liên hệ đến cái chết và sự sống.

2. Nghiệp chung (Cộng nghiệp)

Cứ hằng ngày, hằng giờ, ta thường nghe đến những sự kiện chết tập thể rất thương tâm và đau lòng. Tất cả đều liên hệ đến nghiệp chung. Trong thời hiện đại, chúng ta có cơ hội tạo nghiệp

chung khá nhiều mà không biết. Phương tiện truyền thanh, truyền hình, internet là chất xúc tác để nghiệp chung được diễn ra. Trước đây, khi một sự kiện xảy ra ở địa điểm nào đó trên trái đất thì chỉ cư dân nơi đó mới biết rõ thông tin, nhưng ngày nay nhờ phương tiện vệ tinh, truyền hình, truyền thanh và báo chí, người ta nắm rõ chi tiết từng sự kiện một. Thái độ phản ứng trước những sự kiện có thể cùng vui hay buồn, cùng đồng tình hay phản đối, cùng tán thán hay chỉ trích. Tất cả những hành động “*cùng*” này được gọi là cộng nghiệp.

Ví dụ khi đưa tin trực tiếp về vụ tai nạn máy bay xảy ra tại NewYork vừa qua với sự sốt sắng của những người làm công tác cứu hộ rất quý và đáng trân trọng. Sự cố đã dẫn đến cái chết cho ngôi sao bóng chày tên Korirido và người hướng dẫn lái máy bay của anh. Chiếc máy bay này đã lao vào một tòa nhà cao 50 tầng ở New York, trong đó có hai tầng bị bốc cháy đó là tầng thứ 39 và 40. Chiếc máy bay này cất cánh từ sân bay Tentênovô, NewJesey bay được 15 phút trước khi đâm vào tòa nhà, chỉ có hai người chết nhưng bị thương đến 21 người trong đội cứu hộ. Xem truyền hình trực tiếp về vụ tai nạn, nhìn thấy nghĩa cử cao đẹp của những người dân thân, nếu ai phát khởi tâm niệm tán thán về sự dũng cảm của đội cứu hộ thì xem như người đó đang gieo cộng nghiệp về bảo hộ tuổi thọ và sự sống. Dù không trực tiếp làm công việc này, nhưng việc tùy hỷ công đức, khởi tâm niệm chia buồn, tụng câu thần chú hay niệm danh hiệu Phật v.v... tất cả những hành động trên đều tạo ra cộng nghiệp có ý nghĩa trong đời sống. Muốn được như thế, đòi hỏi người xem truyền hình phải có lòng từ bi, có sự hướng dẫn và thực tập từ bi để gieo nghiệp tích cực.

Khi nghe tin tức về chiến tranh, chúng ta có khuynh hướng đứng về phe liên minh và đối lập với phe còn lại. Cuộc chiến nào cũng có chánh nghĩa và phi nghĩa, nhưng cái chết vẫn thuộc về người dân vô tội. Đứng trước cái chết dù của bên nào, người Phật tử nên khởi lên tâm niệm từ bi, thương yêu và chia sẻ. Thực

hiện được như thế là tạo cộng nghiệp tốt giúp ta có phước báu về mạng sống và tuổi thọ. Trong tình huống về sự cố tai nạn, nghiệp riêng về lòng từ bi chỉ bị thương tật chứ không bị hoạn nạn, bởi nó được tiếp tục nuôi lớn. Trái lại, nếu đứng về phía một liên minh, ta nguyện rửa kẻ xâm lăng, tạo tội lỗi giết chóc, không thể hiện được tình thương với các binh sĩ nằm xuống của phe ấy, lúc đó lòng từ bi bị thương tổn, ta hài lòng với sự giết chóc là xem như đã tạo một nghiệp chung về giảm tuổi thọ. Điều này rất tế nhị và khó nhận biết, bởi nó liên hệ đến chủ nghĩa yêu nước, chính sách quốc gia, thể chế chính trị v.v... Cái chết nào cũng mang lại khổ đau như nhau, nếu các chiến sĩ ấy không được cầu siêu thì sự tái sanh của họ sẽ lại tiếp tục mang khổ đau cho những người khác, vì nghiệp đó chưa được chuyển hóa hoàn toàn.

Nghiệp chung và nghiệp riêng tạo ra khuynh hướng về tuổi thọ và mạng sống của con người ở hiện tại và tương lai. Dù là cộng nghiệp hay biệt nghiệp, dù được cộng nghiệp hay biệt nghiệp giúp đỡ thì người Phật tử là thân nhân của người tử nạn nên quan niệm đây là nghĩa cử cao thượng. Không nên chán nản, thất vọng và lý giải sai lầm về cái chết liên hệ đến việc làm từ thiện. Các nhà làm từ thiện hãy mạnh dạn và dấn thân nhiều hơn để cuộc đời vui bớt khổ đau. Đừng vì sự cố tai nạn làm thui chột lòng thương yêu của chúng ta.

TỬ TÙ - DƯỚI CÁI NHÌN PHẬT GIÁO

Vào ngày 12 -10 -2006, các phương tiện báo chí đưa tin về tử tù Nguyễn Thị Oanh sinh năm 1967, bị xử tử hình về tội buôn 20 bánh heroin, đang chờ ngày thụ án tại trại giam tỉnh Hòa Bình đã mang thai. Sự kiện này đã gây chấn động trong dư luận, bởi theo qui định của luật pháp Việt Nam và thế giới cho phép giảm án tử hình đối với tử tù đang mang thai vì tính chất nhân đạo. Bà được giam trong phòng biệt giam có không gian từ 6-9m², mọi sinh hoạt hằng ngày ngay cả tiểu tiện đều

diễn ra trong khoảng không gian đó. Mỗi ngày, người làm công tác quét dọn vệ sinh và đưa cơm vào cho tử tù đều phải qua sự giám sát chặt chẽ của những cán bộ quản giáo. Theo qui định của trại giam, phòng biệt giam nữ chỉ có người nữ mới được phép vào làm công việc dọn dẹp vệ sinh. Nghịch lý thay, có một phạm nhân nam tên Nguyễn Tường Thiên lại được cán bộ trại giam cho phép thực hiện công việc này mỗi ngày trong thời gian nhiều tháng, kết quả là bà mang thai được 3 tháng. Vụ việc xảy ra khiến cho một thiếu úy và một cán bộ quản giáo tại đây bị bắt giam vì tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn tiếp tay cho hành vi sai trái, gây hậu quả nghiêm trọng.

Hình thức giam án tử hình xuống tù chung thân đối với người có thai mang tính chất nhân đạo hoàn toàn phù hợp với đạo lý nhà Phật. Ngày nay, trên thế giới có một số quốc gia bãi bỏ hoàn toàn khung hình phạt tử hình. Bởi việc xử tử hình sẽ không giúp cho người ăn năn, hối cải có cơ hội làm mới cuộc đời, ngoại trừ sự ăn năn, hối hận về phương diện cảm xúc. Tử tù muốn thể hiện sự hối đầu cụ thể bằng hành động cũng không có điều kiện, vì cái chết đã cận kề. Nền tảng giáo dục đạo đức Phật giáo nhấn mạnh đến hai phương diện: Trừng phạt và giáo dục. Luật pháp trong xã hội lại thiên về sự trừng phạt, còn giáo dục chỉ mang tính hỗ trợ vì nó không thuộc trách nhiệm của trại giam. Ngay cả người làm công tác quản giáo tại trại giam cũng không được huấn luyện về tâm lý tôn giáo, đặc biệt là Phật giáo giúp người phạm tội có cơ hội tháo gỡ nỗi khổ niềm đau đã gây cho con người và xã hội nói chung.

Trong mỗi ngôi chùa Bắc tông luôn thờ hai hình ảnh. Từ phía chánh điện nhìn ra, bên trái thờ tượng ngài Hộ Pháp - tượng trưng cho ông Thiện, bên phải thờ tượng ngài Tiêu Diện Đại sĩ - tượng trưng cho ông Ác. Gọi ông Ác không có nghĩa là ngài Tiêu Diện Đại sĩ chuyên làm việc xấu ác, mà ngài tượng trưng cho luật pháp xã hội để trừng trị kẻ xấu ác, khi biện pháp giáo dục đạo đức trở

nên bắt lặc, không thể chuyển hóa được kẻ xấu. Ngược lại, hình ảnh ngài Hộ Pháp lại tượng trưng cho nền tảng giáo dục và đạo đức. Nói cách khác, giáo dục trong Phật giáo dựa trên nền tảng ứng dụng cả hai khuynh hướng cùng một lúc. Có những con người chỉ cần áp dụng hình thức giáo dục đạo đức là có thể chuyển hóa họ lánh ác làm lành, tự động từ bỏ việc xấu ác trong quá khứ. Chuyển hóa về nhận thức dẫn đến chuyển hóa về hành vi, kết quả là họ đã làm mới cuộc đời. Đây là những người có căn cơ tốt, hạt giống lành, phương tiện thuận lợi, và sự hỗ trợ tích cực. Bên cạnh đó, cũng có những người mà kinh *A-di-đà* gọi đó là người tính tình cương cường, khó hóa độ, và việc hoá độ về phương diện đạo đức (đức dục) không đủ sức. Lúc đó, khung hình phạt về phương diện luật pháp và hình sự mới thực sự cần thiết.

Tuy nhiên, đạo Phật không chấp nhận khung hình phạt tử hình. Bởi vì giết chết một con người sẽ khiến người đó bị uất hận, khi mà tâm chưa thật sự chuyển hóa và nhất là chưa nhìn thấy việc làm sai trái của mình để chuyển hóa. Chính vì thế, nên kết hợp cả hai phương diện giáo dục, vừa hình phạt và vừa truyền bá đạo đức song hành với nhau. Nếu chỉ áp dụng duy nhất khung hình phạt, người ta có thể sợ mà không làm. Chẳng hạn như nhìn thấy các loại hình tra tấn dã man, sống trong ngục tù phải đối diện với bóng tối, không có tự do, không có phương tiện giải trí, không được sinh hoạt như một người bình thường v.v... có thể vì sợ nên họ không dám tái phạm nữa. Thế nhưng gốc rễ của hành vi phạm tội vẫn chưa được khắc phục nếu họ mãn hạn tù.

NHÀ TU TRONG NHÀ TÙ

Tại những quốc gia mà Phật giáo được xem là quốc giáo như Thái Lan, tử tù và tù nhân được huấn luyện về đạo đức và thực tập thiền định. Hướng dẫn về đạo đức và Phật pháp, đặc biệt về nhân quả nghiệp báo giúp họ ý thức rằng, mỗi hành vi sẽ kéo theo phản ứng tốt xấu. Chính họ là người phải gánh chịu

hoàn toàn những hành động do mình tạo ra, không thể trốn chạy được. Hiểu nhân quả, họ sẽ không dám làm. Trong các nhà tù có ứng dụng phương pháp của Phật giáo, người ta cho treo những câu kệ về nhân quả ở mỗi phòng giam, chẳng hạn như: *“Phàm làm việc gì cũng nên nghĩ đến hậu quả của nó”*, chắc chắn phạm nhân sẽ sợ, không dám làm. Khi phải đối diện với khổ đau, tù tội, phạm nhân mới cảm thấy ăn năn, hối hận. Những bài kệ về giáo dục nhân quả chính là chiếc phao đạo đức cứu vớt, để họ bám vào và từ bỏ tội ác bằng thái độ sám hối chân thành. Điều này tốt cho họ lẫn cộng đồng về sau.

Thái Lan là quốc gia áp dụng phương pháp giáo dục thông qua hình ảnh ngài Hộ Pháp, bằng việc thỉnh mời các vị giảng sư, pháp sư vào các trại tù giảng dạy cho phạm nhân, hướng dẫn họ tu Bát Quan Trai, làm công tác từ thiện xã hội v.v... Những tù nhân phạm tội nhẹ sẽ được người quản giáo dẫn đi làm công quả tại những ngôi chùa khác, và có người giám sát chặt chẽ. Số phạm nhân phạm tội ăn cắp được dẫn đến các trung tâm để làm từ thiện, bằng cách đích thân trao tặng những phần quà cho người đang có nhu cầu. Cảm xúc khi nhìn thấy người khác hạnh phúc vì nhận được một phần quà như vậy khiến họ biết trân quý tài sản được làm ra từ mồ hôi nước mắt. Từ đó về sau, họ không có suy nghĩ muốn cướp đi những tài sản không thuộc về mình.

Điều này tạo nên gốc rễ về lòng nhân ái, nếu ta biết kích thích, tạo chất xúc tác thích hợp thì hạt giống đó sẽ trở dậy mãnh liệt. Về sau, họ không còn tái diễn lại hành động tội ác nữa. Sau khi học Phật pháp xong, tù nhân được tổ chức thi giáo lý ngay trong tù. Ai được điểm cao và có sự sáng tạo về khuyính hướng đời, người đó sẽ được giảm án. Khuyính hướng sáng tạo giúp phạm nhân có hướng suy nghĩ tích cực. Nó như một phương châm làm thay đổi cuộc đời họ về sau. Phương pháp tâm lý trong giáo dục tại Thái Lan rất ấn tượng và hiệu quả.

Ngoài ra, các trại giam còn nhấn mạnh đến phương pháp giáo

dục thiền định cho phạm nhân. Đây là hình thức giáo dục mang tính chất tịnh nhiều hơn. Trước nhất, phạm nhân phải trải qua kinh nghiệm đối diện với khổ đau do chính mình gây ra bằng sự tù đày. Ý thức về tội lỗi như sự mặc cảm khiến phạm nhân có nhu cầu ăn năn sám hối. Hằng ngày, phạm nhân được hướng dẫn phương pháp thiền tập, và phải thực tập ngồi thiền vào buổi sáng khi thức dậy và buổi tối trước khi đi ngủ. Phương pháp thực tập thiền ở đây khá đơn giản. Họ được hướng dẫn ngồi trong tư thế hoa sen bán phần hoặc trọn phần, còn được gọi là tư thế bán già hoặc kiết già. Tư thế hoa sen bán phần (bán già), nghĩa là bàn chân này nằm lên trên bàn chân khác. Tùy vào sự thuận chân của mỗi người để có thể lựa chọn đặt bàn chân nào lên trên, và điều này không có sự qui định bắt buộc. Tư thế hoa sen toàn phần (kiết già), nghĩa là hai chân bắt chéo vào nhau, lòng bàn chân trái nằm trên đùi phải và lòng bàn chân phải nằm trên đùi trái. Đây là tư thế giao thoa âm dương tạo năng lực giúp hành giả nhiếp tâm dễ dàng. Vì Thái Lan là quốc gia theo truyền thống Phật giáo Nam tông, nên các phạm nhân được hướng dẫn thực tập phương pháp thiền quán, với nhiều cách thức buông xả nỗi khổ niềm đau.

Thứ nhất, buông xả về tội lỗi, giúp họ quán tưởng về sự ăn năn, hối cải tội lỗi mình từng gây ra cho người và xã hội. Thứ hai, thực tập lòng từ bi. Lòng từ bi phải được trải rộng khắp mười phương, từ con người, loài vật đến môi trường thiên nhiên. Giúp phạm nhân có được chất liệu yêu sự sống, yêu con người, nhìn thấy nỗi đau của người khác cũng chính là nỗi đau của mình. Thứ ba, là quán tình thân. Phạm nhân được thực tập quán tất cả người nam từng là cha, ông, chú, bác, cậu, anh trai, em trai, con trai, cháu trai v.v... của mình trong một kiếp nào đó, và quán tất cả người nữ từng là bà, mẹ, cô, dì, thím, mợ, chị gái, em gái, con gái, cháu gái v.v... Thực tập như thế để thấy nỗi khổ đau dễ tác động và ảnh hưởng đến bản thân mình nhiều

nhất. Vì vậy, họ không còn có động cơ muốn gây khổ đau cho những người thân của mình. Nếu quan niệm tất cả mọi người trong xã hội đều là người thân thì không ai muốn gây tội lỗi để họ bị khổ đau. Thứ tư, quán “sau cơn mưa trời lại sáng” là cách thức giúp phạm nhân thấy rằng, cuộc đời của họ không phải vứt bỏ, chỉ cần biết ăn năn, hối lỗi là có thể làm mới cuộc đời.

Dùng hình ảnh bầu trời sáng xua đi bóng đêm mịt mờ. Khi xoá mây mù thì vầng nhật nguyệt sẽ chiếu rạng. Sử dụng nhiều hình ảnh để kết nối sự hướng thượng, lúc đó hiệu ứng giáo dục thực sự mang lại kết quả cao. Hướng dẫn thiền quán là tạo cơ hội giúp phạm nhân có đời sống tốt trong cuộc đời. Tôi đã có hai năm kinh nghiệm thực hiện công việc này tại các trung tâm cai nghiện, trại tù v.v... Cứ mỗi lần đến, đoàn chúng tôi không chỉ đơn thuần làm công tác từ thiện bằng cách tặng quà, chương trình ca nhạc, mà tặng cho họ bài pháp thoại để làm mới đời sống. Luật pháp và sự trừng phạt không thể giúp phạm nhân hồi đầu, mà trái lại hận thù càng gia tăng, tình trạng đại bàng xuất hiện khắp trại tù. Chỉ có lòng từ bi, nhân quả của đạo lý nhà Phật mới có thể giúp họ chuyển hóa. Tôi nhận thấy những chương trình từ thiện như thế rất thành công trong thời gian vừa qua.

VUA TÀN BÀ SALA VÀ ÁN OAN TỬ TÙ

Ngày xưa thời của đức Phật, hoàng hậu Vi-đê-hi khi mang thai thái tử A-xà-thế đã được các nhà tiên tri tiên đoán rằng, đây là đứa con nghịch tử cần phải giết đi, thế nhưng vua Tần-bà-sa-la lại không nghe. Mặc dù ông rất thương A-xà-thế và muốn cho con được lên ngôi sớm hơn, A-xà-thế lại không tin thiện chí của vua cha sẽ nhường ngôi, nên đã ba lần bày mưu lập kế soái ngôi vua. Lần cuối cùng, âm mưu của A-xà-thế đã thành công. Ông giam nhốt vua cha trong ngục tù cho đến chết. Ở đây, tôi không phân tích về góc độ nhân quả nghiệp báo, mà chỉ chia sẻ về thái độ và tâm lý của người bị tù oan - vua Tần-bà-sa-la.

Đặt giả thuyết trong lúc bị giam trong ngục tù, vua Tần-bà-sa-la khởi lên nỗi oán hận, chẳng hạn như: *“Phải chi ta nghe lời nhà tiên tri cách đây mấy mươi năm thì hôm nay đâu phải chịu án oan tử tù từ đũa con ngõ nghịch này”*, *“giả mà ta giết nó ngay khi phát hiện ý định muốn soái ngôi thì đâu phải chịu cảnh giam nhốt như thế”*. Nếu những câu *“phải chi”*, *“giả mà”* của vua thể hiện sự hối hận thì hành động thiện và thái độ bảo vệ sự sống của nhà vua trước đây xem như mất hết. Sử sách đã ghi lại hoàn toàn trái ngược với giả thuyết, vua Tần-bà-sa-la rất hân hoan trong những ngày cuối đời. Dù A-xà-thế đã ra lệnh cấm tất cả mọi người không được phép vào thăm, ngay cả mẹ ruột của mình - hoàng hậu Vi-đề-hi. Ngoài ra, ông còn cả cấm việc mang lương thực vào trong tù cùng mọi phương diện tạo sự sống cho vua cha.

Những giờ phút cuối đời, vua Tần-bà-sa-la đã hướng về đức Phật, phát nguyện thọ trì Bát Quan Trai với tâm niệm từ bi hỷ xả, rộng lượng tha thứ, mong cho nghiệp oan khiên oán trái giữa ông và con trong quá khứ được tháo gỡ hết và kết thúc tại đây. Thông qua nghiệp tử tù này, con ông sẽ hồi đầu, chuyển ý, trở thành bậc minh quân cho thiên hạ. Ông không hề có nỗi niềm oán hận. Ông niệm Phật và nghĩ đến những việc lành từng gieo trồng trong quá khứ khiến ông hạnh phúc hơn. Đây là trạng thái tâm lý rất tốt và cần thiết đối với người bị tù oan, chết oan do tình ngay lý gian, oan khiên oán trái, trừ dập v.v... cần tu tập để hoá giải tất cả.

Tóm lại, trong tình huống bị tử nạn, cần quan niệm rằng đó là nghiệp hoạnh tử, và không được phép chán nản hay thất vọng trước những hành vi, nghĩa cử cao thượng đó. Hãy tiếp tục hành động, đừng sợ cái chết thì cái chết sẽ từ chối chúng ta. Trong tình huống tử tù do phạm pháp hình sự, hoặc do oan khiên oán trái thì về phương diện cảm xúc, người tử tù phải ăn năn, hối hận và có nỗ lực hóa giải nghiệp tiền kiếp. Có như thế, đời sống

hằng ngày trong tù được voi bót khổ đau, không còn tình trạng một ngày ở tù bằng nghìn thu ở ngoài. Nhiều người đã thực sự thay đổi bản thân khi trải nghiệm thời gian ở tù, nhất là được ngồi tù chung với các vị tu sĩ Phật giáo. So sánh hình ảnh giữa các nhà sư ngồi tù vì liên hệ đến chính thể, chính trị, hoặc bị oan khiên oán trái và những phạm nhân bình thường hoàn toàn trái ngược. Các nhà sư rất thản nhiên, sống hạnh phúc và không oán hận. Ngược lại, các phạm nhân thì bị khủng hoảng tinh thần, tâm thần và uất hận. Tất cả đều tùy thuộc vào lối suy nghĩ và hướng giải quyết vấn đề của mỗi chúng ta.



VĨNH BIỆT CUỘC ĐỜI

(Chùa Xá Lợi, Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17-09-2006)

Phiên tả: Phương Nhã

Một ngày nọ, có một gia đình Phật tử từ Mỹ về thăm quê hương, nhân tiện ghé thăm chùa Giác Ngộ. Những người con thảo cháu hiền dẫn người mẹ, người bà của họ vào chánh điện lễ Phật. Sau đó, họ yêu cầu bà đứng chụp một tấm hình. Khi ấy, tôi đề nghị người nhà hãy đưa bà đến một studio nổi tiếng để chụp cho đẹp. Bà cụ vội lắc đầu, thấy vậy tôi bèn hỏi lý do tại sao? Gạn hỏi mãi bà mới chịu trả lời: “*Chụp hình là lên bàn thờ sớm hơn*”.

Đó là tâm lý chung khá phổ biến ở người có tuổi, cứ nghĩ rằng chụp hình là để thờ kỷ niệm sau khi mình chết. Nỗi sợ hãi này đã làm cho họ bị mất tự nhiên và không muốn để lại những kỷ niệm đẹp khi mình có niềm vui, sự hân hoan và đặc biệt là niềm vui trong sự chăm sóc hiếu thảo của con cháu.

Trong đạo thanh thoả cũng xảy ra tình huống tương tự đối với các vị Thượng tọa lão niên, đạo cao đức trọng. Thay vì theo qui định của đức Phật ngày xưa, khi đến tuổi hạ lạp và có những đóng góp lớn cho Phật giáo thì mặc nhiên các vị ấy được tấn phong Hòa thượng. Thế nhưng nhiều vị Thượng tọa lại không muốn danh hiệu đó, mặc dù tuổi đã trên 60 và hạ lạp trên 30. Hỏi ra thì một số vị cho biết: “*Khi lên Hòa thượng thì biết rằng cái tuổi gần đất xa trời cũng đã đến*”. Lý giải từ góc độ nhân gian là thế, thực ra đối với những người xuất gia như các ngài thì không phải vậy. Bởi bản chất của người tu là hạnh khiêm tốn, việc phong tặng giáo phẩm đối với các ngài chỉ là xã hội hóa việc thừa nhận những đóng góp trong quá trình tu tập và đức hạnh của các ngài dành cho Phật giáo và cuộc đời. Phẩm hiệu đó có hay không đối với người xuất gia không quan trọng.

Đề cập và tìm hiểu cái chết là một nghệ thuật để sống có ý nghĩa hơn. Định đề này có vẻ xa lạ với hầu hết nhiều người. Bởi ai cũng cảm kỵ nói hoặc bàn về cái chết, nhất là vào dịp đầu năm mới, nghĩ rằng như thế sẽ bị xui xẻo, tạo cái “huông” kéo theo cái chết trong gia đình. Phong tục tập quán ở Việt Nam và Trung Hoa lại còn sai lầm hơn khi cho rằng, mỗi khi nghe chim

cú kêu là báo hiệu điềm gở, điềm xấu sắp xảy ra, khu vực chung quanh đó sẽ có người chết. Điều này tạo ra lối ứng xử căm ghét, xua đuổi và thậm chí bắn giết ná giết chết loài chim này. Ngược lại, với con chim khách lại được quan niệm là biểu đạt cho điềm lành của một gia đình hay làng xóm. Điều này cho thấy hệ nhân quả được thiết lập dựa trên quan niệm, phong tục tập quán và truyền thống văn hóa ở mỗi nơi.

CHẾT LÀ MỘT BẾN ĐÒ

Phật giáo xem cái chết như một bến đò hay chỉ là một trạm dừng chân, đã là bến đò thì cần có điểm xuất phát hay điểm đến. Bến đò và người lái đò phải liên tục đi và về để chuyên chở, phục vụ hành khách, và chức năng của nó cứ tiếp tục mãi như thế. Tiến trình của sự sống và cái chết cũng giống như một lượt đi qua đò. Khi kết thúc mạng sống, không phải là dấu chấm cuối cùng, mà là chuyển hành trình mới để quay về bến đò bên kia, tiếp tục rước những hành khách khác. Trong đạo Phật, việc rước hành khách được hiểu như thần thức của con người xuất hiện trong một mầm sống mới dưới hình thức là phôi thai. Tùy theo sự chiêu cảm của nghiệp và tính cách tương ứng của hành vi (còn được gọi là họ hàng nghiệp) giữa người chuẩn bị đi tái sanh và gia đình, cha mẹ, anh chị em mà người đó sẽ là một thành viên.

Hiểu như thế, ta không nên quá bi lụy trước cái chết, mất bến đò bờ bên này để cập bến bờ bên kia và ngược lại. Gọi nó là trạm dừng chân là bởi chức năng của trạm này không phải để cống hiến cho hành khách dừng tại đó một cách vĩnh viễn. Sự dừng chân chỉ mang tính tạm thời mà thôi, để rồi sau đó, hành khách lại phải tiếp tục lên chuyến xe đi đến nơi mà mình muốn đến. Việc dừng chân ở lại một chỗ chắc chắn sẽ làm mất hết giá trị của đôi chân và chức năng hoạt động của toàn cơ thể. Trạm là cảnh giới và loại hình sự sống mới mà bản chất của nó mang tính tương thuộc, thống nhất về nội dung với những gì

con người đã tạo thông qua hành vi, lời nói và việc làm cụ thể trong quãng thời gian có mặt trên đời.

CÁI CHẾT CỦA NGƯỜI ĐIỆN

Ngày 07- 09 - 2006, một tờ báo trong nước đã đưa tin về một sự kiện rất đau lòng với tựa đề: “*Người điện bị điện giật chết*”. Nhân vật trong bài báo tên là Huỳnh Văn Hùng, 44 tuổi, là một thợ điện. Anh có khả năng đặc biệt là điện giật không chết mà nhiều năm trước báo chí và truyền hình từng đưa tin, phỏng vấn. Khi ấy, anh trở thành người khá nổi tiếng, có thể dùng bàn tay của mình tiếp xúc trực tiếp với điện mà không cần phải cúp cầu giao và không sợ bị điện giật. Vì hoàn cảnh khó khăn, lương không đủ sống, anh có ý định tìm kiếm một công việc khác để mưu sinh. Trong thời điểm đó, anh ở lại tá túc tại nhà một người thân, nếp sống của gia đình này là ăn chay trường nên anh đành phải theo. Một hôm nọ, cũng như bao nhiêu ngày khác, anh đã thử điện mà không cần cúp cầu giao, đột nhiên có tiếng la thất thanh từ trong nhà vọng ra: “*cúp cầu giao...*”. Khi chạy vào thì nhìn thấy cơ thể anh bị cháy đen, anh đã chết.

Có người lý giải rằng, do vì tá túc lại trong gia đình đó phải ăn chay nên kháng lực trong cơ thể anh xuống thấp, không đủ sức chịu đựng trước dòng điện bình thường, so với thời điểm trước đây khi ăn mặn thì không vấn đề gì. Thực ra, người ăn chay trường có sức khỏe tốt hơn người ăn mặn, sức dẻo dai, bền bỉ chẳng thua kém gì người ăn thịt cá. Lý giải như vậy là không đúng. Hoặc một lý giải khác cho rằng “*sanh nghề tử nghiệp*” sống bằng nghề nào thì chết bằng nghề ấy. Lý giải đó chưa có sự chứng thực đúng sai, nhưng đau lòng ở chỗ nó là một sự lên án rằng, những người như thế đáng phải chết với những gì họ làm.

Lý giải từ quan điểm và góc nhìn của đạo Phật có sự khác biệt. Người có năng lực đặc biệt liên hệ đến chi phần hay một cơ quan nào đó của cơ thể, đừng nên ngộ nhận nó sẽ tồn tại

vĩnh viễn một cách lâu dài. Lạm dụng vào nó sẽ dẫn đến hậu quả đáng tiếc, điển hình là cái chết của anh Hùng. Trong khi với năng lực đặc biệt này có thể hỗ trợ cho anh trong công việc khá nhiều. Do đó, chỉ nên sử dụng năng lực đặc biệt để chứng minh cho một sự kiện mà khoa học cần đến, bằng không việc lạm dụng có thể là trở ngại.

Thời của đức Phật ngày xưa, rất nhiều vị xuất gia có năng lực thần thông, mà lẽ ra với năng lực đó sự thu hút quần chúng sẽ khá dễ dàng. Bởi quan niệm một con người có khả năng siêu phàm sẽ làm cho rất nhiều người có niềm tin tôn giáo nghĩ rằng đây là một bậc thánh. Khi ấy, đức Phật đã khuyến tấn tất cả các vị xuất gia không nên thể hiện năng lực thần thông mà mình đạt được. Những ai làm việc đó để thu hút tín đồ sẽ bị giới luật trong đạo Phật trừng phạt. Vì Ngài nhìn thấy rõ sự nguy hại trong việc lạm dụng năng lực đặc biệt này, ít nhất về phương diện hòa hợp trong cộng đồng của người xuất gia. Một tu sĩ được thần tượng hóa như một vị chứng đắc, vị ấy cố tình làm việc này trong khi những người khác lại không thể hiện được sẽ dẫn đến tình trạng quần chúng đổ dồn, tập trung vào vị ấy, trong khi các giá trị thiết thực khác họ lại không mấy quan tâm.

Truyền thống Lạt Ma tái sinh của người Tây Tạng là một truyền thống có giá trị. Bởi vì nó xác quyết được con đường và cảnh giới tái sinh khi các vị ấy đang còn sống khỏe mạnh, nhưng về lâu dài, thái độ ứng xử của người dân Tây Tạng đối với những vị Lạt Ma tái sinh lại tạo ra cung cách thần tượng hóa; và dĩ nhiên thái độ phân biệt đối xử đã xảy ra đối với những vị không phải là Lạt Ma tái sinh. Trong thời gian có mặt tại Lhasa, nơi được xem là vương quốc lưu vong của Phật giáo Tây Tạng tại Ấn Độ. Hằng ngày, tôi quan sát và cảm nhận rõ điều này. Người dân Tây Tạng rất thành kính đối với những vị Lạt Ma tái sinh, thế nhưng càng thành kính các ngài nhiều chừng nào thì thái độ của họ đối với các vị Lạt Ma không tái sinh lại

xuống cấp nhiều chừng nấy. Trong đời sống hằng ngày, người Phật tử Tây Tạng lúc nào trên tay cũng có xâu chuỗi với 108 tràng hạt. Họ lần chuỗi trong lúc buôn bán, làm việc, chợ búa v.v... ở mọi nơi và mọi lúc giống như người xuất gia.

Chính vì vậy, họ mong muốn các vị xuất gia phải có điểm gì đó đặc biệt hơn, không thể nào tương tự như họ. Tuy nhiên, nếu nhìn nhận yếu tố đặc biệt chỉ thông qua truyền thống tái sinh đời lúc bị lệch lạc, đi sai với truyền thống và tinh thần của đạo Phật. Đức Phật từng xác quyết rõ việc có thần thông và sự chứng đắc, hai yếu tố này có thể song hành và cũng có thể biệt lập với nhau hoàn toàn. Trong thời đức Phật, rất nhiều vị A-la-hán không có khả năng thần thông nhưng nhiều người phàm lại có khả năng này. Do đó, đức Phật đã giới thiệu một loại hình thần thông mới có chiều sâu hơn, và Ngài sử dụng lối chơi chữ với tên gọi: “*Giáo dục thần thông*”, được hiểu theo hai nghĩa như sau:

Thứ nhất, sử dụng thần thông như một phương tiện giáo dục quần chúng, giúp họ tin sâu vào nhân quả, giá trị tốt xấu, đạo đức, hiểu được bản chất của đời sống là do con người định đoạt thay vì do Thần linh, Thượng đế. Trong tình huống này, việc vận dụng thần thông được tán thán. Tuy nhiên, cũng cần giới hạn chỉ khi nào thực sự cần thiết mới đem ra ứng dụng.

Thứ hai, điều quan trọng và là mục tiêu mà đức Phật muốn nhắm đến, đó là bản chất của giáo dục chánh pháp đối với cuộc đời là phép mầu. Ai biết vận dụng chánh pháp đưa vào cuộc sống bản thân để giải quyết khổ đau, không bị rơi vào tình trạng than trời trách phận. Hoặc ai ứng dụng lời Phật dạy trong việc giáo dục con cái, giúp cho chúng trở thành người hữu dụng về sau thì họ được xem là đang thể hiện phép mầu. Phép mầu của sự giáo hóa, chuyển hóa, và làm mới hoàn toàn nhân cách của con người. Điều mà đức Phật muốn nhấn mạnh là tất cả những người phàm, dù xuất gia hay tại gia đều có khả năng thực hiện phép mầu mà không cần phải có năng lực đặc biệt nào.

Lạm dụng năng lực đặc biệt trong những tình huống không cần thiết có thể tạo sự nuối tiếc về sau. Báo chí tiếp tục đưa tin sau khi anh Hùng qua đời, vợ và hai con của anh bị hụt hẫng vì trụ cột kinh tế gia đình đều nương tựa vào anh. Do vì ỷ lại vào năng lực thần thông quá mức mà đôi lúc ta tự hại bản thân và hại luôn cả những người thân, người thương của mình nữa. Từ đó rút ra được bài học mà đức Phật từng nhắc nhở các vị xuất gia: “*Cho đến lúc nào các vị trở thành thánh nhân thì có thể tạm yên tâm về con đường chuyển hóa, tu tập, đạo đức, nỗ lực... còn nếu chưa phải là một bậc A-la-hán thì đừng bao giờ cho phép mình ỷ lại.*”

Câu nói đó có thể được ứng dụng trong công việc, sự nghiệp, lý tưởng mà người cư sĩ tại gia đang theo đuổi. Đừng nên ỷ lại dù quý vị là người có thể rất thành công trên thương trường, chính trị, giáo dục, văn hóa, nghệ thuật... cùng nhiều lĩnh vực khác; đừng cho phép mình thỏa mãn, tự hào, vì đó là ổ khóa giam nhốt năng lực và sự đóng góp của bản thân đối với cộng đồng và xã hội. Những ai cho phép mình thỏa mãn, người đó khó có thể tiến bộ xa hơn. Ỡ vào khả năng là cách thức làm giảm đi giá trị bản thân.

CÁI CHẾT Ở LÀNG THIÊN LÔI

Câu chuyện thứ hai mà tôi muốn chia sẻ được đăng trên báo Sài Gòn Giải Phóng ngày 13 - 09 - 2006 về một ngôi làng được mệnh danh là “*Làng trời đánh*” hoặc còn gọi là “*Làng thiên lôi*”. Làng nay là một khu đất thuộc địa phận Hà Tĩnh, ở đó có một cánh đồng giao giữa ba xã Sơn Lộc - Thạch Ngọc - Việt Xuyên. Mỗi khi mưa to, sấm sét lớn thì dân làng ở đây không ai dám bước chân ra ngoài. Thống kê xã hội học từ năm 1990 đến 2006, nơi đây có ít nhất hơn 20 người chết do bị sét đánh với thân thể bị cháy đen không còn nhận dạng ra. Trước sự kiện này, nhiều người sợ hãi và nghĩ rằng đó là hiện tượng trời trừng phạt đối với những người sống không có đạo đức. Lý giải đó tạo

ra sự phân biệt đối xử với người chết và tệ hại hơn là ảnh hưởng đến người thân của họ, mà lẽ ra tình thương của con người phải được đặt lên trên hết.

Ngoài ra, thêm một quan niệm sai lầm khác xuất hiện khi người dân địa phương cho rằng, cái đầu của người chết do sét đánh rất linh thiêng. Ai lấy được cái đầu đó về nhà thì công ăn việc làm được thịnh vượng, cầu gì được đó, mua may bán đắt. Vì vậy mà nạn cướp xác diễn ra khiến nhiều người hoang mang, lo sợ, đã mất người thân bây giờ bị mất cả thi thể của người thân. Bên cạnh đó, người ta còn quan niệm sự linh ứng này vẫn tiếp tục tồn tại trong vòng 3 tháng 10 ngày, chỉ khi nào qua thời điểm đó thì sự linh ứng mới không còn. Vì vậy mà trong suốt thời gian đó, thân nhân của người chết phải thuê người canh gác, bảo vệ mồ mả.

Nghiên cứu về địa chất học cho thấy trời đánh là một hiện tượng vật lý. Vùng đất nào có nhiều quặng mỏ thiếc thì hiện tượng trời đánh tăng cao, giao cảm điện từ thiếc và điện trên bầu trời tạo ra luồng sấm sét. Lúc đó, người đang có mặt trong vùng điện tạo sấm sét có thể bị chết cháy đen. Khoa học chứng minh như thế, trong khi nhân gian lại hiểu sai lầm, gán điều này cho ông trời. Nếu thực sự ông trời làm việc đó thì xem ra ông đã quá bất lương và nhẫn tâm. Bởi vì đã có nhiều người hiền lương, hiếu thảo với cha mẹ, đàng hoàng, đứng đắn trong các mối quan hệ, giúp đỡ mọi người trong xã hội, chưa làm mất lòng ai nhưng vẫn bị trời đánh.

Do đó, đừng nên ỷ lại vào giá trị đạo đức mà ta đang có. Đức Phật vẫn khuyên chúng ta phải nỗ lực, phát huy, tu tập, và phấn đấu cho đến khi nào không còn gì để phát huy nữa thì lúc đó mới dừng, và cũng không cho phép mình được quyền thỏa mãn đến đó. Hình ảnh của sự thỏa mãn cũng giống như nấc thang. Nếu ta dừng lại và đánh dấu sự thỏa mãn của người bộ hành

đang đi trên từng nấc thang sẽ không có cơ hội để bước thêm một bước cao hơn trong đạo đức, tu tập, nghề nghiệp, thành công và nhiều lĩnh vực khác. Có kiến thức khoa học căn bản, người ta có thể tránh được cái chết, không cần vĩnh biệt cuộc đời để lại niềm thương tiếc cho người thân. Khi mưa to gió lớn, không nên ra những khu vực có quặng mỏ, chẳng phải vì sợ ma, sợ trời hay sợ thần linh trừng phạt, mà vì qui luật vật lý tự nhiên nếu ta muốn an toàn tính mạng. Trái lại, niềm tin mê tín chỉ làm cho con người ngày càng lún sâu vào những cảnh huống bất hạnh, đặc biệt với hiện tượng cướp xác vừa nêu càng làm cho ta đau lòng hơn, vì người đã chết mà vẫn chưa được yên.

Những trường hợp chết bất đắc kỳ tử như hiện tượng sét đánh, người chết chưa sẵn sàng chấp nhận cái chết, dòng cảm xúc của họ vẫn còn đang níu kéo sự sống, dù thân thể bị cháy đen. Trong tình huống này, chưa chắc họ đã được siêu sinh, huống hồ chi với hiện tượng bị cướp đầu thì dòng cảm xúc nổi sân bị trở dậy. Đó là ách tắc lớn cho tiến trình tái sinh ở đời sau.

KHÔNG CÓ ÂM PHỦ ĐỂ TRỞ VỀ

Đạo Phật xác quyết giữa sống và chết có khoảng thời gian và trung gian quyết định bản chất của loại hình sự sống. Vậy sự sống của đời sau là gì? Tiến trình trung gian đó tồn tại dài hay ngắn tùy thuộc vào bản chất nhân quả về đời sống đạo đức của người chết, và dòng cảm xúc trước và ngay trong giờ khắc cái chết diễn ra. Người Phật tử có được sự huấn luyện chuyển hóa cảm xúc hằng ngày, hằng giờ sẽ thấy cái chết là điều rất bình thường, không có gì đáng phải bận tâm. Khi ấy, dòng cảm xúc tiếc nuối về thân thể vật lý không có mặt, và tiến trình tái sinh được “*thuận buồm xuôi gió*”.

Ngược lại, những ai có thói quen tiếc nuối điều gì thuộc về quá khứ mà không chịu chuyển hóa ngay lúc đang còn sống thì khi chết, dòng cảm xúc tiếc nuối là một ách tắc lớn cho tiến trình

tái sinh. Bởi cá tính của người còn sống thế nào, nó vẫn được lưu truyền dưới hình thức quán tính thế ấy. Năng lực quán tính sẽ định vị nghề nghiệp, cá tính, sở trường, dòng cảm xúc và thái độ ứng xử của người đó ở đời sau. Tính cách này hiếm khi thay đổi nếu không có sự hỗ trợ tích cực của giáo dục định hướng. Người Phật tử cần xác định rõ tiến trình của sự sống diễn ra như một dấu chấm trên một đường thẳng dài, mỗi dấu chấm tượng trưng cho sống và chết, và cứ thế tiếp tục mãi mà không ai có thể phanh ra manh mối đầu tiên của con đường thẳng dài, với điểm nào là khởi đầu và kết thúc nằm ở đâu. Với kiến thức nhân quả về sống và chết như thế sẽ giúp con người hoàn toàn坦然 nhiên trước qui luật “*sanh ly tử biệt*”.

Lễ Trai tăng tại các chùa với lời tác bạch thường có câu: “*chúng con hiểu rằng sanh tử là chuyện đi về...*” vốn được dịch thoát nghĩa từ một câu của Nho giáo “*sanh ký tử quy*”, nghĩa là “*sống gọi thác về*”. Quan niệm sai lầm này cần phải được thay đổi. Nếu con người cứ nghĩ rằng sống tạm ở nhờ, gởi gắm thân phàm trên cõi đời trong mấy mươi năm tạm bợ thì khó mà sống có chất lượng về đạo đức, tâm linh, đóng góp và phục vụ cho xã hội. Sai lầm đó còn dẫn đến hậu quả ứng xử khi nghĩ rằng cõi dương chỉ tồn tại có mấy mươi năm, và cõi âm mới là cõi tồn tại vĩnh viễn. Từ quan niệm đó mà người Ai Cập đã cho xây dựng các kim tự tháp hoành tráng bằng mồ hôi, nước mắt và cái chết của người dân vô tội, ngay cả người thân thương nhất của vua cũng bị chôn sống theo, cùng với nhiều vàng ngọc châu báu. Bởi họ nghĩ rằng cánh giới âm phủ mới có thể giúp họ tồn tại lâu dài, mà không có bất kỳ nỗi lo nào.

Người Trung Hoa khi ảnh hưởng nền văn hóa này đã có sự cải biên thay vì chôn người sống, nhà thật, vàng bạc thì họ làm bằng giấy vàng mã; nhưng trong tình huống này, ý niệm về sự chôn cất vẫn còn, sát sanh vẫn được thiết lập. Phong tục sai lầm đó vẫn làm cho nhiều người tin, nên khi chết đi họ cứ bám vào

ảo giác nghĩ rằng mình đang cần áo quần để mặc, nhà cửa để ở, thực phẩm để ăn. Tiến trình thời gian trong việc kéo dài thân trung ấm tạo sự đói khát về cảm xúc, nhận thức và hưởng thụ của các giác quan, mà khi còn sống họ đã từng trải qua. Đức Phật khẳng định không có âm phủ nào để trở về, chỉ có những cảnh giới để tái sinh, gồm năm cảnh giới chính: nga quỷ, súc sinh, A-tu-la, con người, và chư Thiên.

Địa ngục không phải là cảnh giới và không được gọi là một loại hình sự sống. Đây chỉ là phương diện vật lý, nơi mà loài nga quỷ có thể tồn tại. Kéo dài sự tồn tại dưới hình thức hồn ma bóng vía của thân trung ấm sẽ làm cho người quá cố chất chồng thêm khổ đau. Khổ đau ấy không bị gián đoạn, không có niềm vui và cũng không có bất cứ phương tiện nào để thể hiện niềm vui, cho nên gọi đó là địa ngục giống như ngục tù giam nhốt mình. Đây là hình ảnh diễn tả bản chất nổi đau đối với loài ma quỷ chết chưa được siêu.

Năm loại hình sự sống hoàn toàn tương thích với bản chất đạo đức, nhất là hành vi cuối cùng trong cuộc đời sẽ làm cho các hành giả Phật giáo sống có trách nhiệm với bản thân. Đây chính là sự khác biệt giữa người Phật tử và người không phải Phật tử. Các nền triết học và tôn giáo lớn trên thế giới quan niệm chết là hết, hoặc chỉ có hai cảnh giới không lên thiên đàng hưởng phước đời đời của Chúa thì xuống hỏa ngục để đời đời chịu khổ đau. Chủ nghĩa duy vật thì cho rằng không có đời sống ở kiếp sau. Quan niệm như vậy khiến cho trách nhiệm đạo đức bị lung lay, thay đổi, khi mà người tốt và kẻ xấu chẳng có sự khác biệt ở điểm kết thúc, vậy thì làm điều tốt để làm gì? Rất nhiều người làm điều xấu đã có những suy nghĩ sai lầm như thế. Hãy khoan đề cập đến vấn đề có đời sau hay không, chỉ cần ý thức về sự hiện hữu ở đời sau và niềm tin về nó sẽ giúp con người sống có ý nghĩa, biết sợ hãi điều xấu và hậu quả mà mình phải nhận lấy, giá trị đạo đức là ở đây.

ĐÔI TÌNH NHÂN VÀ NGHĨA CỬ CAO THƯỢNG

Ngày 15- 08- 2006, tại Trung Quốc đã xảy ra một sự kiện khá đau lòng. Một đôi tình nhân vừa hứa hôn đã qua đời trong lúc cứu một em bé trên con sông thuộc tỉnh Quảng Tây. Người nam tên là Triệu Thế Lương 27 tuổi, và người nữ tên là Diêu Mỹ Bình 22 tuổi. Cả hai vừa tốt nghiệp cử nhân và đang theo học chương trình cao học gần hoàn tất. Họ đã cùng thề non hẹn biển sau khi học xong sẽ cùng tổ chức lễ cưới.

Hôm ấy, cả hai đang đi dạo quanh bờ sông, bỗng nghe tiếng la thốt thanh trước cảnh tượng một đứa bé đang bị dòng nước cuốn đi. Khi đó, chàng thanh niên vội nhảy xuống cứu, nhưng vì dòng nước chảy xiết quá, anh chỉ kịp đẩy đứa bé vào đến bờ thì bị kiệt sức, nước đã cuốn anh đi. Người vợ chưa cưới vì quá xót xa, đau lòng nên cũng nhảy xuống cứu. Cả hai đã lặn hụp, chiến đấu với dòng nước, là người và kiệt sức. Một lúc sau, khi người ta cứu được thì anh đã chết, và mãi đến hai ngày sau mới tìm thấy xác của cô gái.

Hai gia đình của đôi tình nhân này đều là những Phật tử thuần thành. Họ đã tổ chức lễ cưới cho đôi trẻ ngay trong ngày tang lễ. Người ta cho làm hai hình nộm mặc chiếc áo cưới mà đôi tình nhân đã sắm chuẩn bị cho ngày cưới. Gia đình hai họ cũng làm lễ một cách trịnh trọng bằng lời mở đầu tuyên bố lý do, lời chúc tụng, thậm chí có người đóng vai cô dâu chú rể giả đọc lời phát biểu trong nghi thức lễ cưới, và tiếp theo tiến hành đến nghi thức lễ tang. Có người cho rằng, chết rồi có nên làm như thế hay không?

Đứng từ góc nhìn của đạo Phật, sự tâm đầu ý hợp và nghĩa cử cao thượng trước cái chết của đôi tình nhân này sẽ làm cho họ trở thành vợ chồng ở kiếp sau. Gia đình đã tổ chức lễ hôn phối mặc dù đôi tình nhân này không để lại lời di chúc nào, vì họ chết bất đắc kỳ tử. Cách thức làm như vậy là đúng, bởi vì niềm

mơ ước được làm vợ chồng của nhau chưa thực hiện được, nên dòng cảm xúc tâm lý có thể gây trở ngại cho tiến trình tái sinh. Trong tình huống này, cha mẹ và họ hàng hai bên biết ứng dụng lời Phật dạy trong việc giải phóng ức chế tâm lý ở giây phút cuối cùng trước khi chết, giúp họ ra đi một cách nhẹ nhàng. Việc tổ chức lễ cưới trong trường hợp này mang ý nghĩa đạo đức và ý nghĩa tái sinh rất lớn, dù thiên hạ không hiểu đã lên tiếng phê bình, chỉ trích.

Nghĩa cử cao thượng trước lúc qua đời là hành trang đạo đức định hướng cho bản chất đời sống tái sinh ở kiếp sau, khi mà khoảng cách thời gian diễn ra trong tích tắc. Bằng nghĩa cử cao thượng hy sinh bản thân, không màng đến cái chết, với phước lực này sẽ giúp đôi tình nhân tái sinh rất nhanh chỉ trong tích tắc mà thôi. Thời lượng 49 ngày được nêu ra trong các bản kinh chỉ là sự phòng hờ cho những người tiếc nuối và không chấp nhận cái chết diễn ra như một sự thật.

Các chúng sanh sau khi qua đời trong một cảnh giới hay thân phận nào đó, do vì áp lực nhân quả và nghiệp lực lôi kéo nên họ phải ra đi. Kinh *Na Tiên Tỳ Kheo* đưa ra một ẩn dụ rất sâu sắc, trong lòng bàn tay ta đang nắm những hạt đậu, ngay thời khắc ta buông tay ra để cho những hạt đậu rơi xuống, lúc đó chắc chắn nó phải có chỗ rơi. Điểm rơi của nó có thể là cái bàn, mặt đất hay một khoảng không gian nào đó, tức là phải có một chỗ nào đó để rơi và bám vào.

Đối tượng của sự rơi được hiểu giống như cảnh giới sự sống ở đời sau, và vật rơi là thân thức tái sinh của con người vừa thoát ra sau cái chết. Sự rơi chỉ diễn ra trong khoảng thời gian rất ngắn. Chỉ những người bị tiếc nuối về cái chết, kéo dài tình trạng thân trung ấm và khổ đau khiến họ trở thành ngựa quỷ-hồn ma bóng vía bị đói khát.

Nghiệp trước cảnh huống sanh ly tử biệt, được gọi là cận tử

nghiệp có giá trị lớn trong việc tạo phẩm chất cho người chuẩn bị tái sinh. Chắc chắn phẩm chất của đôi tình nhân khi tái sinh ở kiếp sau phải là người dân thân phục vụ xã hội, cộng đồng, lấy hạnh phúc người khác làm tiêu chí để phục vụ bản thân, không màng đến bất cứ điều gì thậm chí là sự nguy hiểm, đe dọa đến tính mạng. Vấn đề được đặt ra là chết cùng một giờ khắc có thể tạo ra tình huống song sinh khi tái sinh. Lúc đó, thần thức của họ sẽ tìm một gia đình có nghiệp cảm tương đương trong thời điểm ban ngày, và làm thế nào có sự giao phối giữa cha mẹ trong thời điểm có thể thụ thai. Gia đình nào có cặp song sinh một nam, một nữ thì biết rằng đó là cặp song sinh do tự tử, hoặc làm nghĩa cử cao thượng vừa mới qua đời cùng một lúc. Vì vậy mà tiến trình tái sinh làm cho họ có mặt trong cùng một gia đình.

Các vị Hòa thượng đã răn dạy trong tình huống dù bé trai có sinh ra trước thì cha mẹ vẫn nên cho bé gái được trở thành chị của bé trai, để tránh tình huống loạn luân. Bởi vì sanh ly tử biệt gắn liền với tình yêu thương làm cho những đôi tình nhân muốn có mặt cùng một nơi. Thế nhưng nghiệt ngã thay về mặt luân thường đạo lý lại không cho phép anh chị em ruột thịt trở thành người hôn phối của nhau. Do đó, đặt người nữ làm chị để tránh tình trạng đáng tiếc xảy ra.

Hiểu được tâm lý như thế, những cặp tình nhân nhớ về sau đừng đi tái sinh cùng một chỗ. Hãy đợi đến khi tái sinh ra đời rồi, sau này hãy đi tìm nhau, cứ giữ lời nguyện ước thì chắc chắn sẽ gặp nhau. Trong kinh *Tăng Chi Bộ*, đức Phật còn hướng dẫn nghệ thuật để trở thành vợ chồng ở kiếp sau gồm ba yếu tố:

- Trong khoảng thời gian có mặt với nhau trên cuộc đời với tư cách là vợ chồng thì sự chung thủy là điều kiện tiên quyết.

- Cả hai luôn có nguyện vọng trở thành vợ chồng của nhau ở đời này và kiếp khác.

- Trong hai người dù ai có đi tái sinh trước thì người đó vẫn phải nêu tâm niệm rằng tôi sẽ chờ, và người còn lại tái sinh sau sẽ đi tìm kiếm.

Ba yếu tố đó sẽ làm cho đôi vợ chồng dù có chết trong bất kỳ tình huống nào vẫn tiếp tục làm vợ chồng của nhau ở đời sau.

Ngày xưa, công chúa Da-du-đa-la và thái tử Tất-đạt-đa đã từng là vợ chồng của nhau trong rất nhiều kiếp. Sự thành công của Tất-đạt-đa ở nhiều tiền kiếp về trước đều có bàn tay đóng góp và sự hy sinh của Da-du-đa-la. Họ đã rất ân ý, hy sinh và tạo cho nhau sự thành công, hạnh phúc. Đến đời hiện tại này, Da-du-đa-la đã hy sinh trọn vẹn để chồng mình trở thành bậc siêu vĩ nhân, siêu tâm linh và đại giác ngộ - đức Phật Thích Ca ngày nay.

Do tiến trình của sự tái sinh thường dẫn đến tính cách gần gũi nhau. Điều này lý giải tại sao có người vừa mới sinh ra nhưng trong đầu đã có ý tưởng sẵn về mẫu người chồng, người vợ lý tưởng trong tương lai. Có tình huống người nữ mặc dù đối tượng hỏi cưới là người có gia tài, sự nghiệp, địa vị, giàu sang phú quý, hình thức bảnh trai mà họ lại không ưng. Do bởi trong đời quá khứ, người nữ đã từng thề non hẹn biển với một đối tượng khác, nên trong đời này họ đang đi tìm mà chưa gặp. Quá trình cách ám làm cho họ bị quên, nhưng trong chiều sâu tâm thức vẫn còn giữ lại và tạo ra hệ đánh giá tiêu chuẩn, và hệ đó hoàn toàn khác với đối tượng muốn đến với mình. Sở dĩ có hiện tượng trên là do cá tính của người sống ở đời này và tiền thân của người đó trong quá khứ cùng một mẫu số chung.

NGƯỜI CHẾT SỐNG LẠI

Câu chuyện thứ tư mà tôi muốn chia sẻ là hiện tượng người chết sống lại được dân gian gọi nôm na là quỷ nhập tràng. Hiện tượng này có từ ngàn xưa, nhưng mãi đến khi nó được đề cập dưới góc độ của khoa học thì thế giới phương Tây mới bắt đầu

quan tâm, và xem nó giống như một hiện tượng lạ mà khoa học chưa thể lý giải.

Sự kiện đầu tiên diễn ra vào năm 1906 tại bang Kansas - Mỹ, một thanh niên tên là Havy 20 tuổi bị bệnh nặng và đột ngột chết. Người bạn gái của anh rất đau khổ và thương tiếc vô cùng. Cô đã yêu cầu gia đình anh hãy khoan vùi chôn, nài nỉ mãi, cuối cùng luật pháp cũng cho phép. Cô giữ xác người bạn trai trong nhà mình. Bảy ngày sau, chàng thanh niên kia sống lại. Người lý giải rằng đây là hiện tượng thần thoại, vì tấm lòng tha thiết của người thương mà người chết bỏ đi không đành, nên đã xin Diêm Vương sống lại.

Nếu hiểu về hiện tượng chết lâm sàng và chết thực sự hay còn gọi là hiện tượng chết sinh học, sẽ thấy đây là một hiện tượng hoàn toàn khoa học. Người được xem là chết nằm bất động như ra đi, và nếu như không có kiến thức về khoa học người ta dễ chôn sống những người chưa chết. Thống kê xã hội học phương Tây cho thấy cứ 200 ca chết thì có một người bị chôn sống, nghĩa là chưa chết thực sự mà bị cho là chết. Từ các nghiên cứu đặc biệt về hiện tượng chết lâm sàng ở phương Tây giúp thế giới hiểu rõ hơn về điều mà đức Phật đã dạy trong kinh, tại sao người chết có thể sống lại.

Dòng cảm xúc tiếc nuối về một mối tình, về trách nhiệm của người làm cha mẹ đối với con thơ, về trọng trách đại sự của quốc gia v.v... khiến họ muốn níu kéo sự sống. Do được sự hỗ trợ của phước lực về mạng sống hay tuổi thọ vốn gieo trồng ở hiện đời, hoặc nhiều kiếp về trước, năng lực níu kéo, tiếc nuối này sẽ làm cho đời sống được kéo dài. Người thì sống lại vài ngày rồi chết, người thì sống lại mấy mươi năm, tùy vào hành động phước báu liên hệ đến tuổi thọ.

Vì vậy, ngài Huyền Trang đã yêu cầu thân nhân người quá cố phải sau 8 tiếng mới được động vào thi thể của người chết,

khi họ được công nhận là đã chết thực sự. Việc tẩm liệm trước 8 tiếng sẽ khiến cho một số tình huống chết lâm sàng, nghĩa là sự sống vẫn đang còn, dẫn đến phản ứng ức chế tâm lý, sân hận, tạo bất hạnh và oan khiên oán trái ở người quá cố.

Sau khi phát hiện tình trạng chết đi sống lại của Havy vào năm 1906, các nhà nghiên cứu khoa học phương Tây đề nghị trong suốt 24 giờ sau cái chết lâm sàng, thân nhân người quá cố không được lãnh xác về, để người làm công tác pháp y xác định rõ người chết đã thực sự chết chưa, tránh tình trạng đáng tiếc xảy ra. Về sau, nhà khoa học Nga tên là Khabasniki đã nghiên cứu, chế tạo thành công chiếc quan tài có tính an toàn hơn. Nó được thiết kế có hệ thống báo động và thông gió, để khi người chết bị chôn dưới lòng đất vẫn đảm bảo được sự sống. Ngoài ra, chiếc quan tài thông minh này còn có khả năng báo động khi người nằm trong đó phát hiện ra mình vẫn còn sống. Họ có thể động vào bất cứ vị trí nào của nắp hòm, khi ấy một tiếng chuông sẽ vang lên truyền đến nhà thân bằng quyến thuộc của mình. Lúc đó, thân nhân sẽ chạy ra đào mộ huyệt lên, tránh tình trạng để quá lâu có thể gây chết ngạt. Chi phí chế tạo loại quan tài này rất cao, chỉ có những thành phần giàu có trong xã hội mới có khả năng mua. Rất tiếc truyền thống sử dụng loại quan tài này không còn được lưu truyền cho đến ngày nay, ngày cả ở nước Nga.

Kinh điển đạo Phật xác quyết rõ cái chết lâm sàng chưa phải là cái chết thực sự, đó chỉ là dấu hiệu ngưng hoạt động của tim, hô hấp, trong khi não vẫn còn hoạt động dù rất mờ nhạt không đáng kể. Khi ấy, chỉ cần sự hỗ trợ và phục hồi hô hấp để tạo tiến trình tuần hoàn trong cơ thể thì người đó có thể sống lại, dĩ nhiên sự sống trong trường hợp này chỉ có thể là 1/100 hoặc 1/200 mà thôi.

Tháng 9-2006, các nhà xã hội học Việt Nam đã thống kê chỉ có hai hiện tượng chết sống lại, do vì nhận định sai lầm giữa cái

chết lâm sàng thành cái chết thực sự. Vì vậy, đừng nên quan niệm đó là một hiện tượng thần bí do cầu nguyện, hoặc phước lực của người còn sống mong mỗi người chết sống lại. Chẳng qua do phước lực của người chết, năng lực níu kéo sự sống và cái chết khiến họ có khả năng đặc biệt chống chọi lại với hoàn cảnh phải chết. Thông thường, chỉ cần 30 giây là một người bình thường có thể qua đời, nhưng người chết lâm sàng có khả năng chịu đựng, vượt trội hơn mà cái chết vẫn không thể thiết lập.

Nhân quả liên hệ đến một số nghiệp, chẳng hạn như việc lắp hang chuột, hang dế, hang kiến làm cho những con vật này bị chết ngộp. Tất cả những hành động này tưởng chừng không có hệ quả xấu trong tương lai, nhưng theo luân hồi nghiệp báo trong đạo Phật con người vẫn phải gánh chịu. Để tránh nghiệp chết lâm sàng được đồng hóa là chết thực sự, người Phật tử cần gieo trồng hạt giống bảo hộ mạng sống. Việc bảo hộ mạng sống được thể hiện ở tâm lòng và những hành động nho nhỏ nếu chịu khó để ý, có thể tạo phước lực rất nhiều cho bản thân. Khi nhìn thấy một đám tang, quý vị nên cầu cho người quá cố được siêu sinh thoát hóa bằng cách tụng một câu thần chú vãng sanh hay danh hiệu của đức Phật A-di-đà, hoặc người hành giới Bồ-tát có thể hồi hướng công đức cho họ để cảnh đời bất hạnh được kết thúc tại đây và tiến trình tái sinh được diễn ra an lành. Chỉ cần ta thực sự có tâm lòng thì chẳng tốn kém tiền bạc gì. Không nên tin theo các quan niệm mê tín sai lầm mà có thái độ kỳ thị hoặc sợ hãi đối với người chết. Vì như thế làm thương tổn đến lòng từ bi, kiến thức về nhân quả trong đời sống bị mất phương hướng, con người luôn sống trong lo âu, sợ hãi và cuối cùng dẫn đến mất cơ hội để thành công.

1. Lễ cầu siêu với thông điệp buông xả

Khi phát hiện có hiện tượng ma quỷ trong ngôi nhà hoặc bất cứ nơi đâu, hãy giúp hương linh bằng khóa lễ cầu siêu, nếu

thỉnh mời được những vị xuất gia đến làm lễ càng tốt; bằng không quý vị tự thực hiện. Trong lúc làm lễ, cần truyền thông điệp rằng:

“Bản chất của sự sống và cái chết được qui luật nhân quả trong tự thân mỗi người định đoạt. Quý vị hãy hoan hỷ chấp nhận cái chết diễn ra như một sự thật. Đừng bám víu vào thân thể vật lý này; đừng bám víu, tiếc nuối vào dòng cảm xúc này; đừng bám víu vào những kỷ niệm đẹp và xấu, hạnh phúc và khổ đau hay bất cứ điều gì thì quý vị mới có thể ra đi. Chỉ có Phật, Pháp và Tăng mới có khả năng cứu giúp quý vị. Quý vị hãy nương vào thần lực của các Ngài để tình trạng khổ đau của kiếp này sớm được kết thúc.”

Nhìn chung, hương linh qua đời chỗ nào thường có khuynh hướng bám víu chỗ đó, chính nỗi đau uất hận sẽ làm cho hương linh giữ mình lại nơi đó. Ví dụ nơi có tai nạn giao thông, có người tự tử thì những nơi đó thường xảy ra cái “huông”, khiến những người có ý muốn tự tử tự dẫn dắt đến chỗ đó rồi lao xuống mà chết. Dĩ nhiên, đừng nên lý giải đó là hiện tượng bất hồn mà thực tế chỗ nào có quan tài, mồ mả đều là nơi hương linh thường bám víu, chấp mắc. Chẳng hạn kỷ niệm đẹp trong một ngôi nhà, nơi nào tạo hạnh phúc lớn nhất thì nơi đó vẫn như một sợi dây xích trói buộc hương linh trong tiến trình tái sinh.

Mỗi khi có dịp đến nghĩa trang hay ngôi chùa nào có thờ các tro cốt, quý vị nhớ đừng nên cầu nguyện riêng cho người thân của mình, mà hãy mở rộng lòng từ bi cầu nguyện cho tất cả hương linh có mặt tại nghĩa trang hay những nơi khác hãy nương vào thần lực của Tam bảo để siêu sinh thoát hóa. Đừng nên cầu nguyện, van vái: *“Mẹ ơi, hãy về phù hộ cho con trúng số đề đi, con mắc nợ nhiều quá”*. Điều này sẽ tạo lòng tham ở người quá cố, bởi vì bản chất của tình thương là lòng tham, tình thương con cái, vợ chồng đều mang yếu tố của lòng vị kỷ.

Cũng đừng nên cãi vã với nhau việc chia gia tài khi cha mẹ mới vừa nằm xuống chưa kịp chôn, bởi như thế sẽ tạo ra lòng sân oán người ra đi.

2. Gieo trồng công đức, phước báu

Cần thực hiện nghi thức đúng theo lời Phật dạy, đơn giản nhưng có giá trị đạo đức và tâm linh hỗ trợ cho tiến trình tái sinh. Nên gieo trồng phước báu, cúng dường thế nào để chia một phần tài sản cho người quá cố, giúp họ có thêm sự hiểu biết và hành trang công đức. Nếu người quá cố không biết người thân của mình làm việc này thì họ chỉ hưởng được 1/7 công đức nói theo kinh *Địa Tạng*. Do đó, để hương linh có phước báu lớn, trước khi họ qua đời, người thân nên giải thích cho họ hiểu sẽ dùng 1/4 tài sản có được để làm công tác từ thiện, cúng dường hay đóng góp cho một ngôi chùa. Thuyết phục họ hoan hỷ đồng nghĩa với việc họ được hưởng trọn phần công đức và phước báu, bên cạnh đó, người khuyến tấn và thuyết phục cũng được hưởng một phần công đức tương tự. Ngược lại, chờ đến khi người quá cố qua đời ta mới thực hiện việc này, họ sẽ không biết. Do vậy, họ chỉ hưởng được một phần, còn người làm hưởng được sáu phần.

Trên thực tế, ai cũng muốn người quá cố của mình có nhiều công đức để có thể tái sinh vào một cảnh giới an lành. Ta cần lưu ý nói thật khéo, bởi vì đứng trước cái chết, nỗi sợ hãi sẽ có mặt, và càng cố tình phủ định nhiều chừng nào thì nỗi sân hận lại diễn ra nhiều chừng đó. Tình yêu, mồ mã, uất hận, tai nạn, tình cảm, kế hoạch chưa hoàn tất, sự bức bối, tức tối trước lúc chết tất cả đều trở thành ách nạn cho tiến trình tái sinh.

Hằng ngày, hằng giờ, mỗi hành giả cần thực tập phương pháp buông xả, xem nhẹ mọi thứ trên cuộc đời. nỗ lực làm hết mình bằng phương pháp luận, sự tinh tấn, thông minh, trách nhiệm, lương tâm và đạo đức. Kết quả ra sao không cần bận tâm đến.

Thất bại lần này, ta nỗ lực lại lần khác bằng sự kiên nhẫn và tinh tấn, làm hoài làm mãi, không cho phép mình dừng nghỉ. Dừng buồn với những thất bại trong quá khứ, bởi vì quá khứ đã qua rồi và tương lai thì chưa đến. Dừng mơ ước nhiều mà hãy nỗ lực làm hết mình trong hiện tại, khi ấy tương lai chắc chắn sẽ có. Ai sống được như thế thì sẽ rất thân nhiên và không có bất kỳ nỗi sợ hãi nào khống chế mình, nhờ đó mà đời sống trở nên có ý nghĩa.

Mong rằng quý vị mỗi khi có dịp đến chùa cầu nguyện cho hương linh được siêu sinh thoát hóa hoặc đứng trước di ảnh, bàn thờ người thân của mình đừng bao giờ mong họ trở về nhà; cũng đừng thương ông bà tổ tiên, cha mẹ, người thương của mình bằng cách lúc còn sống thềm cái gì thì khi mất cúng cái đó, càng thương tưởng theo tình huống trên thì khổ đau càng có mặt. Điều cần thiết ở đây là cúng một thời kinh về nguyên lý vô thường, vô ngã, về qui luật sanh tử không ai có thể tránh khỏi, cúng bằng công đức phước báu mình có thể làm, cúng bằng đời sống đạo đức để cho người ra đi được an tâm, cúng bằng sự thành công, nỗ lực của chúng ta để lời di chúc đó được thực hiện. Có như thế, người ra đi mới thực sự được lợi lạc. Trái lại, còn bất kỳ nỗi niềm nào chưa được an tâm sẽ làm cho người quá cố chết không nhắm mắt. Đây là phản ứng cơ học vật lý tự nhiên của cơ thể, ai suy nghĩ nhiều sẽ làm cho mắt hoạt động, càng hoạt động nhiều chừng nào thì ức chế tâm lý trên não trạng gây mất ngủ nhiều chừng đó. Đối với cái chết cũng tương tự như vậy, tức tối, khó chịu sẽ làm cho mắt không nhắm lại.

3. Phóng thích gút mắc

Ai là đối tượng dẫn đến cái chết, làm cho người quá cố chết không nhắm mắt, hoặc lúc còn sống người quá cố đã từng thề độc ví dụ như: “*Lúc tao chết, mày đừng bao giờ tới nhìn mặt tao...*”. Trong tình huống này, hãy thực hiện đúng như lời thề, đừng nên tới nhìn mặt. Hãy đứng ở một nơi nào và nguyện cầu: “*Ba ơi, mẹ ơi, hãy tha thứ cho con! Con biết rằng đó là một điều*

sai. Con nguyện hứa từ đây về sau sẽ không làm điều đó nữa. Bà mẹ hãy buông xả niềm uất hận này để tiến trình tái sinh được tốt, để cái gút của khổ đau được kết thúc tại đây...”

Phải nguyện bằng lòng chí thành và lặp lại nhiều lần giúp cho người quá cố phóng thích được cái gút của chấp mắc. Chính vì lẽ đó, di chúc của người quá cố lúc cuối đời cần phải được tôn trọng. Bằng không, hương linh chưa siêu sinh bị ức chế tâm lý, có thể tạo trở ngại về sau.

Hy vọng rằng mỗi chúng ta ý thức nhiều hơn về sự sống và cái chết như là một qui luật, có thể giúp cho mình và người thân vượt qua được thách đố lớn nhất trong cuộc đời, mà vốn chỉ là một điểm chấm trên tiến trình sinh tử không bờ bến.

Liên kết xuất bản:
Công ty TNHH Dịch Vụ Khai Tuệ
92 Nguyễn Chí Thanh, P.3, Q.10, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 08. 38394121

CHẾT ĐI VỀ ĐẦU

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc - Tổng biên tập: Quang Thắng
Biên tập nội dung: Đăng Khâm
Sửa bản in: Minh Như
Bìa: Ngọc Ánh
In 1.000 bản, khổ 14x20cm
tại Công ty CP in Người Lao Động
195 Lê Quang Sung, P.6, Q.6, TP. Hồ Chí Minh
Số xác nhận đăng ký xuất bản: 758-2015/CXBIPH/01-14/PĐ
Cục xuất bản, In và Phát hành ký ngày 03 tháng 04 năm 2015
Quyết định xuất bản số: 164/QĐ-NXBPD, ngày 13 tháng 04 năm 2015
In xong và nộp lưu chiểu tháng 04 năm 2015